

“Bí Mật Ngũ Giác Đài Phần II: Tham Gia Vào Chiến Tranh Pháp Việt 1950 - 1954”

Lời người dịch:

Ngày 19 tháng Ba 1945, Nhật lật đổ Pháp [Vichy] giành trọn Đông Dương, đưa Vua Bảo Đại lên làm người đứng đầu nước Việt Nam nằm trong khối Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á. Bảo Đại tuyên bố Việt Nam Độc Lập và hủy bỏ các Hiệp Ước với Pháp, thống nhất ba miền.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, [Đế quốc Nhật Bản](#) đầu hàng vô điều kiện. Thế Chiến II chấm dứt.

Ngày 28-8-1945, Bảo Đại thoái vị và trao ấn, kiếm cho Đại diện Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, tuyên bố xoá bỏ chế độ quân chủ ở Việt Nam để lại câu nói lịch sử *“Tôi thà làm công dân một nước tự do còn hơn làm vua một nước nô lệ”* và trở thành Cố Vấn Tối Cao cho chính phủ Hồ Chí Minh.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, ở Hà Nội, Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà hoàn toàn độc lập.

Năm 1946, Bảo Đại chạy qua Hồng Kông. Ở đó, cựu hoàng bản thân đã được thu hút không chỉ bởi đại diện của Pháp, mà cả VNDCCH, phía nào cũng tìm cách mời ông nhân danh họ mà hành động [thương thuyết] với Pháp. Sau cùng Bảo Đại đã bỏ Việt Minh và chấp nhận đứng đầu một Liên Minh Quốc Gia mới được thành lập và từ đây một thực thể Quốc Gia đối kháng với Cộng Sản thành hình. Đó là bối cảnh Việt Nam từ khi Nhật hất cẳng Pháp, đầu hàng năm 1945 đến 1950 mà một liên minh tay ba: Pháp, Bảo Đại và Mỹ xuất hiện với hai mục đích rõ ràng:

Pháp muốn tái lập chủ quyền thực dân ở Việt Nam, Mỹ muốn ngăn chặn bành trướng của Cộng Sản [Trung Quốc] theo chủ thuyết Domino, Bảo Đại thì chỉ muốn làm tay chơi, ai cung phụng cho ông đều tốt cả ... Cái thế “tiêu tòng” là ở chỗ đó .

Pháp thì không muốn trao Độc Lập thực sự cho phe Quốc Gia Việt Nam, ngay cho đến khi sắp thất thủ ở Điện Biên Phủ vẫn ngoan cố không là không . Phe Quốc Gia dưới Bảo Đại thì không có lòng dân, quân đội vẫn do Pháp nắm, Bảo Đại thì ù lì gần như không làm gì hết ngoại trừ ăn chơi, hộp đêm, đánh bạc, săn bắn, đua xe. Mỹ thì bị Pháp xỏ mũi dẫn dắt dù rất muốn và đã ép Pháp trao Độc lập hoàn toàn cho Việt Nam để tạo thế mạnh cho phe Quốc Gia chống lại Việt Minh lúc này chỉ gồm toàn là Cộng Sản...

Điện Biên Phủ thất thủ, Pháp đầu hàng, Hội Nghị Geneva kết thúc, Việt Nam hoàn toàn “Độc Lập” và bị chia hai . Miền Bắc Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa “Độc Lập” dưới tượng đài Mác-Lê-Mao, miền Nam Việt Nam Cộng Hòa dưới tượng đài Tự Do mà vai trò là “tiền đồn chống cộng”.

Từ đây hai chữ Quốc Gia và Cộng Sản mang đầy đủ nội hàm thù địch, sinh tử, súng đạn, bom mìn, chém giết và tàn phá ...

“**Bí mật Ngũ Giác Đài – Phần III**” là diễn tiến Hội Nghị Geneva ...

Tôi sẽ trở lại sau khi tìm hiểu vì sao ông Ngô Đình Diệm bị lật và bị giết cùng với bào đệ Ngô Đình Nhu trong “Bí mật Ngũ Giác Đài – Phần IV-B-5” ([Part IV. B. 5.] Evolution of the War. Counterinsurgency: The Overthrow of Ngo Dinh Diem, May-Nov. 1963)

“Bí Mật Ngũ Giác Đài Phần II: Tham Gia Vào Chiến Tranh Pháp Việt 1950 - 1954”

II Hoa Kỳ Tham Gia vào Chiến Tranh Pháp – Việt Minh 1950-1954 (tập 1)

- A. Hoa Kỳ, Pháp và chủ nghĩa Dân Tộc Pháp
- B. Hướng về một giải pháp thương lượng

Phần II

Hoa Kỳ Tham Gia vào Chiến Tranh Pháp – Việt Minh 1950-1954

Lời nói đầu

Phần nghiên cứu này về chính sách của Hoa Kỳ về cuộc chiến tranh ở Đông Dương kể từ lúc Hoa Kỳ quyết định công nhận chế độ Việt Nam Quốc Gia của Hoàng đế Bảo Đại vào tháng Hai, 1950, thông qua việc thảo luận về một sự can thiệp của quân đội Hoa Kỳ vào cuối năm 1953 và đầu năm 1954. Mục A xem xét các mối quan hệ tam giác giữa Pháp, Mỹ, và chế độ Bảo Đại. Mục B phân tích kết quả của sự can thiệp, và các tiền đề cho Hội nghị Geneva.

- A. Hoa Kỳ, Pháp và chủ nghĩa quốc gia Việt Nam

B. Tiến tới một giải pháp thương lượng

II. A. HOA KỲ, PHÁP VÀ CHỦ NGHĨA QUỐC GIA VIỆT NAM

TÓM TẮT

Đã có lập luận rằng ngay cả khi Hoa Kỳ bắt đầu hỗ trợ cho người Pháp ở Đông Dương, Hoa Kỳ đã bỏ lỡ cơ hội để mang lại hòa bình, ổn định và độc lập cho Việt Nam. Các vấn đề đã được nêu lên từ niềm tin của một số nhà phê bình rằng (a) Hoa Kỳ đã không cố gắng tìm kiếm và hỗ trợ một giải pháp quốc gia khác ở Việt Nam và (b) Hoa Kỳ chỉ huy, nhưng đã không sử dụng, những thế thượng phong của mình để thúc đẩy Pháp trao trả Độc Lập chân chính cho Việt Nam.

Tài liệu ghi chép lại đã cho thấy cho đến năm 1953, người Pháp theo đuổi một chính sách dựa trên chiến thắng quân sự và đã loại trừ các cuộc đàm phán có ý nghĩa với Hồ Chí Minh. Người Pháp, tuy nhiên, đã công nhận là có đòi hỏi hướng về khát vọng quốc gia Việt Nam, và từ năm 1947 về sau, đã đưa ra "giải pháp Bảo Đại". Những tài liệu này cũng cho thấy thái độ do dự của Hoa Kỳ cho tới 1949 mới thông qua "giải pháp Bảo Đại" [với điều kiện] cho đến khi nào Việt Nam đã được thống nhất trên thực tế và được giao quyền tự chủ và nhất quán hỗ trợ việc tạo dựng một chính phủ Việt Nam thực sự độc lập và không cộng sản để thay thế Pháp. **Tuy nhiên, sự sụp đổ của Trung Quốc và các tình hình quân sự của Pháp bị xấu đi ở Đông Dương đã đưa đến cả Pháp và Hoa Kỳ đều nhấn vào "giải pháp Bảo Đại."**

Đầu năm 1950, sau khi Pháp phê chuẩn Hiệp định Elysee đã trao "Độc lập" cho Việt Nam, Hoa Kỳ công nhận Bảo Đại và khởi sự viện trợ kinh tế và quân sự được khởi xướng, ngay trước cả khi việc chuyển giao quyền lực của Chính phủ xảy ra trên thực tế. Sau đó, **người Pháp chỉ chuyển giao việc kiểm soát trên hình thức, trong khi Hoàng Đế Bảo Đại thì chỉ muốn giữ một vai trò nghỉ hưu và thụ động, và giao chính phủ cho những chính trị gia không uy tín.** Chính quyền Bảo Đại không được lòng dân và cũng không hiệu quả, và quân đội của họ, phụ thuộc vào chỉ huy người Pháp, tỏ ra bất lực. Sự bất lực của chế độ Bảo Đại, sự thiếu vắng bất kỳ lựa chọn thay thế nào có thể thấy được (trừ những người cộng sản), sự kiện Pháp tiếp tục nắm quyền và kiểm soát Chính phủ Việt Nam, sự kiện là dường như chỉ có một mình người Pháp là có khả năng ngăn chặn cộng sản ở Đông Dương - tất cả những hạn chế đó đã thúc giục Hoa Kỳ [ủng hộ] cho một chính phủ dân chủ-quốc gia ở Việt Nam. (Bảng 1)

[Vì] Các mối quan hệ Mỹ-Pháp ở châu Âu (NATO, Kế hoạch Marshall, Chương trình Hỗ trợ Lẫn Nhau về Quốc phòng) khiến Hoa Kỳ không mấy mạnh mẽ trong việc đòi hỏi Pháp nhượng bộ cho phía Việt Nam quốc gia. Bất kỳ với chuyện nào kể trên, thế nói chuyện với Pháp [về Đông Dương], Hoa kỳ đều bị hạn chế bởi những cân nhắc rộng hơn nặng về chính sách ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở châu Âu và châu Á. NATO và Kế hoạch Marshall bản thân chúng được đánh giá là những thiết yếu cho lợi ích của chúng ta ở Châu Âu. Đe dọa trừng phạt kinh tế và quân sự với Pháp ở châu Âu để ép Pháp thay đổi chính sách của họ ở Đông Dương, vì vậy, trở nên không thích đáng. Tương tự như vậy, giảm mức viện trợ quân sự cho các nỗ lực của Pháp ở Đông Dương sẽ là phản tác dụng, vì làm như thế sẽ làm suy giảm hơn nữa vị thế quân sự Pháp ở đó. Nói một cách khác, có một sự đối nghịch cơ bản giữa hai con đường trong chính sách của Mỹ: (1) Washington muốn Pháp chiến đấu và chiến thắng cộng sản, tốt nhất là dưới sự hướng dẫn và tư vấn của Mỹ, và (2) Washington chờ đợi Pháp, sau khi chiến thắng [Thế Chiến] đã được đảm bảo thì nên cao thượng mà rút ra khỏi Đông Dương. Đối với Pháp, có lẽ họ đã chiến đấu trong chiến tranh thuộc địa nhiều hơn là trong chiến tranh chống cộng sản, chắc đã thấy hậu quả của việc rút ra sẽ ảnh hưởng đến các thuộc địa khác như Algeria, Tunisia và Ma Rốc, chuyện cao thượng rút quân chắc là không có khả năng.

Chính sách của Pháp không có những đối kháng như thế, đã có thể theo đuổi cuộc đua thương lượng với một thế mạnh hơn. Malthus, người Pháp đã chống lại áp lực từ Washington và cơ quan MAAG [*Military Assistance Advisory Group*] ở Sài Gòn là muốn tạo ra một đội quân thật sự Việt Nam, được nhiều tự chủ hơn ở Việt Nam và theo đuổi cuộc chiến tranh có hiệu quả hơn. MAAG bị chuyển xuống thành một cơ quan tiếp liệu và những lời nhắc nhở đôi khi của họ thường được người Pháp diễn giải như những can thiệp vào công việc nội của họ. **Mặc dù cho đến năm 1954, Hoa Kỳ tài trợ 78% của chiến phí, người Pháp vẫn kiểm soát toàn bộ việc bố trí viện trợ quân sự và các công tác tin tức tình báo và việc lập kế hoạch các chiến dịch quân sự.** Những kỳ vọng chiến thắng của Pháp trên Việt Minh đã khuyến khích Hoa Kỳ "đồng hành" với Paris cho đến khi chiến tranh kết thúc [1954]. Hơn nữa, Hoa Kỳ miễn cưỡng đối kháng với Pháp bởi vì các ưu tiên trong kế hoạch của Washington là cần sự tham gia của Pháp trong cộng đồng Quốc phòng Châu Âu. Pháp, vì vậy, đã có con chủ bài đáng kể và, trừ khi Hoa Kỳ phải hỗ trợ trên các điều kiện của Paris, nếu không Pháp có thể, trên thực tế, Pháp đã thực sự đe dọa không tham gia EDC [Liên minh quốc phòng Âu Châu – European Defense Community] và [đe dọa] ngưng chiến đấu ở Đông Dương. (Tab 2)

Giới học giả và hoạch định chính sách của Hoa Kỳ có khuynh hướng đánh giá cộng sản như một cực nguyên khối. Việt Minh, vì vậy, đã được coi là một phần của Đông Nam Á trong toan tính mở rộng phong trào cộng sản trên toàn thế giới. Mặt khác, việc đối kháng của Pháp với Hồ Chí Minh, lại được cho rằng đó là một việc thiết yếu trong việc ngăn chặn cộng sản. Nhận thức về các mối đe dọa chiến lược của cộng sản, hỗ trợ bởi **nguyên tắc Domino: chỉ cần một quốc gia đơn nhất ở Đông Nam Á bị rơi vào tay cộng sản, thì việc các quốc gia khác trong khu vực rơi sẽ vào vòng kiểm soát của cộng sản là không thể đảo ngược**. Thuyết Domino, bắt nguồn có lẽ từ thời điểm mà phe Quốc Gia rút khỏi Đại Lục Trung Quốc, là gốc rễ của chính sách của Mỹ. Mặc dù các yếu tố của thuyết Domino, có thể được tìm thấy trong các giấy tờ NSC [Hội Đồng An Ninh Quốc Gia – National Security Council] trước khi chiến tranh Triều Tiên bắt đầu, sự can thiệp của Trung Quốc vào [chiến tranh Triều Tiên] được cho là một xác nhận đáng ngại về giá trị của lý thuyết này. **Khả năng một sự can thiệp quy mô lớn của Trung Quốc ở Đông Dương, tương tự như ở [bán đảo] Triều Tiên, là đáng lo ngại**, đặc biệt là sau khi hiệp ước đình chiến ở Triều Tiên [được ký kết].

Chính quyền Eisenhower tiếp nối các chính sách cơ bản của vị tiền nhiệm của mình, cũng là vẫn là tiếp tục đẩy mạnh các cam kết của Hoa Kỳ ngăn chặn [cộng sản] ở châu Á. Bộ Trưởng [Ngoại Giao] Dulles theo đuổi một chính sách thẳng băng và chống cộng đã nói rõ rằng ông sẽ không cho phép "mất" Đông Dương, trong cách thức như phe Dân chủ đã đã làm "mất" Trung Quốc [vào tay cộng sản]. Dulles đã cảnh cáo Trung Hoa [cộng sản] không được can thiệp, và kêu gọi người Pháp phải hướng tới một chiến thắng quân sự. Dulles chống đối một cuộc ngưng bắn và cố gắng thuyết phục Pháp tránh đàm phán với Việt Minh cho đến chừng nào họ đạt được những cải thiện đáng kể vị thế thương lượng của mình thông qua hành động của họ trên chiến trường. **Hội Đồng An Ninh Quốc Gia vào đầu năm 1954 đã được thuyết phục rằng một chế độ liên minh phi cộng sản cuối cùng rồi sẽ giao đất nước cho Việt Minh**. Hậu quả là với một chính sách thiên quân sự này, chính phủ Hoa Kỳ có xu hướng tập trung vào khía cạnh quân sự nhiều hơn chính trị trong cuộc chiến giữa Pháp và Việt Minh.. (Tab 3)

THẢO LUẬN

II. A. Tab 1 - Chính sách của Hoa Kỳ và chế độ Bảo Đại

Tab 2 – Thế thương lượng: Pháp có nhiều hơn có Hoa Kỳ

Tab 3 - Nhận thức về các mối đe dọa của cộng sản Đông Nam Á và về lợi ích cơ bản của Hoa Kỳ

II. 1. A.

Chính sách của Hoa Kỳ và chế độ Bảo Đại

Mục Lục

1. Giải Pháp Bảo Đại	A.5
a. Những khó khăn của Pháp	A.5
b. Hiệp định Vịnh Hạ Long năm 1948	A.5
c. Hiệp định Elysée năm 1949	A.7
d. Chính phủ Bảo Đại	A.7
e. Cuộc đàm phán Pau, 1950	A.9
2. Chính Sách của Hoa Kỳ đối với Bảo Đại	A.11
a. Đủ điều kiện phê duyệt, 1947-1949	A.11
b. Công nhận năm 1950	A.13
c. Mỹ Viện trợ cho Đông Dương	A.17
d. Pháp không khoan nhượng	A.18
(1) 1950-1951: De Lattre và "năng động"	A.18
(2) 1951-1953: Letourneau và "độc tài"	A.20
e. Bảo Đại chờ đợi	A.22
f. Các khó khăn của Mỹ	A.26

II. A. 1. Chính sách của Hoa Kỳ và chế độ Bảo Đại

1. Giải Pháp Bảo Đại

a. Những khó khăn của Pháp

Nhận thức Pháp về cuộc xung đột nổ ra trong tháng Mười Hai, 1946, giữa lực lượng của họ ở Đông Dương và các lực lượng Việt Minh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) đã dặt dụa thay niềm lạc quan vô bờ bằng nỗi u ám không kiểm chế được. Trong tháng Năm, năm 1947, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh Coste-Floret tuyên bố ở Paris: "Đã không còn bất cứ vấn đề quân sự gì ở Đông Dương... sự thành công của quân lực Pháp là hoàn tất". **1/** Trong sáu tháng, mặc dù hàng loạt tấn công bằng tàu đổ bộ bọc thép, xe lội nước, đánh bom vào vùng núi phía Bắc và dọc bờ biển miền Trung, Việt Minh vẫn đưa ra các cuộc tấn công và phá hoại các trục lộ giao thông qua những [kế hoạch] dàn dựng vững chắc, và lúc ấy Paris đến lúc nhận ra họ đã mất chủ động trên chiến trường. Trong khi đó, Pháp đã tung ra những đợt phá chính trị đầy tham vọng và cùng mức độ không hiệu quả. Leon Pignon cố vấn chính trị của chỉ huy Pháp ở Đông Dương, và sau đó thành Cao Ủy [Đông Dương], đã viết vào tháng Giêng, năm 1947, đó là:

"Mục tiêu của chúng ta là rõ ràng: hoán vị [chúng ta] vào lĩnh vực chính trị ở Việt Nam mà chúng ta đang tranh cãi với Việt Minh, và để bản thân chúng ta càng ít tham gia càng tốt vào những chiến dịch quân sự và trả đũa, nó phải là công việc của những đối thủ người bản xứ của đảng đó [Việt Minh] "

Trong vòng một tháng, một sứ giả được gửi vào rừng để giao cho chính phủ Hồ Chí Minh một đòi hỏi tương đương với việc đầu hàng vô điều kiện. **Khoảng cùng thời gian đó, đại diện Pháp tiếp cận Bảo Đại, cựu Hoàng đế An Nam, với đề xuất hình thành một chính phủ Việt Nam như một giải pháp thay thế cho Hồ Chí Minh. Vừa không có khả năng áp đặt một giải pháp quân sự, vừa đã khóa kín mọi đàm phán có ý nghĩa với Hồ, người Pháp đã chuyển sang Bảo Đại như khách hàng tiềm năng duy nhất có thể giúp họ thoát khỏi tình thế tấn thối lưỡng nan ở Việt Nam. 2/**

b. Hiệp định Vịnh Hạ Long năm 1948

Triều đình phong kiến của Bảo Đại ở Huế, Việt Nam, là một cái gì chút ít cao hơn một công cụ trong chính sách thuộc địa của Pháp, và - sau khi bị Nhật Bản chiếm đóng - lại [là công cụ] nằm trong chính sách của Nhật Bản. Bảo Đại trở thành Hoàng đế ở tuổi 12, năm 1925, nhưng đến năm 1932 mới thực sự lên ngôi sau khi được giáo dục tại Pháp. **Tháng Tám năm 1945, khi Việt Minh đến Huế, Hoàng Đế thoái vị nhường quyền cho Hồ Chí Minh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và nhận chức vụ "Cố vấn tối cao" cho nhà nước mới.** Năm 1946, cựu hoàng rời Việt Nam, và đến Hồng Kông. Ở đó, cựu hoàng bản

thân đã được thu hút không chỉ bởi đại diện của Pháp, mà cả VNDCCH, phía nào cũng tìm cách mời ông nhân danh họ mà hành động [thương thuyết] với Pháp.

Ban đầu Bảo Đại giữ vị trí trung lập đứng giữa hai phe đối thủ nhưng đã sớm được phe quốc gia không cộng sản thuyết phục từ chối lời đề nghị của Việt Minh. Một nhóm các phe này [quốc gia], bao gồm các thành viên của Cao Đài, Hòa Hảo, Đồng Minh Hội, Đại thú, và các VNQPD thành lập một Liên Minh Quốc Gia, và tuyên bố hỗ trợ cho Bảo Đại. Một người uy tín đã đánh giá Liên Minh Quốc Gia là "một liên minh mong manh bao gồm những kẻ hợp tác [với Tàu, với Nhật] mất uy tín, những bậc thầy tham vọng đầy âm mưu, những giáo phái không năng lực, và một số lãnh đạo trung thực nhưng nông cạn không người theo" Trong số những người vừa kể có Ngô Đình Diệm, người đã "lần đầu tiên và lần duy nhất, gia nhập một nhóm mà ông không phải người sáng lập", và đã thề nguyện ủng hộ Hoàng đế miễn là ông ta theo đuổi độc lập cho Việt Nam. 3/

Bây giờ, khi đã loại bỏ được việc chọn ủng hộ Việt Minh, Bảo Đại đã trở nên dễ phục tùng hơn trong các cuộc thương thuyết với người Pháp, và tương ứng, người Pháp trở thành gay gắt hơn trong thái độ của họ đối với Việt Minh. Tuy nhiên, ít cam kết được đúc kết từ các cuộc đàm phán. **Ngày 07 tháng 12 năm 1947 trên một tàu chiến của Pháp ở Vịnh Hạ Long, Bảo Đại đã ký Hiệp định với Pháp, người Pháp đã cam kết quá ít độc lập chính trị cho Việt Nam đến nỗi ngay tức khắc Hiệp Ước đã bị lên án không chỉ bởi Diệm, mà cả nhiều đồng nghiệp cơ hội chủ nghĩa trong Liên minh Quốc gia. Bảo Đại, trong một hành động mà được xem như là một rút lui chính trị, tự tách mình ra khỏi những mưu đồ đang khai diễn, và bỏ chạy sang tìm vui trong những điểm giải trí ở Châu Âu trong một chuyến đi chơi bốn tháng, việc làm đã cho ông cái mệnh danh là "Hoàng Đế câu lạc bộ đêm."**

c. Thỏa Thuận Elysée, 1949

Ngày 8 tháng 3 năm 1949, sau nhiều tháng đàm phán, Tổng thống Pháp Auriol, trong những trao đổi thư tín với Bảo Đại, đã tái khẳng định để Việt Nam độc lập cho như một nước nằm trong Liên Hiệp Pháp và [đưa ra] những]thủ tục chi tiết cho một Việt Nam thống nhất và đặt nó dưới chính quyền của Việt Nam. Tuy nhiên, **trong Hiệp định Elysée, Pháp lại không giao lại quyền kiểm soát cả quân đội lẫn ngoại giao cho phía Việt Nam**, và một lần nữa lại hoãn việc sắp xếp cho gần như tất cả các khía cạnh khác của quyền tự chủ. Tuy nhiên, Bảo Đại dường như đã tự thuyết phục rằng Pháp là đủ tuyệt vọng ở Đông Dương để phải tôn trọng Hiệp định, tuyên bố rằng:

... Một thời kỳ tái thiết và đổi mới sẽ mở ra tại Việt Nam. Đất nước sẽ có những định chế dân chủ được đưa ra chủ yếu là để phê duyệt các thỏa thuận hiện tại.... Cải cách sâu sắc về kinh tế và xã hội sẽ được định chế hóa để nâng cao đời sống của nhân dân và thúc đẩy công bằng xã hội là những điều kiên và bảo đảm cho trật tự... *[Tôi tìm cách]* đoàn kết tất cả người Việt Nam, không phân biệt khuynh hướng chính trị và tôn giáo, và *[nhận được]* những hỗ trợ hào phóng của nước Pháp mà tôi có thể tin tưởng vào... " **5/**

Mặc dù lập trường *[đã]* công khai của mình, Bảo Đại trì hoãn trở về Việt Nam cho đến khi một quốc hội Nam Kỳ được bầu xong (mặc dù là một trò hề bầu cử), và đã không về Sài Gòn cho đến khi Quốc hội Pháp đã phê duyệt việc Nam Kỳ sát nhập vào phần còn lại của Việt Nam *[Nam Kỳ không còn là nhượng địa cho Pháp, Bắc kỳ không còn dưới sự bảo hộ của Pháp]*. **Cuối tháng Sáu, năm 1949, Việt Nam đã được hợp pháp thống nhất dưới thời Bảo Đại, nhưng việc trao lại quyền lực liên quan đến các chức năng hành chính còn chậm, và thường chỉ có tính chất làm mẫu; không có quyền lực thực sự hoặc cơ quan có thẩm quyền đã được chuyển cho phía Việt Nam. Nhà nước Việt Nam *[mới]* đã trở thành một thứ ngụy trang cho Pháp tiếp tục cai trị ở Đông Dương. Như Bảo Đại, đã mô tả tình hình vào năm 1950, "Những gì họ gọi là một giải pháp Bảo Đại hóa ra chỉ là một giải pháp Pháp.... Tình hình ở Đông Dương mỗi ngày một càng tồi tệ hơn..."**

d. Chính Phủ Bảo Đại

Nhiều yếu tố không lành mạnh trong Liên Minh ủng hộ Bảo Đại đã chi phối chế độ của ông. Ngô Đình Diệm và một vài người quốc gia chính trực khác từ chối các chức vị cao trong chính phủ, và rút lại sự ủng hộ của họ cho Bảo Đại từ khi mà họ thất vọng cho những mong đợi của họ về quyền tự chủ *[của VN]*. **Diệm tuyên bố công khai chỉ trích sự liêm khiết của những người đã chấp nhận những chức vụ** *[trong chính phủ]*:

"Nguyện vọng quốc gia của người dân Việt Nam sẽ được thỏa mãn chỉ vào ngày mà quốc gia của chúng ta có được cùng một chế độ chính trị như Ấn Độ và Pakistan đang hưởng... Tôi tin rằng đó là điều duy nhất đúng đắn để bổ nhiệm các chức vụ cho *[chính phủ]* Việt Nam với những người xứng đáng nhất của đất nước; tôi nói về những người đang chống lại... **Z/**

Tuy nhiên, không chút một cố gắng đi tìm trong giới "kháng chiến", Bảo Đại đã chọn các nhà lãnh đạo cho *[chính phủ của]* mình trong số những người có những liên hệ mạnh mẽ với Pháp, thường là những người giàu có và đáng nghi ngờ, hoặc có quan hệ với thế giới tân-chủ nghĩa trọng thương của Pháp và những người Việt trụy lạc. Không có người nào có được quần chúng

theo sau. Tướng Georges Revers, Tham mưu trưởng của quân đội Pháp, người đã được gửi đến Việt Nam để đánh giá tình hình trong tháng năm và tháng Sáu năm 1949, đã viết rằng:

"Nếu Hồ Chí Minh đã có thể để ngăn chặn sự can thiệp của Pháp quá lâu, bởi vì người lãnh đạo Việt Minh đã được bao quanh mình với một nhóm người mà giá trị là không thể chối cãi... [Bảo Đại, ngược lại] có một chính phủ bao gồm hai mươi đại diện của các đảng ma, đảng tổ chức tốt nhất trong số đó sẽ có khó khăn trong việc tập hợp chỉ 25 thành viên " 8/

Bản thân Bảo Đại, tiếp theo đó, đã không làm gì để làm cho chính phủ của ông có tính đại diện và hiệu quả hơn. Ông chia thời gian của mình trong những niềm vui ở thị trấn nghỉ mát Đà Lạt, Nha Trang, và Ban Mê Thuột, và trên mọi phương diện thực tế, vẫn nằm ngoài sự tiến hành của chính phủ.

Một nhà ngoại giao Hoa Kỳ phục vụ tại Việt Nam vào thời điểm đó, biết rõ Bảo Đại, đã đánh giá ông này trong các từ ngữ sau:

*"Bảo Đại, trên tất cả, là một người thông minh trí tuệ, ông có thể thảo luận về các chi tiết phức tạp của các hiệp định khác nhau và toàn bộ mối quan hệ liên quan với Pháp cũng bằng hay tốt hơn so với bất cứ người nào mà tôi biết. Ông là một người đã bị làm tê liệt bởi giáo dục Pháp của ông. Tính cách của ông là quá trầm tĩnh [theo nghĩa cóc cần]. Ông tự cho phép mình bị bán bởi người Pháp dựa trên một sai lầm thay vì trên một khái niệm tiến hóa hợp lý, và khi chuyện đó phù hợp cho mình thì ông cũng đồng tình, và ông đã gần như mang bệnh bị xấu hổ, đó là một trong những lý do mà ông luôn luôn thích đeo kính đen. Có lẽ ông đã qua các chu kỳ trầm cảm, và khi ông chán nản, ông sẽ ăn mặc với bộ quần áo Việt Nam [khăn đóng áo dài] thay vì như người châu Âu, và không nói một tiếng nào về Pháp. Chính sách của ông, ông nói với tôi, trong một hoàn cảnh nghiêm trang, về một trong những chính sách đó, đó là một **chính sách 'gặm nhấm'** hay 'cắt tỉa', và ông đã đau đớn nhận thức được điều đó. Pháp, tất nhiên, không bao giờ hạnh phúc khi người Hoa Kỳ chúng ta có quan hệ tốt với Bảo Đại, và họ đã nói với ông như vậy. Thật không may, họ [Pháp] cũng có một số [thủ đoạn] hăm dọa ông ta, về mối quan hệ của ông với các doanh nghiệp cờ bạc ở Sài Gòn và tình yêu của ông với sự [tiêu xài] hoang phí. " 9/*

Dù đức tính của ông ra sao, Bảo Đại không phải là một người có thể kiểm được sự trung thành của nông dân Việt Nam. Ông thậm chí không thể giữ được sự trung thành của những người quốc gia trung chính, một trong số đó, ví dụ, là Bác sĩ Phan Quang Đán - một người lỗi lạc, có

khả năng, phi-cộng sản và ban đầu ủng hộ "giải pháp", và là một người bạn riêng của Bảo Đại- (Bác sĩ Đán về sau, là lãnh đạo đối lập thời Diệm). Bác sĩ Đán có một cuộc trò chuyện với mẹ của Bảo Đại, trong đó bà mô tả con trai của mình đã thất bại để tìm ra ai là người đáng tin tưởng, và chán nản với bầu không khí thù địch bao quanh ông. **10/** Thêm nữa, Bác sĩ Đán từ chức Bộ Trưởng Thông tin trong chính phủ Bảo Đại vì [bất mãn] Hiệp định Elysée, và, mặc dù ông vẫn gần gũi với vị hoàng đế, không muốn nhận bất cứ chức vụ gì với vua. Bản thân Bảo Đại đã đưa ra những giải thích mâu thuẫn về triết lý chính trị của ông, điều có thể giải thích lý do tại sao ông không nắm được trái tim của người nông dân đang bị hà hiếp, hay các nhà lãnh đạo chính trị nghiêm túc - không ai trong số những người này có thể tiêu hóa được [ý niệm] "tĩa cắt" khi đòi hỏi phải là một cuộc cách mạng. Bảo Đại nói:

"Làm chính trị giống như chơi một trò chơi, và tôi đã luôn luôn coi là cuộc sống là một trò chơi" **11/**

e. Thương thuyết ở Pau, 1950

Tuy nhiên, Bảo Đại đã làm việc để áp lực Pháp. Các quan chức Pháp trong thực tế, than phiền với một nhà văn Hoa Kỳ rằng Bảo Đại đã dành quá nhiều thời gian vào các mục đích như thế:

"Ông ta đã tập trung quá nhiều vào những gì mà ông có thể đòi từ chúng tôi thay vì lo xây dựng việc nhân dân trong nước hỗ trợ mình.. Lịch sử sẽ phán xét nếu ông ta chỉ lo làm quá về điều đó..." **12/**

Từ cuối tháng Sáu, năm 1950, cho đến cuối tháng mười một, Bảo Đại sát cánh chắc chắn với hàng loạt hội nghị ở Pau, ở Pháp, được triệu tập để sắp xếp việc chuyển giao cho người Việt Nam các ban ngành về di trú, truyền thông, ngoại thương, hải quan, và tài chính. Vấn đề tài chính là đặc biệt là gai góc vì nó, liên quan đến việc kiểm soát ngoại hối hấp dẫn. Trong khi người Pháp đã có thể có nhiều nhượng bộ đáng kể cho Việt Nam, thì Lào và Campuchia trong từng khu vực thảo luận, đòi được quyền "quan sát" và "can thiệp" trong các vấn đề "liên quan Liên hiệp Pháp như một khối chung." Thật vậy, Pháp đã bảo đảm cho họ được quyền truy cập vào toàn bộ thông tin của chính phủ, tự cho phép mình tham gia vào tất cả các quyết định của chính phủ, và chỉ chịu giảm [nhượng bộ] đi một ít lợi ích kinh tế. **13/**

Một số nhà bình luận Pháp xem Pau như một thiên tai không thể làm nhẹ và bảo đảm sự sụp đổ sớm của Pháp ở Đông Dương. Như một trong những người viết đã nêu ra:

"Bằng cách chấp nhận những hạn chế [có thể xảy ra] lên thương mại trong Liên hiệp Pháp, mất tất cả các quyền lực thực sự về việc phát hành tiền, bằng cách từ bỏ quyền

kiểm soát về ngành ngoại thương, bằng cách cho phép một hệ thống kiểm soát giá cả đối với hàng hoá xuất và nhập khẩu, chúng ta đã cho các nước thành viên [trong Liên Hiệp Pháp] tất cả quyền lực mà họ cần nếu họ muốn đảm bảo việc hủy hoại các doanh nghiệp của chúng ta và buộc họ [doanh nghiệp] rút lui mà không bất kỳ cách nào tránh không xâm hại đến đồng bào của chúng ta." 14/

Nhưng một nhà bình luận người Việt thời cận đại đã có một cái nhìn khác:

"Tất cả các hiệp định [Pau] là để bảo tồn cho Pháp một vị trí đặc quyền ở Đông Dương, hỗ trợ bởi sự hiện diện của một hạm đội và một quân đội mạnh mẽ. Ngay cả nếu không còn một ai còn nói về một Liên bang Đông Dương, nó vẫn là một liên bang hành chính và kinh tế (Liên minh tiền tệ, Liên minh Hải quan, Liên minh Truyền thông, v.v...) phối hợp các hoạt động khác nhau của ba nước thành viên [Việt, Miên, Lào]. Pháp luôn luôn thực hiện việc kiểm soát thông qua các đại diện của họ có mặt trong tất cả các cơ quan quy hoạch, giám sát liên bang, và thông qua một thứ như quyền phủ quyết, bởi vì chủ tịch hoặc Tổng thư ký của các ban luôn luôn là được lựa chọn bởi quyết định chung của bốn chính phủ [Việt, Miên, Lào và Pháp], và hơn nữa, bởi vì hầu hết các quyết định của ủy ban được thực hiện theo nguyên tắc nhất trí. "

(Trích dẫn trong cùng một tài liệu tham khảo ở trên)

Đại biểu của Bảo Đại, tuy nhiên, nói chung hài lòng với kết quả của Pau. Thủ tướng Chính phủ của ông, Trần Văn Hữu đã tuyên bố khi ông đã ký các hiệp định rằng "độc lập của chúng tôi bây giờ là hoàn hảo." Tuy nhiên, với những người Việt Nam bình thường, những người Pháp trung thực, và với người Mỹ, Trần Văn Hữu được chứng minh là đã sai một cách thê thảm.

2. Chính sách của Hoa Kỳ đối với Bảo Đại

a. phê duyệt đủ điều kiện

"Giải pháp Bảo Đại" là phụ thuộc vào hỗ trợ của Mỹ. Trong những năm 1950, các cuộc đàm phán tại Pau, Pháp, Thủ tướng Chính phủ Trần Văn Hữu của Bảo Đại đã được gọi trở về Đông Dương bởi một loạt các đảo ngược [tình thế] của quân đội Pháp ở Bắc Kỳ. Trần Văn Hữu nắm lấy cơ hội này để kêu gọi Hoa Kỳ "là một quốc gia dân chủ hàng đầu", và hy vọng rằng Hoa Kỳ sẽ:

"... áp lực lên Pháp để [VN] đạt được tự do dân chủ. Chúng tôi muốn được quyền quyết định các vấn đề riêng của chúng tôi cho chính chúng tôi." **15/**

Trần đòi hỏi Hiệp Định Elysée phải được thay thế bằng một quyền tự quyết thực sự cho Việt Nam:

"Không cần thiết phải để cho những người trẻ phải chết để một kỹ sư người Pháp có thể được làm giám đốc cảng Sài Gòn. Nhiều người chết mỗi ngày vì Việt Nam không được độc lập. Nếu chúng tôi đã có độc lập thì dân chúng sẽ không có lý do để chiến đấu. "

Chuyện Trần nói với Hoa Kỳ là điều thực tế, nếu không phải là đúng đắn, vì Hoa Kỳ đã tham gia ở Đông Dương như là một phần của một tam giác rắc rối với Pháp và chế độ Bảo Đại. Thật vậy, Hoa Kỳ đã có một vai trò quan trọng trong "giải pháp Bảo Đại" từ khi nó thành lập. Ngay trước khi Hiệp định Vịnh Hạ Long, sáng kiến Pháp đã nhận được một số hỗ trợ từ tháng mười hai năm 1947, như bài viết trong tạp chí Life của William C. Bullitt, cựu Đại sứ Hoa Kỳ tại Pháp. Bullitt lập luận [ủng hộ] cho một chính sách nhằm chấm dứt "cuộc chiến đáng buồn nhất" bằng cách lấy lại được phần lớn phe Việt Nam quốc gia trong tay Hồ Chí Minh và trong tay những người Cộng sản thông qua một phong trào xây dựng xung quanh Bảo Đại. **16/** Quan điểm của Bullitt được chấp nhận rộng rãi tại Pháp như là một tuyên bố về chính sách của Mỹ, và một chứng thực trực tiếp và lời hứa viện trợ của Hoa Kỳ, cho Bảo Đại. Bảo Đại, cho dù ông chấp nhận tin vệt Bullitt hay không, dường như đã cảm nhận rằng Hoa Kỳ chắc chắn sẽ bị hút vào khu vực Đông Nam Á, và dường như đã chờ đợi rằng sự tham gia của Hoa Kỳ sẽ được đi kèm với việc Hoa Kỳ sẽ làm áp lực trên Pháp nhân danh dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, Hoa Kỳ, mặc dù nhận thức cao về tình thế tiến thoái lưỡng nan của Pháp, ban đầu miễn cưỡng đồng ý giải pháp Bảo Đại cho đến khi nó trở thành hiện thực. Các thông điệp của Bộ Ngoại Giao [Hoa Kỳ] sau đây đưa ra quan điểm của Mỹ:

Ngày 14 tháng 8, 1948 (Bộ số 2637 gửi Paris):

"Một Hiệp định [vịnh Hạ Long] kèm theo những thay đổi về tình trạng của Nam Kỳ đã được phê duyệt. Bộ sẵn sàng xem xét đưa ra những ủng hộ của mình để thúc đẩy thêm sự thừa nhận công khai về hành động của Chính phủ Pháp là để hướng tới một giải pháp tương lai cho tình hình khó khăn ở Đông Dương và hướng tới việc thực hiện nguyện vọng của nhân dân Việt Nam. Điều như Bộ đã nêu ở trên đây cho thấy sự chấp thuận của Hoa Kỳ là sẽ hỗ trợ về vật chất để tăng sức mạnh của phe quốc gia để chống lại cộng sản ở Đông Dương..."

Ngày 30 tháng 8, 1948 (Bộ số 3368 gửi Paris):

"Bộ thông hiểu rõ những khó khăn mà bất kỳ Chính phủ Pháp nào lấy hành động quyết định đối với Đông Dương, chỉ có thể nhìn thấy tình hình xấu đi một cách nhanh chóng trừ khi Hiệp định [Vịnh Hạ Long] với nhiều thỏa thuận tích cực hơn, những luật lệ ban

hành và những hành động sẽ cho phép thay đổi tình trạng của Nam Kỳ, và ngay lập tức khởi đầu việc đàm phán chính thức nhằm tới Hiệp định đó. Bộ tin rằng không được bỏ qua bất cứ chuyện gì có thể tạo sức mạnh cho phe Quốc Gia và xúi những người hiện tại đang ủng hộ Việt Minh quay về phe của nhóm đó [quốc gia]. Chuyện xúi bả đó không thể thực hiện được trừ khi nhóm này đưa ra được những bằng chứng cụ thể là Pháp đang chuẩn bị để nhanh chóng hình thành một chính phủ Việt Nam Tự Do nằm trong Liên Hiệp Pháp, và có tất cả các thuộc tính của một chính thể tự do".

Ngày 17 tháng 1, 1949 (Bộ số 145 gửi Paris):

"Trong khi Bộ mong muốn Pháp tiếp cận Bảo Đại hay bất kỳ nhóm thực sự quốc gia nào có cơ hội hợp lý để đạt ưu thế [chính trị] đối với người Việt Nam, vào thời điểm này chúng ta không thể [sic] cam kết hỗ trợ cho một chính phủ bản địa mà họ không được lòng người Việt Nam, có thể trở thành gần như là một chính phủ bù nhìn, tách nó ra khỏi người dân, và hiện diện chỉ bởi vì có sự hiện diện của quân đội Pháp..."

Hiệp định Elysee đã diễn ra vào tháng ba năm 1949. Tại thời điểm này, sự thất bại của Trung Quốc [Quốc Dân Đảng] thúc ép; và Hoa Kỳ đã bắt đầu xem xét "giải pháp Bảo Đại" với một cảm giác cấp bách:

Ngày 10 tháng 5, 1949 (Bộ số 77 gửi Paris):

"Giả định rằng... mong muốn của Bộ về cuộc thử nghiệm với Bảo Đại thành công là hoàn toàn chính xác. Vì từ khi dường như không có giải pháp thay thế nào cho mô hình cộng sản đang hiện hữu ở Việt Nam, Bộ cho rằng không một nỗ lực nào được bỏ qua bởi Pháp, hay các cường quốc phương Tây, và cả những nước Á Châu không cộng sản để đảm bảo cơ hội thành công tốt nhất cho cuộc thí nghiệm.

"Vào thời điểm và hoàn cảnh thích hợp, Bộ sẽ chuẩn bị sẵn sàng để thực hiện về phần của mình bằng cách đưa ra việc công nhận Chính phủ Bảo Đại và bằng cách khai thác mọi khả năng có thể phù hợp với mọi yêu cầu của Chính phủ này về viện trợ vũ khí và kinh tế. Phải được hiểu rằng, tuy nhiên, đương nhiên chương trình viện trợ này sẽ phải được Quốc hội phê duyệt. Khi mà Hoa Kỳ khó có thể đủ khả năng ủng hộ một chính phủ mà màu sắc của nó, và có khả năng chịu chung số phận của một chế độ bù nhìn, thì trước tiên [chúng ta] phải rõ ràng với Pháp là họ sẽ đưa ra tất cả những nhượng bộ cần thiết để làm cho giải pháp Bảo Đại trở nên hấp dẫn cho phe quốc gia.

"Đây là một bước mà Pháp phải tự thấy tính cấp bách và cần thiết trong viễn ảnh chỉ còn một thời gian ngắn trước khi việc Cộng Sản thành công ở Trung Quốc được cảm nhận ở

Đông Dương. Hơn nữa, chính phủ Bảo Đại phải tự nỗ lực để chứng minh khả năng tổ chức và điều hành công việc một cách khôn ngoan để đảm bảo cơ hội tối đa được nhân dân hỗ trợ, bởi vì bất kỳ chính phủ nào được tạo ra ở Đông Dương tương tự như [Trung Hoa] Quốc Dân Đảng cũng sẽ có một thất bại được đoán trước.

" Giả định rằng..... những nhượng bộ thiết yếu sắp tới được Pháp đưa ra, cơ hội thành công tốt nhất cho Bảo Đại sẽ xuất hiện để thuyết phục phe quốc gia Việt Nam:

- (1) mục đích yêu nước của họ có thể được thực hiện kịp thời thông qua thỏa thuận Pháp-Bảo Đại
- (2) Chính quyền Bảo Đại sẽ được thực sự đại diện trong phạm vi bao gồm cả các nhà lãnh đạo xuất sắc không Cộng sản hiện nay đang ủng hộ Hồ, và
- (3) giải pháp Bảo Đại này là cách thức duy nhất để bảo toàn Việt Nam chống lại những sắp đặt của Cộng sản Trung Quốc. "

Cho tới năm 1949, các quân đoàn của Mao tiếp tục tiến về phía nam của Trung Quốc, và Việt Minh đã hiển nhiên chuẩn bị thiết lập quan hệ với họ.

b. Thừa nhận, 1950

Hiệp định Elysee đã được mười một tháng trước khi Hoa Kỳ nhận định rằng Pháp đã thực hiện các bước cụ thể đối với quyền tự chủ của Việt Nam mà Hoa Kỳ đã thiết lập như là điều kiện để [Mỹ] công nhận Bảo Đại. **Vào cuối tháng Giêng, 1950, sự kiện biến chuyển nhanh chóng. Hồ Chí Minh tuyên bố rằng của chính phủ của ông là "chính phủ hợp pháp duy nhất của người dân Việt Nam" và cho biết VNDCCH sẵn sàng hợp tác với bất kỳ quốc gia nào sẵn sàng công nhận nó trên cơ sở "bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau về chủ quyền quốc gia và vùng lãnh thổ". Mao phản ứng tức thời công nhận, theo sau là Stalin.** Ở Pháp cuộc tranh luận gay gắt trong Quốc hội giữa những người cánh tả ủng hộ thỏa thuận ngừng bắn ngay lập tức với Việt Minh và những người ủng hộ Hiệp định Elysee của chính phủ tiến hành giải pháp Bảo Đại. René Pleven, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng [Pháp], tuyên bố rằng: **17/**

"Điều cần thiết là người dân Pháp phải biết rằng tại thời điểm hiện tại kẻ thù duy nhất của hòa bình ở Việt Nam là Đảng Cộng sản. Bởi vì các thành viên của Đảng Cộng sản biết rằng hòa bình ở Đông Dương sẽ được thành hình với chính sách độc lập mà chúng ta đang theo đuổi."

("Hòa bình cho Việt Nam !!! Hòa bình cho Việt Nam !!!" những người cộng sản [Pháp] hô to.)

Jean Letourneau đứng dậy và xác định rằng:

"Đây không phải là một vấn đề chấp thuận hay không chấp thuận một chính phủ, chúng ta đã vượt rất xa ra ngoài sự sống của một chính phủ tạm thời trong một vấn đề hết sức nghiêm trọng. Điều cần thiết là, ở cấp độ quốc tế, cuộc bỏ phiếu diễn ra tối nay thực sự cho thấy tầm quan trọng lớn lao của sự kiện này dưới con mắt của toàn thế giới. "

Frédéric Dupont nói:

"Cuộc chiến tranh Đông Dương đã luôn luôn là một bài trắc nghiệm cho Liên hiệp Pháp trước cộng sản quốc tế. Nhưng kể từ khi sự xuất hiện của những người Cộng sản Trung Quốc ở biên giới Bắc Kỳ, Đông Dương đã trở thành biên giới của nền văn minh phương Tây và chiến tranh ở Đông Dương được nhập chung vào chiến tranh lạnh".

Thủ Tướng Georges Bidault là người lên diễn đàn sau cùng:

"Sự lựa chọn là đơn giản. Hơn nữa, không có sự lựa chọn."

Quốc hội bầu vào ngày 29 tháng 1 năm 1950, tỷ số 396 thuận 193 chống. Từ nhóm phe tả cực đoan có tiếng hô "Đả đảo chiến tranh!" và Paul Coste Floret [dân biểu tỉnh Hérault từ 1946-1958] trả lời: "Hòa bình muôn năm." **Ngày 02 tháng 2, 1950, Pháp tuyên bố chính thức phê chuẩn của nền độc lập của Việt Nam.**

Việc đánh giá tình hình và hành động của Hoa Kỳ như sau:

(điện tín sao chép trang A-15 và A-16)

Phổ biến GIỚI HẠN	Bộ NGOẠI GIAO Washington Ngày 2 tháng 2, 1950 BẢNG GHI NHỚ GỬI TỔNG THỐNG
-------------------	---

Chủ đề: Hoa Kỳ công nhận Việt Nam, Lào và Campuchia

1. Quốc Hội Pháp (Hạ Viện) đã phê chuẩn ngày 29 tháng Giêng với một đa số áp đảo (396-193), văn bản Luật, có hiệu lực công nhận ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia là những quốc gia tự trị trong Liên hiệp Pháp. Phe đối lập bao gồm tổng số 181 phiếu Cộng sản cộng với chỉ có 12 tham gia từ các bên khác. Hội đồng Cộng hòa (Thượng viện) dự kiến sẽ thông qua qua dự thảo luật vào ngày 2 tháng Hai với đa số khoảng cùng tỷ lệ. Chữ ký của Tổng thống Auriol dự kiến sẽ theo ngay sau đó.

2. Các bước lập pháp và chính trị Pháp, do đó khi thực hiện sẽ biến đổi khu vực trước đây được cai trị dưới chế độ bảo hộ hay như thuộc địa thành các quốc gia trong Liên hiệp Pháp, với được tự do đáng kể hơn là họ được hưởng trước đó.

Chính phủ Pháp đã chỉ ra rằng Pháp hy vọng sẽ trao mức độ độc lập cao hơn cho ba quốc gia khi tình hình an ninh ở Đông Dương cho phép, và khi các chính phủ mới thành lập ngày càng trở nên có khả năng quản lý các lĩnh vực sau khi người Pháp rút [khỏi Đông Dương].

3. Trong khi Lào và Cam-pu-chia không có phong trào nào mạnh mẽ chống lại Chính phủ là tương đối ổn định. Tuy nhiên, kể từ khi kết thúc chiến tranh thế giới II, Việt Nam đã là chiến trường xung đột giữa các phe phái chính trị và các lực lượng quân sự. Hồ Chí Minh, dưới nhiều bí danh khác nhau, là thành viên của nhiều bộ phận khác nhau của cộng sản thế giới từ năm 1925 và đã đứng ra lãnh đạo các phong trào dân tộc chủ nghĩa chống Pháp vào năm 1945. Sau khi không đạt được thỏa thuận với Pháp về việc thành lập một nhà nước tự trị Việt Nam, ông rút lực lượng của mình về các khu vực rừng rậm, đồi núi của Việt Nam và quấy rối Pháp kể từ khi đó. Những người theo ông ước tính khoảng 75.000 người có vũ trang, và một số lượng có lẽ tương đương không vũ khí. Cơ quan đầu não của ông ở đâu không ai biết.

Nỗ lực để chống lại [Việt Minh], Pháp, về quân sự triển khai khoảng 130.000 binh sĩ, trong đó khoảng 50.000 người bản xứ phục vụ tự nguyện, những người từ các thuộc địa châu Phi, và thành phần chỉ huy là thuộc quân đội Pháp và các đơn vị Legion nước ngoài [Légion Étrangère là một đội quân thiện chiến đặc biệt gồm người nước ngoài – đa số là da trắng - nhưng chỉ huy là Pháp]. Chiến thuật du kích của Hồ Chí Minh đã được dùng nhằm mục đích đánh đuổi Pháp ra khỏi Việt Nam. Ngày 8 tháng 3, 1949 Tổng thống Pháp ký thỏa thuận với Bảo Đại là

người đứng đầu của nhà nước [VN], công nhận Chính phủ Việt Nam độc lập trong Liên hiệp Pháp. Thoả thuận tương tự đã được ký kết với Vua Lào và Quốc vương Cam-pu-chia.

Những biến chuyển gần đây bao gồm Cộng sản Trung Quốc chiến thắng và đã đưa quân đến gần biên giới Đông Dương, việc công nhận Hồ Chí Minh là người đứng đầu của Chính phủ hợp pháp Việt Nam bởi Cộng sản Trung Quốc (ngày 18 tháng 1) và Liên Xô (30 tháng 1) [1950].

4. Việc Hoa Kỳ công nhận ba chính phủ được thành lập hợp pháp Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia như đã mong muốn và phù hợp với chính sách ngoại giao của Kỳ Hoa vì nhiều lý do. Trong số đó có sự khuyến khích khát vọng quốc gia dưới sự lãnh đạo không Cộng sản cho các dân tộc thuộc địa vùng Đông Nam Châu Á; việc thành lập các chính phủ ổn định không Cộng sản trong khu vực tiếp giáp với Cộng sản Trung Quốc; hỗ trợ cho một quốc gia thân hữu [Pháp] và cũng là một thành viên ký kết trong Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương; và như là một minh chứng về sự không hài lòng đối với chiến thuật Cộng sản rõ ràng nhằm mục đích cuối cùng là thống trị châu Á, làm việc ấy dưới chiêu bài chủ nghĩa dân tộc bản địa.

Tùy thuộc vào sự phê duyệt của Ngài, Bộ Ngoại giao khuyến cáo rằng Hoa Kỳ mở rộng việc công nhận cho Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia, sau khi Chính phủ Pháp phê chuẩn.

(ký tên) DEAN ARCHESON

Phê duyệt đồng ý

(ký tên)

Harry S. Truman

Ngày 3 tháng 2, 1950

c. Hỗ trợ của Hoa Kỳ cho Đông Dương

Ngày 16 tháng 2 năm 1950, Pháp yêu cầu Hoa Kỳ hỗ trợ quân sự và kinh tế để tiếp tục chiến tranh Đông Dương. **18/** Bộ Trưởng Quốc phòng trong một bản ghi nhớ gửi Tổng thống vào ngày 06 tháng 3 nói rằng:

"Lựa chọn mà Hoa Kỳ phải đối diện là hoặc hỗ trợ các chính phủ hợp pháp ở Đông Dương hoặc phải đối mặt với việc chủ nghĩa cộng sản mở rộng chiếm phần còn lại của khu vực Đông Nam Á và có thể cả về phía Tây của lục địa ..." 19/

Cùng tháng đó, Bộ Ngoại giao cử một phái đoàn do R. Allen Griffin dẫn đầu có nhiệm vụ khảo sát viện trợ cho Đông Dương (và Miến Điện, Indonesia, Thái Lan và Malaysia). Sứ mệnh của Griffin là đề xuất (gồm cả những chuyện khác) viện trợ cho chính phủ Bảo Đại, kể từ khi Nhà nước Việt Nam được coi là:

"...không an toàn chống lại một cuộc lật đổ nội bộ, xâm nhập chính trị, hoặc xâm lược quân sự.

"Mục tiêu của từng chương trình là hỗ trợ càng nhiều càng tốt để tăng sức mạnh, và khi làm như vậy.. để đảm bảo cho nhân dân các nước rằng những hỗ trợ cho các chính phủ của họ và [hỗ trợ] trong chống lại sự lật đổ của cộng sản sẽ mang lại cho họ nhiều lợi ích trực tiếp và hữu hình và một niềm hy vọng vững chắc cho một mức sống cao hơn. Theo đó, các chương trình có hai loại chính: (1) viện trợ vật chất kỹ thuật và dịch vụ thiết yếu và (2) phục hồi kinh tế và phát triển, tập trung chủ yếu vào việc cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ vật chất trong việc phát triển nông nghiệp và sản lượng công nghiệp.... các hoạt động này phải được thực hiện với những tính toán tốt nhất để chứng minh rằng các chính quyền quốc gia địa phương có thể mang lại lợi ích cho người dân và nhờ đó xây dựng được một ủng hộ chính trị, đặc biệt là dân cư nông thôn ...

"Mục đích của trợ giúp kinh tế cho khu vực Đông Nam Á là củng cố các chính phủ quốc gia không cộng sản trong khu vực đó bằng cách nhanh chóng củng cố và mở rộng đời sống kinh tế của khu vực, cải thiện các điều kiện sinh sống của người dân, và thể hiện cụ thể sự quan tâm chân chính của Hoa Kỳ về hạnh phúc của người dân ở các nước Đông Nam Á " **20/**

Trong một đánh giá chiến lược về khu vực Đông Nam Á vào tháng Tư, 1950, JCS đề nghị cung cấp viện trợ quân sự cho Đông Dương :

"...rằng viện trợ quân sự Hoa Kỳ không được cấp vô điều kiện, đúng hơn là nó sẽ được kiểm soát cẩn thận và chương trình viện trợ sẽ được kết hợp với chương trình chính trị và kinh tế ..." **21/**

Ngày 01 Tháng 5 năm 1950, Tổng thống Truman đã phê duyệt 10 triệu \$US cho các hạng mục hỗ trợ khẩn cấp quân sự cho Đông Dương. **22/** Quyết định của Tổng thống đã được thực hiện trong bối cảnh của cuộc đổ bộ chiếm đóng thành công đảo Hải Nam, do Trung Hoa Quốc Gia bảo vệ, của quân đội Cộng sản Trung Quốc dưới quyền Tướng Lâm Bưu – với tác động hiển nhiên lên Đông Dương, và Đài Loan. Một tuần sau, vào ngày 8 tháng 5, Bộ trưởng Ngoại giao thông báo viện trợ của Hoa Kỳ cho các nước Đông Dương và Pháp để hỗ trợ họ trong việc khôi phục sự ổn định và cho phép các nước này theo đuổi phát triển hòa bình và dân chủ." **23/** Mười sáu ngày sau đó, chính phủ Bảo Đại và Pháp đã được thông báo vào ngày 24 tháng 5 ý định của Hoa Kỳ về việc thiết lập một cơ quan lo trợ giúp kinh tế cho các nước liên kết [Đông Dương]. Khi quân đội Bắc Triều Tiên di chuyển xuống phía Nam vào ngày 27 tháng 6 năm 1950, Tổng thống Truman tuyên bố rằng ông đã chỉ đạo "tăng tốc trong việc cung cấp viện trợ quân sự cho các lực lượng của Pháp và nước liên kết Đông Dương ..." **24/**

Vấn đề quan trọng trong quyết định của Hoa Kỳ cung cấp viện trợ cho Đông Dương là những người cần được nhận - Bảo Đại hay Pháp - và, từ đó, Hoa Kỳ sẽ viện trợ hỗ trợ cho chính sách của ai?

d. Sự ngoan cố của Pháp

Trong khi Hoa Kỳ đang cân nhắc về viện trợ kinh tế và quân sự Đông Dương vào đầu năm 1950, các cuộc đàm phán mở tại Pau, ở Pháp, giữa Pháp và các quốc gia liên kết [ĐD] để thương thuyết về thời gian và mức độ của quyền tự chủ. Phải chi các cuộc đàm phán đã dẫn đến độc lập thật sự cho chế độ Bảo Đại, mối quan hệ Mỹ-Pháp tiếp theo có lẽ sẽ ít phức tạp và ít khắc nghiệt hơn một cách đáng kể. Tuy đã được ký kết, nhưng hiệp định Pau chỉ đưa đến một độc lập một chút xíu nhiều hơn so với Hiệp Định Vịnh Hạ Long hay Hiệp định Elysée. Hơn nữa, sự miễn cưỡng của Pháp trong việc trao lại quyền chính trị hay kinh tế cho Bảo Đại lại được tăng cường bởi khuynh hướng muốn đưa những chỉ huy có ý chí mạnh mẽ ra mặt trận, cộng thêm sự nghi ngờ về Mỹ, quyết tâm dành một chiến thắng quân sự, và sự khinh bỉ về giải pháp Bảo Đại. Tướng Marcel Carpentier, Tổng Tư Lệnh khi Pháp xin viện trợ, được trích dẫn trong tờ New York Times vào ngày 9 tháng 3 năm 1950, đã nói như sau:

"Tôi sẽ không bao giờ đồng ý để cho các thiết bị được trực tiếp giao cho người Việt Nam. Nếu điều này xảy ra, tôi sẽ từ chức trong vòng 24 giờ. Việt Nam đã không có tướng, không có đại tá, không có tổ chức quân sự có hiệu quả có thể sử dụng các thiết bị. Nó sẽ là điều lãng phí, và ở Trung Quốc Hoa Kỳ đã có quá đủ những chuyện đó. " **25/**

(1) 1950-1951: Tướng Delattre và "Chủ nghĩa năng động"

Người kế nhiệm của Carpentier, Cao ủy-chỉ huy trưởng Tướng Jean de Lattre de Tassigny, đã đến [VN] vào tháng Mười Hai, 1950, sau thất bại nghiêm trọng vào mùa thu. De Lattre đã kích động khuyến khích các lực lượng Pháp như General Ridgway đã làm nức lòng lực lượng Hoa Kỳ tại Hàn Quốc. De Lattre thấy mình là người dẫn đầu một cuộc thập tự chinh chống cộng. Ông tính toán rằng ông có thể giành được một chiến thắng quyết định trong thời hạn mười lăm tháng ở Việt Nam, và "cứu họ khỏi Bắc Kinh và Moscow." Ông đã phản đối ý tưởng rằng Pháp vẫn được thúc đẩy bởi chủ nghĩa thực dân, và thậm chí nói với một ký giả người Hoa Kỳ rằng nước Pháp đã chiến đấu cho Phương Tây một mình:

*"Chúng tôi đã không còn quan tâm gì ở đây... Chúng tôi đã từ bỏ hoàn toàn tất cả các vị trí thuộc địa của chúng tôi. Chỉ có một ít cao su hay than đá, hay mà chúng tôi từ lâu đã không còn có được. Và những số tiền đó so thế nào được với máu của con em chúng tôi đổ ra và ba trăm năm chục ngàn quan Pháp chúng tôi chi tiêu một ngày ở Đông Dương! Công việc mà chúng tôi đang làm là cho sự cứu rỗi của người dân Việt Nam. Và những tuyên truyền mà người Hoa Kỳ các ông cho rằng rằng chúng tôi vẫn là thực dân là làm hại chúng tôi rất lớn, tất cả chúng tôi. - Việt Nam, các ông, và chúng tôi. " **26/***

Hơn thế, De Lattre đã nghĩ rằng người Việt Nam phải tham gia trận chiến. Trong một bài diễn văn – "Lời kêu gọi thanh niên Việt Nam" – ông tuyên bố:

*"Cuộc chiến này, dù các bạn có thích hay không thích, nó là cuộc chiến của người Việt Nam cho Việt Nam. Và Pháp sẽ đảm đương nó chỉ khi nào các bạn cùng đảm đương với Pháp. Một số người cho rằng Việt Nam không thể độc lập được vì nó nằm trong Liên Bang Đông Dương. Không đúng ! Trong thế giới của chúng ta, đặc biệt là thế giới ngày này, không thể có nước nào tuyệt đối độc lập. Chỉ có sự liên kết có lợi và sự lệ thuộc có hại ... Hỡi các bạn trẻ Việt Nam mà tôi cảm thấy gần gũi như với các bạn trẻ ở quê hương sinh thành của tôi, đây là lúc mà các bạn đứng lên chiến đấu bảo vệ đất nước của các bạn ..." **27/***

Thêm nữa, Tướng De Lattre đã nhìn chính sách Hoa Kỳ về [giải pháp] Bảo Đại với một lo âu trầm trọng. Người Mỹ, ông cảm chắc, đã đau buồn với "nhiệt tâm truyền đạo" đang "thổi bùng ngọn lửa quốc gia cực đoan". Chủ nghĩa Pháp truyền thống là quan trọng ở đây. Các người không thể, không được hủy diệt nó. Không ai có thể đơn giản lập ra một quốc gia mới chỉ qua một đêm bằng cách chỉ cung cấp những viện trợ kinh tế và quân sự. **28/** Cũng cực lực như Carpentier, De Lattre đã chống Hoa Kỳ viện trợ trực tiếp cho quân Việt Nam và chỉ cho phép quân đội Việt Nam một chút độc lập thật sự.

Edmund A. Gullion, cố vấn Hoa Kỳ (Minister Counselor) ở Saigon từ 1950 trở đi, đã kết tội De Lattre đã bất lực trong việc tạo dựng được cho quân đội Quốc Gia Việt Nam một sức bậc chính yếu hay một sự năng động nào khi ông nói chuyện về quân Viễn Chinh Pháp:

"... Thật khó mà giáo dục lòng nhiệt tâm quốc gia cho quân đội bản xứ khi mà các sĩ quan và những người không cộng sản lại là người Pháp da trắng ... Những đơn vị người Việt hiếm khi ra trận mà không có trợ sức từ người Pháp. Người Hoa Kỳ liên lạc với họ [Việt] chủ yếu là qua người Pháp [và người Pháp] giữ riêng cho mình trách nhiệm huấn luyện. Chúng tôi cảm thấy cần phải có nhiều tài liệu hơn những gì mà chúng tôi đang có để có thể đánh giá tiềm năng thật sự của quân đội [VN]. Chúng tôi cần những báo cáo về từng tiểu đoàn về tình hình huấn luyện cũng như một tiếp cận sát sao với tình báo và các nấc thang chỉ huy và chúng tôi chưa bao giờ nhận được những điều đó. Có thể biểu hiện có ý nghĩa và đáng buồn nhất về việc Pháp đã thất bại trong việc tạo dựng một quân đội Quốc Gia hoàn toàn độc lập mà họ có thể chiến đấu theo cách mà De Lattre muốn nói là sự thiếu vắng của bất cứ đơn vị quân Việt Nam nào ở Điện Biên Phủ. Đó là một việc Pháp đã cho thấy ..." **29/**

Gullion trong tổng thể xem ra là không chính xác khi nói về Điện Biên Phủ, mặc dù vậy, thống kê về thành phần các dân tộc [trong đội quân] đang bảo vệ căn cứ Điện Biên Phủ cho thấy tính chất của vấn đề. Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù Việt Nam được thả xuống tang cường cho căn cứ để vào ngày 6 tháng 5, 1954 quân số ở Điện Biên Phủ gồm: **30/**

Căn cứ Điện Biên Phủ ngày 6 tháng 5, 1954

	Sĩ quan tác chiến	Sĩ quan không chỉ huy	Lính đăng ký	Tổng cộng
Người Việt Nam	11	270	5,119	5,480
Tổng cộng	393	1,666	13,206	15,105
Tỷ lệ % người Việt	2,8	16,2	39,2	36,2

Như thế, người Việt gồm một phần ba lính tác chiến (và gần 40% lính đăng ký); nhưng trong thành phần chỉ huy, họ cung cấp một phần sáu sĩ quan không tác chiến và ít hơn 3% tổng số các sĩ quan.

Tình trạng khan hiếm sĩ quan Việt Nam ở Điện Biên Phủ phản ánh tình trạng Chung của quân đội Quốc Gia: vào năm 1953, trong 2,600 sĩ quan người bản xứ chỉ có một nhóm nhỏ là ở cấp bậc trên Thiếu Tá so với 7000 sĩ quan người Pháp trong một quân đội với 150 ngàn người Việt.

(2) 1251-1253: Letourneau and "Độc Tài"

Thay thế cho De Lattre là Toàn Quyền [Đông Dương] Jean Letourneau, cũng là Bộ Trưởng trong chính phủ Pháp đặc trách các nước trong Liên Hiệp được gửi đến Đông Dương với đầy đủ quyền hạn và đặc quyền trên nhà nước Việt Nam độc lập như bất cứ Toàn Quyền nào trước đây từ dinh Norodom ở Saigon [sau này là dinh Độc Lập]. Tháng Năm, 1953 một phái đoàn Điều Tra của Quốc Hội Pháp đã kết án ông Bộ Trưởng – Toàn Quyền là “kẻ độc tài thật sự, hành xử không hạn chế và không kiểm soát”:

“Cuộc sống giả tạo ở Saigon, những cám dỗ không kiểm soát về quyền lực, sự đảm bảo cho những phán đoán khinh bỉ thực tế, đã cô lập ông Bộ Trưởng và những phụ tá chung quanh ông và đã làm cho họ trở nên vô cảm đối với thảm kịch của chiến tranh ...

“Chúng ta từ lâu đã không còn là những người cai trị, nhưng là những người cố vấn. Việc lớn nhất là không phải để vẽ ra những kế hoạch lớn lao mà là thực hiện tinh tế những công tác ngoại giao hàng ngày. Ở Saigon, những người đại diện cho chúng ta đã tự cho phép mình bị dụ dỗ vào những trò chơi quyền lực đầy cám dỗ và mưu đồ.

"Thay vì phải xem xét những điều quan trọng nhất và hành động xử lý chúng, thay vì điều tra tại chỗ, tìm kiếm nguồn cảm hứng từ các xóm làng và từ các đồng lúa, thay vì tự mình đi tìm hiểu và đạt được lòng tin của những người dân khiêm tốn nhất, để tước những vũ khí tốt nhất của quân nổi dậy, bọn cung điện Norodom đã tự mình cho phép hưởng những sang trọng xa hoa về quản lý kiểu Pháp và về kiểu trị vì một quốc gia mà ở đó một cuộc cách mạng đang âm ỉ ...

"Báo chí không có quyền chỉ trích. Để nói sự thật, nó phải đã trở thành chính thức, và tờ báo chính ở Sài Gòn được đặt dưới quyền xử lý của Cao ủy. Thư tín bị kiểm duyệt. Tuyên truyền

tung ra có vẻ như chỉ để bảo vệ phủ Cao ủy. Một chế độ như vậy không thể kéo dài, trừ khi chúng ta muốn được thấy như những ai quyết tâm không giữ lời hứa của mình. " **32/**

Phái đoàn điều tra của Quốc hội mô tả Sài Gòn là "nơi cờ bạc, đồi bại, tình yêu của tiền và quyền lực cuộc cùng bằng đạo đức suy đồi và sự tàn phá sức mạnh của ý chí..."; và chính phủ Việt Nam thì: " các Bộ trưởng [của chế độ Bảo Đại] xuất hiện trong mắt của đồng bào của họ là những quan chức của Pháp ". Bản báo cáo đã không ngần ngại đổ lỗi cho người Pháp cho vấn đề tham nhũng ở Việt Nam:

"Quả là một sự trầm trọng sau tám năm trong tình trạng buông lỏng và hỗn loạn, sự hiện diện của ông Bộ trưởng ở Đông Dương đã không thể chấm dứt những bê bối trong đời sống hàng ngày liên quan đến các việc cấp giấy phép, chuyển nhượng tiền đồng, thiệt hại chiến tranh, hay các giao dịch thương mại. Ngay cả khi chính phủ của chúng ta không hoàn toàn chịu trách nhiệm về những lạm dụng đó, điều đáng trách là ai cũng có thể khẳng định những lạm dụng đó đã không được biết đến hay đã được bỏ qua ..." **33/**

Bình luận về báo cáo này, một tờ báo có ảnh hưởng Pháp đổ lỗi cho "Xu hướng tự nhiên của một tổng đốc một tỉnh quân sự để kéo dài sự tồn tại của chính mình [tham quyền cố vị]" và "một số nhóm chính trị Pháp đã tìm thấy nguồn lợi chính của họ là từ chiến tranh... thông qua các hoạt động trao đổi ngoại hối, cung ứng cho các quân đoàn viễn chinh và thiệt hại chiến tranh.. " **34/** Họ kết luận:

"Lý thuyết thường được chấp nhận nhất lý luận rằng việc chiến tranh bị kéo dài ở Đông Dương là một sự tàn nhẫn do các sự kiện áp đặt, là một trong những thảm kịch trong lịch sử mà không giải pháp nào có thể [giải quyết]. Lý thuyết hoài nghi cho rằng sự bất lực hoặc các lỗi lầm của những người chịu trách nhiệm về chính sách của chúng ta ở Đông Dương đã tìm cách ngăn cản chúng ta tìm ra cách để thoát khỏi khó khăn đầy thảm họa này. **Sự thực là có những sự kiện mà chúng ta biết ngày hôm nay dường như là để cộng thêm cho một kế hoạch làm việc rõ ràng từng bước loại bỏ bất kỳ khả năng đàm phán nào ở Đông Dương để bảo đảm việc kéo dài vô tận chiến sự và việc chiếm đóng quân sự "** **35.**

e. Bảo Đại, kẻ chờ đợi

Mặc dù Hoa Kỳ công nhận những thiếu sót nghiêm trọng của Pháp tại Việt Nam, Hoa Kỳ bị buộc phải đối phó với tình hình ở Đông Dương thông qua Pháp bởi hai lẽ: một là tầm quan trọng bao trùm chính sách Hoa Kỳ ở Âu Châu và hai là sự bất lực và không khả năng của chế độ Bảo Đại. Hoa Kỳ đã cố thuyết phục Bảo Đại thực hiện lãnh đạo mạnh mẽ hơn, nhưng

Hoàng đế chọn cách khác. Ví dụ, ngay sau các cuộc đàm phán ở Pau, Bộ Ngoại giao gửi những hướng dẫn đến Edmund Gullion:

(lập lại từ điện tín trang A-23 đến A-25)

Điện Tín Gửi Đi

BỘ NGOẠI GIAO

MẬT

18 tháng 10 năm 1950

Ưu Tiên

AMLEGATION, Saigon 384

Bộ muốn trao tin nhắn sau đây cho đích thân Bảo Đại bởi Bộ Trưởng ngay sau khi người đứng đầu Nhà nước vừa đến Sài Gòn. Nó phải được chuyển giao một cách không chính thức mà không qua thủ tục bằng văn bản nào, với những nhấn mạnh đủ để Hoàng đế hiểu đây là một nghiên cứu của Bộ về vấn đề đang được quan tâm bởi các giới chức cao cấp nhất của Mỹ. **Bắt đầu tin nhắn:**

Bảo Đại sẽ tới Sài Gòn vào thời điểm mà Việt Nam đang đối diện với một cuộc khủng hoảng trầm trọng mà kết cuộc của nó sẽ quyết định là Việt Nam được phép thành một quốc gia độc lập hay sớm thành một trong các nước chư hầu bị khối Trung-Xô kiểm soát, một hình thức thuộc địa mới vô cùng tồi tệ so với chế độ thuộc địa cũ mà Việt Nam vừa mới tách ra khỏi bản thân mình.

Chính phủ Hoa Kỳ hiện nay đang lấy các bước đi để gia tăng số lượng viện trợ cho Pháp và các quốc gia Liên Hiệp trong những nỗ lực bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ chống lại cộng sản quốc tế và ngăn ngừa ba nước Đông Dương không bị sát nhập cùng các nước nô lệ đang bị khối Cộng sản chế ngự. Nhưng các nguồn lực của Hoa Kỳ đang bị căng thẳng vì sự dẫn thân bên cạnh Liên Hiệp Quốc ở Hàn Quốc, vì các nhu cầu trong việc bảo vệ Tây Âu và vì chương trình tái vũ trang riêng của chúng ta. Đôi khi chúng ta không thể cung cấp được số lượng viện trợ nào đó như mong muốn, vào một thời điểm nào đó và tại địa điểm nào đó.

Tài lãnh đạo của chính phủ Việt Nam trong giai đoạn quyết định này, là một yếu tố có tầm ưu thế quan trọng đặt cho những kết quả sau cùng. Chính phủ phải cho [dân] thấy [họ có] một sức lãnh đạo tích cực đến phi thường và dũng cảm trước những người đang nản chí,

quần trí và lúng túng trước viễn ảnh của những năm dài nội chiến. Những cân nhắc ít quan trọng liên quan đến các phương thức quan hệ giữa các nước trong Liên Hiệp Pháp và nước Pháp, phải, chẳng hạn, ít nhất là tạm thời để qua một bên để đối mặt với những đe dọa rất nghiêm trọng cho sự tồn tại của nhà nước tự trị Việt Nam, trong Liên Hiệp Pháp hoặc gì khác.

Chúng ta ý thức (cũng như Bảo Đại) rằng chính phủ Việt Nam hiện tại là có liên hệ với người đứng đầu của Quốc Gia sâu đậm đến tài lãnh đạo và sự làm gương của người này sẽ là yếu tố đặc biệt quan trọng để xác định mức độ hiệu quả về điều hành của chính phủ. Trong hoàn cảnh mà Bảo Đại và các lãnh đạo khác của Việt Nam vắng mặt ở Pháp trong những thời gian dài, thì cơ hội tiến bộ được Pháp chuyển giao những trách nhiệm và thẩm quyền và tầm ảnh hưởng và quyền lực triển khai đến người dân đều bị bỏ bê. Nhiều người, bao gồm một số lớn người Mỹ, không thể hiểu nguyên nhân vì đâu mà vị Hoàng đế này kéo dài nghỉ hè ở Riviera và đã hiểu sai chuyện đó như là một dấu hiệu cho thấy người lãnh đạo quốc gia không gắn bó yêu nước. Theo Bộ, sự vắng mặt của ông ít nhất là không thể làm cải thiện quyền lực và uy tín của chính phủ của ông ở bên nhà.

Do đó, Bộ cho rằng điều bắt buộc Bảo Đại phải cho nhân dân Việt Nam [thấy] những bằng chứng về quyết tâm của mình để nắm quyền cai trị và dẫn dắt đất nước ngay tức khắc và một cách mạnh mẽ chống lại mỗi đe dọa của cộng sản. Đặc biệt là ông phải nên dẫn thân vào những chương trình trực tiếp viếng thăm các nơi ở Việt Nam, đưa ra nhiều các bài phát biểu và nhiều lần xuất hiện công khai trong chuyến đi. Người đứng đầu nhà nước phải biểu lộ quyết tâm làm tốt vai trò của mình để tập hợp quần chúng ủng hộ chính phủ và chống lại Việt Minh tức khắc ngay sau khi ông vừa đến Sài Gòn. Ông phải công bố việc Hoa Kỳ và Pháp sẽ hỗ trợ đào tạo quân đội quốc gia và ý định riêng của mình đứng ra giữ vai trò Tổng Tư Lệnh của Quân Đội (xác nhận hôm qua bởi Bộ Trưởng Các Nước Trong Liên Bang Letourneau) và ngay tức khắc đưa ra một kế hoạch huấn luyện rõ ràng.

Cuối cùng, nên khéo léo đề nghị rằng bất kỳ biểu hiện nào để trì hoãn tránh đối mặt với thực tế trong giai đoạn này dưới hình thức lui về ẩn dật dài ngày ở Đà Lạt hay gì khác sẽ xác nhận suy nghĩ của những ai cho rằng hoàng đế không nghiêm chỉnh so với các mục đích của Bộ và LEG đưa ra và đặt ra câu hỏi liệu có khôn ngoan để tiếp tục hỗ trợ chính phủ Việt Nam khi họ đã chứng minh là không thể tự mình lo liệu cho nền độc lập mà họ đã phải trả giá cao mới có được. **Hết phần tin nhắn.**

Hãy nhẹ nhàng có được cuộc phỏng vấn sớm nhất có thể cho Bộ về thời gian biểu [của Bảo Đại] ngay khi vừa đến [Saigon] là quan trọng hàng đầu. Cùng lúc hay tức khắc sau khi đó,

thông báo hành động ngay cho Letourneau và Pignon. Sài Gòn tư vấn cho Paris trước để kếp hợp hành động. **HẾT.**

Ký tên ARCHESON

Dù phản ứng của Bảo Đại thế nào - có lẽ là lịch sự và tối nghĩa - ông đã không hành động theo lời khuyên của Mỹ. Sau đó, ông nói với Bác sĩ Phan Quang Đán, trên chiếc du thuyền hoàng gia, đó là những Chính phủ kế tiếp của ông chả có ích lợi gì, và nói thêm rằng việc mở rộng quân đội Việt Nam là việc làm nguy hiểm vì họ có thể đào ngũ hàng loạt và chạy về phía Việt Minh.

"Tôi không thể truyền cảm hứng nhiệt tình và tinh thần chiến đấu cần thiết cho quân lính, cả Thủ tướng Hữu cũng không làm được ... Ngay cả khi chúng ta đã có một người có khả năng, trong các điều kiện chính trị hiện tại họ cũng không thể thuyết phục được nhân dân và quân đội là họ có một cái gì [chính nghĩa] để chiến đấu cho nó ..." 36/

Bác sĩ Đán đồng ý hiệu quả của quân đội quốc gia là một vấn đề trung tâm; ông chỉ ra rằng là chỉ có ba tướng lĩnh là người Việt Nam, và cả ba chưa ai đã từng nắm chức vụ chỉ huy chiến đấu, chẳng ai trong họ cũng như 20 đại tá hay trung tá khác có thể thực hiện bất kỳ sáng kiến nào. Bác sĩ Đán nhấn mạnh: "Quân đội Việt Nam mà không có người Việt Nam trách nhiệm lãnh đạo, không tư tưởng, không mục đích, không nhiệt tâm, không tinh thần chiến đấu, và không được lòng dân." 37/ Nhưng rất rõ ràng là Bảo Đại đã không đề xuất thay đổi gì trên các điều kiện của quân đội, ngoại trừ một quá trình lâu dài và chậm chạp "rút tỉa" đặc quyền quân sự của Pháp. Trên những vấn đề quan trọng khác Bảo Đại cũng chẳng tích cực gì hơn. Đối với tất cả mục đích thực tế, Hoàng đế, theo kiểu cách riêng của ông, cũng như Bác Sĩ Đán và Ngô Đình Diệm, vẫn trong tư thế chờ đợi - như một khán giả đang quan sát người Pháp và người Hoa Kỳ đang thử nghiệm sức mạnh của nhau, và chống lại Việt Minh.

f. Tình trạng khó khăn của Mỹ:

Trong số các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ hiểu cái trông không của giải pháp Bảo Đại, và nhận ra những cạm bẫy trong **thái độ không khoan nhượng của Pháp trên một nền Độc lập chân chính [cho Việt Nam]** là John F. Kennedy lúc đó còn là Thượng nghị sĩ. Kennedy đến thăm Việt Nam vào năm 1951 và cân nhắc rõ ràng quan điểm của Gullion. Vào tháng 11, năm 1951, Kennedy tuyên bố:

*"Ở Đông Dương chỉ có bản thân chúng ta là đồng minh với những nỗ lực tuyệt vọng của chế độ Pháp để bám các tàn tích của đế quốc [thực dân]. Chính phủ Việt Nam không được sự hỗ trợ rộng rãi của nhân dân ở khu vực đó.." **38/***

Trong một bài nói chuyện trước Thượng Viện vào tháng 6. 1953 ông đã chỉ ra rằng:

*"**Độc lập thật sự như chúng ta hiểu, vấn đề đó là không có ở Đông Dương...** chính quyền địa phương thì những chức năng bị giới hạn ... chính phủ Việt Nam, nhà nước là điểm quan trọng lớn nhất trong lĩnh vực này, lại thiếu hỗ trợ của nhân dân, về mức độ quân sự, việc kiểm soát dân sự, chính trị, kinh tế thì được duy trì bởi người Pháp vượt xa ngoài nhưng gì là cần thiết để chiến đấu một cuộc chiến tranh... Vì lẽ chúng ta muốn mang lại một kết cục thành công cho cuộc chiến mà chúng ta có phải nhấn mạnh đến một nền độc lập thật sự [cho Việt Nam]... Bất kể nỗ lực kết hợp nào của chúng ta, một sự thật hiển nhiên là chiến tranh đó không bao giờ có thể thành công trừ khi một số lượng đông đảo người dân được giành lại từ thái độ trung lập ủ rũ và độ thù địch công khai và được họ hoàn toàn hỗ trợ cho một chung cuộc thành công... Tôi mạnh mẽ tin rằng Pháp không thể thành công ở Đông Dương nếu họ không có những nhượng bộ cần thiết để làm cho quân đội bản địa trở nên đáng tin cậy và có hiệu lực chiến đấu. " **39/***

Lúc sau, Kennedy chỉ trích Pháp:

*"Mỗi năm chúng tôi được cho ba thứ bảo đảm: thứ nhất, đó là nền Độc lập của các nước trong Liên Hiệp đã hoàn thành, thứ hai, đó là nền Độc lập các nước trong Liên Hiệp sẽ sớm hoàn tất theo những bước 'hiện nay' được thực hiện, và thứ ba, đó là chiến thắng quân sự của các lực lượng Liên hiệp Pháp là đảm bảo, hay là còn chút xíu nữa [thì xong]" **40/***

Một người Hoa Kỳ hiểu biết về những khó khăn Hoa Kỳ - Pháp và giải pháp Bảo Đại là Robert Blum, người đứng đầu chương trình viện trợ kinh tế cho chế độ Bảo Đại vào năm 1950. Tướng De Lattre đã xem viện trợ kinh tế Hoa Kỳ là đặc biệt nguy hại, và đã nói với Blum rằng "Ông Blum, ông là người nguy hiểm nhất ở Đông Dương." **41/** De Lattre bức bối về sự can thiệp của Mỹ. "Là một sinh viên của lịch sử, tôi có thể hiểu nó, nhưng là một người Pháp tôi không thích nó." Năm 1952, Blum phân tích quan hệ tam giác Bảo Đại-Pháp-Mỹ như sau:

Thật khó mà xác định được thái độ của người Pháp. Một mặt là các báo cáo chính thức lặp đi lặp lại là Pháp đã không có những lợi ích ích kỷ ở Đông Dương và mong muốn duy nhất của họ là thúc đẩy sự độc lập của các nước trong Liên Hiệp và trút khỏi gánh nặng khủng khiếp cho các nguồn tài lực của Pháp. **Mặt khác, vô số thí dụ cho thấy Pháp cố ý tiếp tục**

kiểm soát, can thiệp vào các vấn đề chính sách chính, các lợi ích và cãi nhau liên tục và thái độ xấu về việc chuyển giao quyền lực và việc Độc lập sắp tới ... Có những mâu thuẫn không nghi ngờ trong hành động Pháp giữa một mong muốn tự nhiên là thoát khỏi cuộc chiến này mà không kết quả rõ ràng, không được lòng dân, và tổn kém và quyết tâm để chấm dứt nó trong danh dự và niềm tự hào và [đồng thời] muốn bảo vệ những lợi ích của mình. Sự phân biệt này được xác minh bởi sự khác biệt rõ nét giữa thái độ đối với Tướng de Lattre ở Đông Dương, ở đây ông được cho là một thiên tài chính trị và cứu tinh quân sự ... và ở Pháp, người ta nghi ông là một người vì vinh quang cá nhân đã hút hết các nguồn lực của Pháp cho một phiêu lưu nguy hiểm ...

"Thật khó mà đo lường được những kết quả của hai năm Hoa Kỳ tham gia hoạt động trong công việc của Đông Dương. Mặc dù chúng ta đã nhập cuộc vào một tiến trình hợp tác, một mặt, không mấy thoải mái với Pháp là một đối tác đã bị nhiễm chất "thực dân" nhưng cần thiết, và mặt khác, về phía bản địa, với những người Việt Nam chia rẽ và yếu, chúng ta không đủ sức hòa hợp hoàn toàn hai đồng minh này vào một suy nghĩ chung đơn nhất để chiến đấu chống cộng sản. Để đạt những mục đích đó, chúng ta hy vọng vào những hành động của chúng ta ở Đông Dương, hành động thành công nhất là tăng sức mạnh cho vị thế quân sự của Pháp. Mặt khác, người Việt Nam, nhiều người mơ tưởng rằng giải pháp kỳ diệu có lợi cho họ sẽ đến từ sự có mặt của chúng ta trong bối cảnh đó, [mơ tưởng] không cơ sở rồi sẽ thất vọng với những bằng chứng cho thấy Hoa Kỳ không phải là toàn năng và không sẵn sàng thực hiện một nỗ lực hỗ trợ hết mình cho quan điểm của họ... Ảnh hưởng trực tiếp của chúng ta về các vấn đề chính trị và kinh tế không không được tốt lắm. Chúng ta đã phải bất đắc dĩ bị trực tiếp lôi kéo vào và, mặc dù mức độ đóng góp của chúng ta đã gia tăng nhanh chóng, chúng ta sẽ rất bằng lòng, nếu không muốn nói là mong muốn, người Pháp vẫn tiếp tục vai trò chính, và được cho một chút ít, nếu được, các lời khuyên. " **42/**

Blum kết luận:

*"Tình hình ở Đông Dương là không đạt yêu cầu và cho thấy sẽ không có triển vọng cải thiện nào đáng kể, không chiến thắng quân sự quyết định nào có thể đạt được, rất ít hứa hẹn cho thấy chính phủ phát triển được năng lực và thắng được sự trung thành của nhân dân... Từ đó, mục tiêu của Hoa Kỳ là còn xa vời." **43/***

Không lâu trước cái chết của ông vào năm 1965, Blum cho rằng một cuộc đụng độ về quyền lợi giữa Pháp và Hoa Kỳ là không thể tránh khỏi:

Chúng ta muốn tăng cường khả năng của người Pháp để bảo vệ khu vực chống Cộng sản xâm nhập và xâm lược, và chúng ta muốn giật lại các phong trào quốc gia từ tay Cộng sản bằng cách khuyến khích những khát vọng quốc gia của người dân địa phương và làm tăng hỗ trợ của người dân cho các chính phủ của họ. Chúng ta đã biết rằng Pháp không được lòng dân, rằng chiến tranh đã kéo dài từ năm 1946, rằng cuộc nổi dậy của những người quốc gia là không chỉ có mục tiêu chống Pháp mà là một ví dụ về ý thức tự giác ngộ của các dân tộc Châu Á đang cố gắng phá vỡ, rời bỏ sự thống trị của thế giới phương Tây. Chúng ta công nhận ngay tức khắc là đã có một chính sách đi hai hướng bao trùm bởi những khó khăn đặc biệt. Bởi tình cảm chống Pháp hiện hành, chúng tôi biết bất kỳ hỗ trợ nào của chúng ta nhằm củng cố vị trí của Pháp sẽ gây ra phẫn nộ của người dân địa phương. Và bởi vị trí truyền thống của Pháp và người Pháp trở nên nhạy cảm trước bất kỳ ảnh hưởng nào của Mỹ, chúng ta đã biết người Pháp sẽ nhìn với con mắt nghi ngờ khi người Hoa Kỳ phát triển những quan hệ trực tiếp với chính quyền và nhân dân địa phương. Tuy nhiên, chúng ta quyết tâm sẽ không sử dụng chương trình viện trợ của chúng ta như một phương tiện để phối hợp các chính phủ mà họ không muốn, và chúng ta cũng quyết tâm không kém là sẽ nhấn mạnh lên các loại hình viện trợ dựa theo khối lượng dân số và nói không cho [loại hình] viện trợ, trong khi tinh vi hơn về mặt kinh tế, nhưng lại ít dễ hiểu hơn. Những chương trình của chúng ta là những chương trình chính trị để làm việc với người dân và chúng sẽ mất nhiều hiệu quả nếu chúng bị giảm thành vai trò người bảo vệ dấu tên cho người Pháp... [Chương trình] sẽ trở nên khập khiễng và những kết quả mang lại lợi ích tâm lý của chúng phần lớn sẽ coi như không có bởi vì Hoa Kỳ cùng thời gian đã theo đuổi một chương trình [quân sự] để hỗ trợ người Pháp ... cân bằng mọi thứ, chúng ta đã bị nhìn như một người ủng hộ chủ nghĩa thực dân nhiều hơn là một người bạn của các quốc gia mới. " **44/**

Năm 1965, Edmund Gullion, cũng rất am tường về vấn đề Bảo Đại, đã hồi tưởng lại:

"[Lẽ ra] Chúng ta đã phải thực sự thúc đẩy Pháp sau khi hiệp định Elysee được ký vào tháng năm 1949. Chúng ta đã không xem xét việc trao đổi thư tín một cách cẩn thận vào thời điểm đó. Đó là điều dễ hiểu. Rõ ràng, chúng ta cảm thấy nó là một quá trình liên tục, và chúng ta hy vọng có thể có một số ảnh hưởng trên nó. Nhưng sau đó chúng ta đã tham chiến ở Hàn Quốc, và khi Pháp đã gặp rắc rối ở Đông Dương, chúng ta thối lui. Pháp đã có thể nói rõ ràng, như chúng ta đã làm đối với Philippines, rằng trong một số năm nào đó, Việt Nam sẽ được hoàn toàn tự do, và [Việt Nam] sau đó có thể gia nhập Liên hiệp Pháp hoặc đứng ngoài như họ mong muốn... Một giải pháp có tiến bộ là giải pháp khách quan, và nó cần phải được đối mặt một cách công khai và trung thực mà không cần tất cả những đàm phán sơ bộ đầy bế tắc và kéo dài liên quan đến các nỗ

lực nhằm sát nhập ba nước liên hiệp [Việt, Miên, Lào] lại với nhau, làm cho họ đồng ý với nhau và với Pháp, riêng và chung. Pháp, lập luận chống lại bất kỳ loại hiệp định song phương nào, tuyên bố rằng nỗ lực của họ tại liên bang ở Đông Dương là giống như nỗ lực của chúng ta nhằm xây dựng một hệ thống liên minh như ở Âu Châu. Tuy nhiên, sự tham gia và sự quan tâm của họ ở Đông Dương rõ ràng là khác nhau, và **họ đã sử dụng công thức mà họ đã xếp đặt để tránh bất kỳ thỏa thuận thực sự nào về Việt Nam**. Vấn đề trở nên phức tạp hơn như quân đội và các khía cạnh của tình hình chính trị đã trở nên không thể không ràng buộc với nhau, và chiến tranh Triều Tiên, tất nhiên, lại còn phức tạp hơn nữa. Ngay từ đầu, người Pháp tìm cách đưa ra quan điểm là chiến tranh ở Hàn Quốc và cuộc chiến ở Đông Dương là có liên quan với nhau trong một trận đấu lớn, chống lại cộng sản, nhưng điều không phải đơn giản như thế. Trên thực tế, chiến tranh Triều Tiên đã làm cho chúng ta khó khăn hơn trong việc đôn đốc một giải pháp có tiến triển về Việt Nam. Tới 1951, có thể đã quá muộn cho chúng ta làm bất cứ điều gì về vấn đề này, nhưng chúng ta vẫn có thể cố gắng mạnh mẽ nhiều hơn những gì chúng ta đã làm. Vấn đề là thế giới sau đó đã bắt đầu bao vây và cô lập chúng ta.

Công thức Cộng Đồng Quốc Phòng Âu Châu [EDC: European Defence Community] đã bị người Pháp từ chối, cũng giống như năm 1965 họ đã từ chối khái niệm Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương. Mức độ sức bầy của chúng ta đã bị giảm đáng kể. " 45/

Nếu Bảo Đại đã sẵn sàng hoặc có khả năng lãnh đạo hiệu quả hơn, thì vai trò của Hoa Kỳ trong chiến tranh có thể không rơi vào những gì mà Edmund Gullion gọi là "mô hình của dự đoán và thất vọng":

"Có thể tính thời gian rằng cứ như gần đến tháng trùng với mùa mưa và mùa chiến dịch. Vì vậy, vào tháng năm hoặc tháng sáu, chúng tôi thường nhận được các ước tính của Pháp về những thành công trong mùa chiến dịch sắp tới, một phần dựa trên việc đánh giá thiệt hại của Việt Minh được cho rằng là vào mùa thu trước đó, điều mà họ thường tuyên bố như là điểm sáng nếu không thì thành một mùa chiến dịch [quân sự] ảm đạm. Những điều dự đoán mới cũng sớm được chứng minh là đáng thất vọng; vào tháng 10, quân đội Liên minh Pháp thường được đồn cục trên các dãy núi cách xa các căn cứ của họ ... Có những ồn ào [than phiền] vì viện trợ Hoa Kỳ không có hoặc đến trễ và thiếu sự thông cảm của người Mỹ. Vào khoảng thời gian đầu năm mới, một cuộc họp gồm các giới chức cao cấp Hoa Kỳ và Pháp được tổ chức. Chúng ta đã đặt một số câu hỏi về tình hình quân sự nhưng chỉ có một số ít câu hỏi về tình hình chính trị. Có một tin đồn đang lan rộng suy đoán rằng Pháp có thể rút quân ra khỏi Đông Dương nếu chúng ta ép Pháp cho

lời giải thích về các chương trình chính trị và kinh tế của họ. Chúng ta hứa hẹn viện trợ thêm cho Pháp. Người Pháp đưa ra một lập trường: họ báo rằng họ đã gây thương vong rất lớn cho kẻ thù. Họ cung cấp cho chúng ta những ước tính mới cho mùa chiến dịch sau - và cứ như thế vòng quay lại bắt đầu một lần nữa." **46/**

Trong mô hình âm đạm đó, Bảo Đại chỉ chơi một vai trò thụ động, giải pháp "Bảo Đại" cuối cùng không giải quyết được gì. Kết quả dựa nhiều hơn vào cuộc đấu tranh quân sự của Pháp với Việt Minh, và cuộc thi [của Pháp] đối phó với sức đẩy của Hoa Kỳ.

1. Robert Shaplen, The Lost Revolution (New York: Harper & Row, 1965), 58.
I
2. Ellen J. Hammer, The Struggle for Indochina, 1940-1945 (Stanford: Stanford University Press, 1966), 245.
3. Joseph Buttinger, Vietnam: A Dragon Embattled (New York: Praeger, 1967, 2 vols.), II, 706-707.
4. Ibid., 712.
5. Ibid., 724; Shaplen, op. cit., 63.
6. Ibid., 64. Cf., Ellen Hammer, "Genesis of the First Indochinese War, 1946-1950," in Marvin E. Gettleman, ed., Viet Nam (New York: Fawcett, 1965), 81.
7. Ibid., 82.
8. Hammer, The Struggle for Indochina, op. cit., 246. General Revers' "Secret" report was widely publicized in 1950, and occasioned a political scandal in Paris known as "the affair of the generals."
9. Shaplen, op. cit., 64-65.
10. Ibid., 78.
11. Ibid., 79.
12. Ibid., 65.
13. Ibid., 76.
14. Hammer, op. cit., 280.
15. Ibid., 278.
16. Buttinger, op. cit., II, 722-723; Shaplen, op. cit., 60, 84.
17. Hammer, op. cit., 269-270.
18. Paris 837 to State, February 22, 1950.
19. Memorandum for the President from the Secretary of Defense, dated 6 March 1950 (TOP SECRET).

20. Charles Wolf, Jr., Foreign Aid: Theory and Practice in Southern Asia, (Princeton: Princeton University Press, 1960), 82. The quotation is from an Economic Cooperation Administration Report to Congress of June 30, 1950.
21. Memorandum for the Secretary of Defense from the JCS, April 5, 1950, "Strategic Assessment of Southeast Asia," (TOP SECRET).
22. State to London 2049, May 3, 1950 (TOP SECRET).
23. Department of State, Bulletin, May 22, 1950.
24. White House Press Release, June 27, 1950.
25. Quoted in Hammer, op. cit., 271.
26. Shaplen, op. cit., 80.
27. Ibid., 81.
28. Ibid., 87.
29. Ibid., 81-82.
30. Bernard B. Fall, Hell in a Very Small Place (New York: Lippencott, 1967), 479 ff.
31. Shaplen, op. cit., 81.
32. Hammer, op. cit., 283.
33. Ibid., 299-300.
34. Ibid., 300.
35. Ibid.
36. Shaplen, op. cit., 78.
37. Ibid.
38. George McTurnan Kahin and John W. Lewis, The United States in Vietnam (New York: Dial Press, 1967), 33.
39. Shaplen, op. cit., 94.
40. Kahin and Lewis, loc.cit.

41. Shaplen, op. cit., 86; 90.

42. Ibid., 90, 87 .

43. Ibid.

44. Ibid., 88-89 .

45. Ibid., 66, 84-85.

46. Ibid., 91 .

II. A. 2.

Thế thượng phong: Pháp đã hơn Hoa Kỳ

Mục lục

** ở đây chữ **liverage**, tôi dịch là **sức bầy** hay **thế thượng phong** trong nghĩa là khi hai đối tác thương thảo một chuyện gì thì anh nào trên cơ anh nào

1. Sức bầy của Hoa Kỳ đối với Pháp	A-35
a. NATO và Marshall Plan	A-35
b. Chương trình hỗ trợ quân sự	A-35
c. Hoa Kỳ hỗ trợ độc lập cho ba nước Đông Dương	A-37
d. Giới hạn về thế thượng phong của Mỹ	A-38
2. Sức bầy của Pháp đối với Hoa Kỳ.	A-38
a. Chủ yếu đó là chiến tranh của Pháp:	A-38
b. Nguyên vọng thành công của Pháp	A-39
c. Chính sách Hoa Kỳ ở châu Âu: EDC	A-40
d. Pháp mong muốn đàm phán	A-40
e. Kết luận: các mục tiêu Hoa Kỳ và Pháp là không tương thích	A-41

II. A. 2. **Sức bầy [Thế thượng phong]: Pháp đã hơn Hoa Kỳ**

Đôi khi có thể khẳng định rằng Pháp không thể tiếp tục cuộc chiến ở Đông Dương mà không cần viện trợ Mỹ, nhưng Hoa Kỳ không sử dụng sức bầy [thế] đáng kể này buộc người Pháp phải thực hiện các bước tích cực hơn đối với quyền độc lập hoàn toàn của các nước liên bang. Kiểm tra lại mối quan hệ Pháp-Mỹ từ 1950-1954 cho thấy, mặc dù vậy, sức bầy của người Hoa Kỳ đã bị hạn chế một cách nghiêm trọng và, do ưu tiên trong chính sách của Hoa Kỳ là ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á, sức bầy của Pháp so với Hoa Kỳ là mạnh hơn.

1. Sức bầy của Hoa Kỳ đối với Pháp

a. NATO và Marshall Plan

Trong thập kỷ đầu sau chiến tranh, Pháp tương đối yếu và phụ thuộc vào Hoa Kỳ thông qua NATO và Kế hoạch Marshall cho an ninh quân sự và sự phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, không phải NATO cũng như Kế hoạch Marshall có thể [giúp Mỹ] sử dụng như điểm tựa để ảnh hưởng lên chính sách của Pháp về Đông Dương. Cả hai đều được Chính phủ và công chúng Hoa Kỳ đánh giá mạnh mẽ là lợi ích quốc gia của Hoa Kỳ vào thời điểm mà sự đe dọa từ Liên Xô lên các nước Tây Âu, qua xâm lược công khai hay lật đổ nội bộ, đã được rõ ràng nhận ra. Một nước Pháp bị cộng sản nắm là một khả năng thực sự. (Đảng Cộng sản Pháp là đảng chính trị lớn nhất trong cả nước, và vào thời điểm đó, mang tính chiến đấu cao). Như vậy, **chuyện Hoa Kỳ đe dọa rút hỗ trợ quân sự và kinh tế nếu Pháp không thay đổi chính sách của họ ở Đông Dương là không thích đáng**. Việc đe dọa Pháp với biện pháp trừng phạt trong NATO hoặc thông qua Kế hoạch Marshall sẽ làm hư hại lợi ích của Hoa Kỳ ở Châu Âu là điều quan trọng hơn bất kỳ chuyện gì khác ở Đông Dương.

b. Chương trình hỗ trợ quân sự

Nguồn ảnh hưởng chính còn lại là các chương trình viện trợ quân sự cho Pháp ở Đông Dương. Ngày 08 tháng 5 năm 1950, đáp ứng một yêu cầu khẩn cấp của Pháp ngày 16 tháng hai năm 1950, Tổng thống Truman công bố viện trợ quân sự và kinh tế mà mục đích là để giúp đỡ người Pháp trong việc tiến hành cuộc chiến chống lại Việt Minh. Sau đó, đại sứ Hoa Kỳ ở Paris được gọi đến Quay d'Orsay [trụ sở của Bộ Ngoại Giao Pháp], để nghe chính phủ Pháp xác định rằng "phải nói rõ với Chính phủ Hoa Kỳ một cách đầy đủ và thẳng thắn rằng tình hình Đông Dương là cực kỳ trầm trọng theo quan điểm của Pháp căn cứ trên kết quả của những diễn biến gần đây và ước đoán rằng ít nhất Cộng sản Trung Quốc sẽ tăng cường viện trợ quân sự cho Hồ Chí Minh". Ông [Truman] nói:

"... Rằng nỗ lực ở Đông Dương là một tiêu hao cho Pháp, rằng một chương trình hỗ trợ dài hạn là cần thiết và những hỗ trợ ấy chỉ đến từ Hoa Kỳ, nếu không... rất có thể Pháp có thể sẽ phải xét lại toàn bộ chính sách của mình để rút khỏi Đông Dương hầu tránh bị tiêu hao... nhìn vào tương lai, điều ấy là rõ ràng... rằng Pháp không thể tiếp tục chịu gánh nặng này một mình vô thời hạn nếu dự đoán về vấn đề tăng hỗ trợ cho Hồ Chí Minh [từ Trung Cộng] đã thành sự thật... " **1/**

Mặc dù quyết định mở rộng viện trợ cho các nỗ lực quân sự Pháp ở Đông Dương đã được thực hiện trước khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, rõ ràng là [tình hình] bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự sụp đổ của Trung Hoa Quốc Dân Đảng, và sự xuất hiện của quân đội Cộng sản Trung Quốc cạnh biên giới Đông Dương vào tháng Mười Hai năm 1949. Chế độ Hồ Chí Minh được công nhận là chính phủ hợp pháp của Việt Nam bởi Cộng sản Trung Quốc vào ngày 18 Tháng 1 năm 1950 và mười hai ngày sau, Chính phủ Liên Xô, tương tự, công bố công nhận. Hội Đồng An Ninh Quốc Gia [NSC: National Security Council] liền sau đó được yêu cầu **"lấy quyết tâm dùng tất cả các biện pháp thực tế của Hoa Kỳ để bảo vệ an ninh ở Đông Dương và để ngăn chặn việc mở rộng xâm lược của cộng sản trong khu vực đó."**

Văn bản số NSC 64 (27 Tháng Hai 1950) kết luận rằng:

"Điều quan trọng cho lợi ích an ninh của Hoa Kỳ là tất cả các biện pháp thực tế đều được dùng để ngăn chặn cộng sản tiếp tục mở rộng thêm ở Đông Nam Á. Đông Dương là một khu vực quan trọng của khu vực Đông Nam Á và hiện nay đang bị đe dọa.

"Các nước láng giềng Thái Lan và Miến Điện được dự kiến có thể sẽ bị Cộng sản thống trị nếu Đông Dương đã bị kiểm soát bởi một chính quyền cộng sản. Sự cân bằng của khu vực Đông Nam Á, sau đó, sẽ bị nguy hiểm nghiêm trọng." 2/

Bộ Tổng Tham Mưu, tham chiếu ước tính tình báo ngày 5 tháng tư năm 1950 cho thấy rằng tình hình ở Đông Nam Á đã xấu đi, lưu ý rằng "không trợ giúp của Hoa Kỳ, sự suy giảm này sẽ bị đẩy mạnh." 3/ Vì vậy, **lý do cho quyết định hỗ trợ Pháp là để ngăn chặn Đông Dương khỏi trượt vào khối cộng sản, chứ không phải viện trợ cho Pháp như một quyền lực thực dân hoặc một đồng minh NATO thân thích.**

Mỹ hỗ trợ, bắt đầu khiêm tốn với 10 triệu USD vào năm 1950, đạt \$ 1.063 triệu trong năm tài chính 1954, ở "thời gian đó nó chiếm 78% chi phí gánh nặng chiến tranh của Pháp. Phần chính của sự gia tăng trong năm cuối cùng của cuộc chiến, sau khi Kế hoạch Navarre được trình bày năm 1953 là kêu gọi mở rộng lực lượng Pháp-Việt và một chiến lược năng động để lấy lại thể chủ động và mở đường cho chiến thắng vào 1955. Kế hoạch Navarre được Trung Tướng John W. O'Daniel, người đứng đầu của MAAG ở Đông Dương lạc quan ủng hộ như là một kế hoạch có khả năng xoay ngược tình thế và dẫn đến một chiến thắng quyết định trên Việt Minh đã góp phần khiến Washington thỏa thuận nâng cao đáng kể mức độ hỗ trợ. Nhưng quan trọng không kém, kế hoạch Navarre, là một đề nghị cụ thể **có đưa ra lời hứa kết thúc một cuộc chiến dài**, đã đặt Pháp ở vị trí áp lực Hoa Kỳ cung cấp nhiều tiền hơn để chi trả cho việc đào tạo và trang bị thêm chín tiểu đoàn Pháp và một số đơn vị mới Việt Nam.

c. Hoa Kỳ hỗ trợ độc lập cho ba nước Đông Dương

Trong suốt thời gian hỗ trợ cho các nỗ lực quân sự Pháp, các nhà hoạch định chính sách của Hoa Kỳ luôn giữ trong tâm trí sự cần thiết phải khuyến khích người Pháp trao độc lập hoàn toàn cho các quốc gia liên hiệp và có các biện pháp thiết thực theo hướng này, chẳng hạn như đào tạo cán bộ, công chức dân sự Việt Nam. Như vậy những động tác thuyết phục trở nên tinh tế và khó khăn do tính nhạy cảm cao của người Pháp đối với bất kỳ "can thiệp" nào đối với các vấn đề "nội bộ".

Đọc lại các bản ghi nhớ của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia [NSC] và các đối thoại ngoại giao Pháp-Mỹ vào thời gian đó cho thấy rằng Washington luôn để mắt theo sát mục tiêu cuối cùng là việc giải thể chế độ thực dân ở Đông Dương. Thật vậy, thật không thoải mái thấy mình – bị bó buộc vì sự cần thiết phải chống lại Việt Minh cộng sản – phải nằm chung giường với người Pháp. Áp lực của Hoa Kỳ cũng có thể giải thích được **qua tuyên bố công khai của Thủ tướng Joseph Laniel [Pháp] ngày 03 Tháng bảy 1953, là sự độc lập và chủ quyền của các nước liên minh sẽ được "hoàn thiện" bằng cách chuyển giao cho họ các chức năng khác nhau mà vẫn còn dưới quyền kiểm soát của Pháp, mặc dù không có hạn cuối cùng đặt ra cho độc lập hoàn toàn.** 4/ Tại một cuộc họp NSC vào ngày 6 tháng 8, năm 1953 Tổng thống Eisenhower tuyên bố rằng sự hỗ trợ của Pháp sẽ được xác định bởi ba điều kiện:

- (1) Một cam kết công khai của Pháp về "một chương trình mà sự hỗ trợ và hợp tác của bản địa Đông Dương là đảm bảo";
- (2) Một lời mời của Pháp cho "tư vấn quân sự [US] chắc chắn";
- (3) Gia hạn bảo đảm về việc thông qua Cộng Đồng Quốc Phòng Âu Châu [EDC].

2/

Phù hợp với các quyết định của mình, ngày 09 tháng chín 1953 Washington cấp \$385 triệu cho việc thực hiện Kế hoạch Navarre, phụ thuộc vào một số điều kiện. Đại sứ Hoa Kỳ đã được chỉ thị thông báo cho Thủ tướng Laniel và Ngoại trưởng Bidault rằng Chính phủ Hoa Kỳ mong chờ Pháp:

"... Tiếp tục theo đuổi chính sách hoàn thiện nền độc lập cho ba nước Đông Dương phù hợp với tuyên bố ngày 03 tháng 7;

"tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi tin tức với các cơ quan quân sự Hoa Kỳ và quan tâm đến ý kiến của họ [Mỹ] trong việc tiến hành và thực hiện kế hoạch quân sự Pháp ở Đông Dương.

"đảm bảo rằng sẽ không có những thay đổi cơ bản hoặc lâu dài về những kế hoạch và chương trình của các lực lượng NATO lấy cớ là do hậu quả các nỗ lực bổ sung [của Pháp] ở Đông Dương; **6/**

d. Giới hạn về thể thượng phong của Mỹ

Hoa Kỳ đã cố gắng sử dụng chương trình viện trợ quân sự để đạt thể thượng phong trên chính sách của Pháp, nhưng bị hạn chế nghiêm trọng cho những gì Hoa Kỳ có thể làm. Phái đoàn quân sự Hoa Kỳ (MAAG) ở Sài Gòn là nhỏ và giới hạn bởi người Pháp trong chức năng cung cấp viện trợ của mình. Phân bổ tất cả các viện trợ Hoa Kỳ cho ba nước Đông Dương đã được thực hiện, theo thỏa thuận, chỉ duy nhất thông qua Pháp. Vì vậy, MAAG không được phép để kiểm soát việc phân phát vật tư một khi họ đến Việt Nam. Cán bộ MAAG không được tự do cần thiết để tìm hiểu thông tin tình báo về quá trình chiến tranh, thông tin được cung cấp bởi người Pháp là giới hạn, và thường là không đáng tin cậy hoặc cố tình hướng dẫn sai. Người Pháp phản ứng lại lời nhắc nhở của Hoa Kỳ rằng quân đội bản địa ba nước Đông Dương đã được xây dựng và do đó không cần tạo ra một quân đội Việt quốc gia thật sự. Với một số ngoại lệ nhỏ, Pháp đã loại trừ cố vấn Hoa Kỳ tham gia vào việc huấn luyện sử dụng các vật liệu cung cấp bởi Mỹ.

Tướng Navarre, đã xem bất kỳ chức năng nào của MAAG [Military Assistance Advisory Group] ở Sài Gòn ngoài việc giữ sổ sách kế toán là một sự can thiệp vào công việc nội bộ của Pháp. Mặc dù Pháp rất khó khăn để tiếp tục cuộc chiến tranh qua năm 1952 mà không có viện trợ Mỹ, Pháp không bao giờ cho phép các quan chức Hoa Kỳ tham gia trong việc lập kế hoạch chiến lược hay chính sách. **7/** Hơn nữa, Pháp nghi ngờ là viện trợ kinh tế là quá thông cảm với phe quốc gia Việt Nam. Giám đốc chương trình viện trợ kinh tế, Robert Blum, và quản trị viên về nhu cầu [DCM - Demand Chain Manager] của Đại sứ quán Mỹ, Edmund Guillion, đã phải chịu những lời chỉ trích của Pháp vì quan điểm ủng hộ phía Việt Nam của họ, mặc dù đại sứ Mỹ, Donald Heath, vẫn kiên quyết ủng hộ Pháp. Vì vậy, các quan chức Pháp nhấn mạnh rằng sự hỗ trợ của Hoa Kỳ là "không có ràng buộc" và hầu như không có kiểm soát nào về việc sử dụng nó. Căn bản cho thái độ này là một sự nghi ngờ sâu xa rằng Hoa Kỳ mong muốn hoàn toàn thay thế Pháp, về kinh tế cũng như chính trị, ở Đông Dương.

8/

2. Thể thượng phong của Pháp đối với Hoa Kỳ.

Thế thượng phong của Pháp trên Hoa Kỳ có thể có được là vì một sự xác tín, dường như chắc chắn thành hình tại Washington, rằng việc duy trì một Đông Dương không cộng sản.... là tối quan trọng đối với lợi ích của phương Tây - và đặc biệt là Mỹ.

a. Trước tiên đó là chiến tranh của Pháp:

Thực tế cơ bản nhất là người Pháp đã tiến hành một cuộc chiến mà Hoa Kỳ đã xem, dù đúng hay sai, là rất cần thiết. Vì thế, luôn luôn Pháp có thể đe dọa [Mỹ] đơn giản chấm dứt cuộc chiến bằng việc rút khỏi Đông Dương. Vào đầu những năm 1950, với nhân dân Pháp mệt mỏi về "cuộc chiến nhor bần," một quyết định như thế sẽ được lòng dân Pháp. Do đó có Paris thể gợi ý - và họ đã làm -- rằng nếu Hoa Kỳ hỗ trợ không tới, họ chỉ đơn giản rút lui khỏi Đông Dương, để lại Hoa Kỳ một mình lo ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á. Khi Chính phủ Laniel yêu cầu vào mùa thu năm 1953 một sự gia tăng lớn về viện trợ Mỹ, đại diện Bộ Ngoại giao tại một cuộc họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia [NSC] khẳng định rằng " Chính phủ Pháp, đã đề xuất chúng ta trợ giúp họ củng cố ở Đông Dương, nếu chúng ta không hỗ trợ họ tại thời điểm này, có thể là [họ là] chính phủ cuối cùng sẵn sàng một nỗ lực thực sự để giành chiến thắng ở Đông Dương". **9** Thực vậy, sau đó, bởi vì tầm quan trọng được đưa ra bởi Washington là ngăn chặn cộng sản ở Đông Dương, đe dọa rút đi là một công cụ tổng tiền quan trọng mà người Pháp đang sở hữu.

Kết quả của chuyện này là thế thượng phong của Hoa Kỳ là khá yếu. Kể từ khi Pháp, dù cách nào, chiến đấu một trận chiến của Hoa Kỳ cũng như của chính họ để ngăn chặn cộng sản Đông Dương, bất kỳ áp lực vụng về nào của Hoa Kỳ đều bị kể án làm suy yếu quyết tâm và khả năng của người Pháp. Do đó, thế thượng phong mà Hoa Kỳ đạt được thông qua viện trợ có thể được sử dụng một chút khác hơn là để thúc đẩy nhiều hơn hiệu quả và quyết tâm của Pháp. Nói cách khác, **Washington có thể thúc đẩy Paris lên một kế hoạch kiểu Navarre, nhưng không thể ảnh hưởng đến cách Pháp tiến hành chiến tranh, cũng không thể thúc đẩy Pháp trên các vấn đề chính trị đang tranh chấp.**

b. Nguyên vọng thành công của Pháp

Cám dỗ "sát cánh" với người Pháp cho đến khi Việt Minh bị đánh bại là hấp dẫn hơn vì kỳ vọng của chiến thắng tràn ngập các giới chức Washington. Trước Điện Biên Phủ, tướng O'Daniel luôn báo cáo rằng chiến thắng là trong tầm tay nếu Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ họ. Tháng năm 1954 tướng O'Daniel đệ trình một báo cáo về tiến độ của Kế hoạch Navarre trong đó tóm tắt những gì người Pháp đã làm và những gì vẫn đang thực hiện. Báo cáo nói rằng lực lượng Liên hiệp Pháp đã chủ động tổ chức và sẽ bắt đầu chiến dịch tấn công vào

giữa tháng Giêng, năm 1954 ở đồng bằng sông Cửu Long và ở khu vực giữa Mũi Kê Gà ở Phú Yên [Cape Varella] và Đà Nẵng. Trong khi đó, một lực lượng tương đối nhỏ sẽ cố gắng loại Việt Minh ra khỏi vùng đồng bằng Bắc Bộ đến tháng 10, năm 1954, lúc ấy Pháp sẽ bắt đầu một cuộc tấn công quan trọng chủ yếu vào phía Bắc vĩ tuyến 19. Kết luận của báo cáo đánh giá Kế hoạch Navarre cơ bản là được và cần được hỗ trợ vì nó sẽ mang lại một chiến thắng quyết định. **10/**

Niềm lạc quan của O'Daniel đã không được song hành với các nhà quan sát khác. CINCPAC [Commander in Chief, Pacific Command – Tư lệnh Thái Bình Dương], là một, cho rằng báo cáo là quá lạc quan, nêu lên rằng yếu tố chính trị và tâm lý là rất quan trọng đến nỗi không chiến thắng nào có thể có được cho đến khi Việt Nam đã có thể chiếm được các làng và cho đến khi các hoạt động chiến tranh tâm lý có thể giành được lòng người. **11/** Tùy viên quân sự ở Sài Gòn thậm chí còn ít lạc quan hơn. Ông thẳng thừng tuyên bố rằng Pháp, sau sáu tháng Kế hoạch Navarre, vẫn còn trên thế phòng thủ và không thấy có dấu hiệu có thể để giành được chiến thắng trong tương lai. Quan điểm của ông Tùy Viên, hơn nữa, được tán đồng bởi phụ tá trưởng cơ quan tình báo, ông này đã quan sát các sĩ quan cao cấp khác của quân đội Hoa Kỳ ở Đông Dương đều đồng ý với ông Tùy viên và cho rằng báo cáo của O'Daniel là lạc quan không căn cứ. **12/**

c. Chính sách Hoa Kỳ ở châu Âu: EDC

Một nguồn quan trọng cho thể thượng phong của Pháp cũng đã tìm thấy được ngoài các vấn đề ở Viễn Đông. Mục tiêu chính của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong 1953-1954 tạo ra một Cộng đồng Quốc phòng châu Âu (EDC). Mục đích của EDC là để "đóng bao" quân đội Tây Đức thành một quân đội quốc gia gồm sáu quân đoàn về lâu dài sẽ góp sức vào việc bảo vệ Tây Âu. Các quan chức Washington dự kiến EDC sẽ cho phép giảm (nhưng không hoàn toàn loại bỏ) lực lượng mặt đất của Hoa Kỳ ở châu Âu. Pháp là thành viên của EDC -- một đối trọng cho ý kiến tái trang bị vũ khí cho Đức -- [sự đồng ý của Pháp] là cần thiết để thông qua [ý kiến] cùng với năm quốc gia châu Âu khác. Bởi vì EDC có ưu tiên cao trong kế hoạch của Mỹ, nên Hoa Kỳ rất miễn cưỡng khi muốn phản kháng Pháp trong vấn đề Đông Dương. Điều này lại được tăng cường bởi Hoa Kỳ biết người Pháp đặt một ưu tiên thấp hơn cho EDC, một phần vì nỗi sợ hãi truyền thống của Pháp đối mặt với một nước Đức vũ trang, một phần vì tính toán của Pháp về ý định của Liên Xô ở Tây Âu khác với [tính toán] Hoa Kỳ trong đó họ rằng một can thiệp của Liên Xô trực tiếp là có xác suất thấp. **13/**

Dường như đã không có sự chú ý vào thời điểm đó là mâu thuẫn tiềm ẩn trong chính sách của Hoa Kỳ nhằm thúc đẩy Pháp đồng thời để thông qua EDC và thực hiện một nỗ lực lớn

hơn ở Đông Dương. Việc thứ hai đòi hỏi tăng lực lượng Pháp ở vùng Viễn Đông. Tuy nhiên, Quốc hội Pháp sẽ không chấp nhận trừ khi EDC ở mức tối thiểu, nó phải đảm bảo rằng các lực lượng Pháp ở châu Âu sẽ ngang bằng với người Đức. Do đó, Pháp đã cho rằng việc EDC thành hiệu lực sẽ ngăn cản họ đưa lực lượng lớn hơn vào Đông Dương. Sau khi bị mất miền Bắc Việt Nam và Pháp từ chối EDC, Chủ tịch của Nhóm Công Tác Liên Ngành được thành lập để xây dựng một chính sách mới của Hoa Kỳ về Đông Dương cho thời kỳ hậu Geneva nhận xét rằng "chính sách của chúng ta như vậy, đến nay đã thất bại bởi vì chúng ta đã cố gắng để bắn hai con chim với một đá và cả hai đều không trúng". **14/**

d. Pháp mong muốn đàm phán

Thế thượng phong của Pháp cũng đã chứng minh bởi khả năng của họ mang vấn đề Đông Dương đặt trên chương trình nghị sự của Hội nghị Giơ-ne-vơ vào thời điểm cuộc họp của bên Bộ trưởng Ngoại Giao vào tháng 2 năm 1954 tại Berlin. Hội nghị Giơ-ne-vơ đã được kêu gọi để tìm ra một giải pháp chính trị cho cuộc chiến tranh Triều Tiên. [Ngoại Trưởng] Dulles đã không muốn đàm phán về Đông Dương cho đến khi nào có một cải tiến đáng kể trong tình hình quân sự của Pháp và Pháp có thể thương lượng đứng trên một tư thế sức mạnh nhiều phần lớn hơn. Tuy nhiên, Chính phủ Laniel bị áp lực bởi dư luận Pháp đòi kết thúc chiến tranh Đông Dương. Tại Berlin, đoàn đại biểu Pháp khẳng định, bất chấp sự phản đối của Mỹ, Đông Dương được ghi trong chương trình nghị sự Geneva. Bộ trưởng Ngoại giao Bidault được báo cáo là đã cảnh báo rằng nếu Hoa Kỳ đã không ngậm bằng lòng ở điểm này, EDC chắc chắn sẽ bị chết chìm.

[Ngoại Trưởng] Dulles đã thành công trong việc phản đối những nỗ lực của Liên Xô để đạt được cho Cộng sản Trung Quốc quy chế cường quốc bảo trợ ở Hội Nghị Geneva và buộc phải chấp nhận trong thông cáo Berlin một tuyên bố rằng không có công nhận ngoại giao nào sẽ được ngụ ý trong thư mời Trung Quốc tham gia hội nghị. Tuy nhiên, để đổi lấy nhượng bộ này, người Pháp đã có thể đưa ra những bằng chứng dễ thấy về quan tâm của họ trong việc sớm chấm dứt chiến tranh thông qua thương lượng. Trớ trêu thay, điều này là con dao hai lưỡi: "phe hòa bình" ở Paris đã được xoa dịu, nhưng ở Hà Nội nhiều kế hoạch đã được đưa ra, đẩy mạnh cường độ chiến tranh để tạo cho mình thế mạnh quân sự trước khi bắt đầu Hội nghị Geneva. **Vì vậy, chiến trường Điện Biên Phủ có một ý nghĩa rất quan trọng trong tổng thể vì vấn đề Đông Dương mới đây đã được ghép vào Hội nghị Giơ-ne-vơ.** Khi Ellen Hammer đã viết:

"Đây là cơ hội cuối cùng trước khi Hội nghị Geneva [bắt đầu] để Việt Minh cho thấy sức mạnh quân sự của mình, quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi. Và có nhiều người nghĩ

rằng Tướng Giáp quyết tâm giải quyết đến chiến thắng, không kể đến giá phải trả, không chỉ để gây ấn tượng với đối phương mà còn để thuyết phục các đồng minh Cộng sản của ông là Việt Minh, bởi những nỗ lực riêng, phải có một chỗ ngồi tại bàn hội nghị và có quyền có tiếng nói cho tương lai của mình. Đối với người Pháp... kết quả của trận đánh phụ thuộc rất nhiều về tinh thần mà họ sẽ gửi đại diện đến Geneva " **15/**.

e. Kết luận: các mục tiêu Hoa Kỳ và Pháp là không tương thích với nhau

Tóm lại, người ta phải chú ý về những nghịch lý trong chính sách của Hoa Kỳ đối với người Pháp về vấn đề Đông Dương, 1950-1954. Lợi ích và các mục tiêu cơ bản của Hoa Kỳ là khác với [Lợi ích và các mục tiêu] Pháp. Hoa Kỳ quan tâm đến việc ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và hạn chế sự lây lan của ảnh hưởng Trung Quốc ở Đông Nam Á. **Mục tiêu trước mắt của Hoa Kỳ là hỗ trợ một miếng domino. Pháp, mặt khác, chiến đấu chủ yếu là một cuộc chiến tranh thuộc địa được thiết kế để duy trì sự hiện diện của Pháp ở Đông Nam Á và tránh được những đổ nát của Liên hiệp Pháp.** Mặc dù thỉnh thoảng cam kết là sẽ "toàn hảo hóa" độc lập cho ba nước Đông Dương – những cam kết thường được đưa ra trong những hoàn cảnh mà Pháp đã bị buộc phải "biện minh" cho chiến tranh, một phần để nhận thêm viện trợ Hoa Kỳ - Pháp đã không chiến đấu một thời gian dài cho một cuộc chiến tranh tốn kém để rồi rút quân hoàn toàn sau đó.

Thực tế là Hoa Kỳ và Pháp đã có ý định -- thúc đẩy chiến thắng quân sự -- tập trung trong những năm 1950-1954 bị che khuất bởi một sự thực là hai quốc gia vốn đã không tương thích. Điều này tiếp tục dẫn đến một sự không tương thích cơ bản trong hai dòng chính sách của Hoa Kỳ: (1) Washington muốn Pháp chiến đấu và giành chiến thắng, tốt nhất với hướng dẫn và tư vấn Mỹ, và (2) đã đạt được những thành công với chi phí rất lớn mà người Pháp, ít nhất lúc ban đầu, đã xem như một cuộc chiến "thực dân" hơn là "chống cộng sản", Washington mong đợi người Pháp rút đi một cách cao thượng. (Bất cứ người Pháp nào cũng có thể đặt câu hỏi là Pháp làm cách nào, ngay cả nếu họ muốn, có thể rời khỏi Đông Dương mà không tạo ra áp lực tương tự để rút khỏi Algeria, Tunisia, Morocco, nơi hơn một triệu người Pháp đang sống.) Sự không thống nhất cố hữu này có thể được tìm thấy nhiều giải thích cho việc Hoa Kỳ thiếu thể thượng phong đối với Pháp trong những năm trước [Hội Nghị] Geneva.

II. A. 2.

FOOTNOTES

1. Paris Embtel 837 to SecState February 22, 1950 (SECRET).
 2. The Position of the United States with Respect to Indochina, NSC 64, February 27, 1950 (TOP SECRET).
 3. Memorandum for the Secretary of Defense, April 5, 1950 (TOP SECRET).
 4. Ellen J. Hammer, The Struggle for Indochina, 1940-1955, (Stanford: Stanford University Press, 1955), pp. 301-302.
 5. Summary and Comments, NSC 161st Meeting, September 9, 1953 (TOP SECRET).
 6. Deptel 868, September 9, 1953 (TOP SECRET).
 7. An experienced French journalist in Indochina wrote: "To be sure, American officers also tried to supervise strategy; but after a few fruitless brushes with a high command that was ferociously attached to its prerogatives they decided to leave it entirely to the French. In the end all the experts of the Military Aid Advisory Group kept in the background, resigning themselves to letting this Indochinese war be fought in the French way."
- Lucien Bodard, The Quicksand War: Prelude to Vietnam. (Boston: Little, Brown & Co., 1967), pp. 224-225.
8. Henri Navarre, Agonie de l'Indochine, (Paris: Librairie Plon, 1956), pp. 27-28; 137-138; Joseph Buttinger, Vietnam: A Dragon Embattled, Volume II (New York: Frederick A. Praeger, 1967), pp. 811, 1079; Robert McClintock, The Meaning of Limited War (Boston: Houghton, Mifflin Co., 1967), p. 174.
 9. Summary and Comments, NSC 161st Meeting, September 9, 1953 (TOP SECRET).
 10. U.S. Joint Military Mission to Indochina, Progress Report on Military Situation in Indochina as of 19 November 1953, 19 November 1953 (SECRET).
 11. Undated appendix to Summary of Progress Report of [O'Daniel] Joint Military Mission to Indochina (SECRET).
 12. Dept of the Army, Office of the Assistant Chief of Staff, G-2 (Intelligence), November 24, 1953 (TOP SECRET).
 13. Raymond Aron, "Historical Sketch of the Great Debate," in Daniel Lerner and Raymond Aron, eds., France Defeats EDC (New York: Praeger, 1957).
 14. McClintock, The Meaning of Limited War, p. 175.
 15. Hammer, The Struggle for Indochina, 1940-1955, p. 328.

II. A. 3

NHẬN THỨC VỀ MỐI ĐE DỌA CỦA CỘNG SẢN

ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á VÀ QUYỀN LỢI CƠ BẢN CỦA HOA KỲ

Mục Lục

	Trang
1. Thuyết Domino: Trước chiến tranh Triều Tiên	A-45
2. Sự quan trọng của Đông Dương	A-46
3. Tác động của lúc khởi đầu chiến tranh Triều Tiên	A-47
4. Chính quyền Cộng Hòa và Viễn Đông	A-49
5. Tác động của đình chiến ở Triều Tiên	A-50
6. Hoa Kỳ dẫn thân sâu vào việc ngăn chặn	A-50
7. Kết luận	A-51

II. A. 3 NHẬN THỨC VỀ MỐI ĐE DỌA CỦA CỘNG SẢN

ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á VÀ QUYỀN LỢI CƠ BẢN CỦA HOA KỲ

Có ba nhận thức lớn đã chế ngự những suy tính và hoạch định chính sách của Hoa Kỳ về Đông Dương trong những năm 1950-1954. **Đầu tiên** là tầm quan trọng ngày càng tăng của châu Á trong nền chính trị thế giới. Quá trình chuyển giao quyền lực từ đế quốc thực dân cho các quốc gia độc lập, như người ta đã tin, sẽ tạo ra một khoảng trống quyền lực và những điều kiện của sự bất ổn sẽ làm cho Châu Á có khả năng trở thành một chiến trường trong cuộc xung đột Đông-Tây trong chiến tranh lạnh. **Thứ hai**, có những xu hướng không thể phủ nhận là xem "mối đe dọa cộng sản" trên toàn thế giới như là nguyên khối. Điều này có thể hiểu được do ảnh hưởng tương đối sâu rộng tác động bởi Liên Xô trên các quốc gia cộng sản khác, và các đảng cộng sản trong các quốc gia không cộng sản. Hơn nữa, phương Tây, và đặc biệt là Hoa Kỳ bị thách thức bởi các chính sách bành trướng công khai công bố bởi hầu như tất cả các nhà lãnh đạo các phong trào cộng sản. **Thứ ba**, cố gắng của chế độ Cộng sản Hồ Chí Minh để đuổi người Pháp ra khỏi Đông Dương được xem như biểu hiện ở Đông Nam Á về ý định xâm lược cộng sản trên toàn thế giới. Việc Pháp chống trả Hồ, vì vậy, được xem là vị trí quan trọng trên chiến tuyến cùng với phương Tây ngăn chặn nào cộng sản.

1. Thuyết Domino: Trước chiến tranh Triều Tiên

Ba nhận thức nói trên giúp giải thích các suy đoán chính thức của Washington rằng nếu Đông Dương "bị mất" vào tay cộng sản, các quốc gia còn lại của Đông Nam Á không thể chống chọi nổi với sự xâm nhập của cộng sản và sẽ bị đổ theo như phản ứng dây chuyền. Quan niệm chiến lược này về đe dọa cộng sản ở Đông Nam Á đã có trước khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ vào tháng 6 năm 1950. Nó có thể đã được thai nghén vào thời điểm Trung Hoa Quốc Gia rút chạy khỏi đại lục Trung Quốc. Tài liệu NSC48/1 [của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia – HĐANQG Mỹ] là tài liệu khung quan trọng cho khái niệm này. Nó đã được soạn thảo trong tháng 6 năm 1949, sau khi Bộ trưởng Quốc phòng Louis Johnson đã bày tỏ lo ngại về các diễn biến đang xảy ra ở châu Á và đề nghị mở rộng cách tiếp cận song phương, bằng biên bản ghi nhớ giữa quốc gia với quốc gia, thành một kế hoạch khu vực, NSC48/1 báo cáo rằng "việc quyền lực cộng sản đã được mở rộng ở Trung Quốc là một thất bại đau thương chính trị cho chúng ta... Nếu khu vực Đông Nam Á cũng bị cuốn theo cộng sản, chúng ta sẽ chịu một thất bại thảm hại về chính trị và những ảnh hưởng của nó sẽ được cảm nhận trong suốt phần còn lại của thế giới, đặc biệt là ở Trung Đông và sau đó Úc sẽ bị phơi trần một cách nghiêm trọng " 1/

Vào năm 1949, Nga chứ không phải là Trung Quốc đã được nhìn thấy như là nguồn đe dọa cộng sản chủ yếu ở châu Á. Mặc dù đã có thừa nhận rằng qua thời gian Trung Quốc (hay Nhật Bản hay Ấn Độ) có thể có cố gắng thống trị châu Á, --

"Bây giờ và trong tương lai gần, chính Liên Xô đang đe dọa thống trị châu Á bằng các công cụ bổ sung cho âm mưu của cộng sản và bằng áp lực ngoại giao hỗ trợ bởi sức mạnh quân sự. Trong một tương lai có thể thấy trước, do đó, mục tiêu trước mắt của chúng ta phải ngăn chặn và chỗ nào có thể làm được, làm suy giảm sức mạnh và ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Á đến mức độ mà Liên Xô không còn khả năng đe dọa an ninh của Hoa Kỳ từ khu vực đó và làm cho Liên Xô sẽ phải gặp những trở ngại nghiêm trọng một khi họ có những nỗ lực đe dọa hòa bình, độc lập dân tộc hay sự ổn định của các quốc gia châu Á. "

NSC 48/1 cũng công nhận rằng "cuộc xung đột dân tộc chống thực dân cung cấp một mảnh đất màu mỡ cho các phong trào nổi dậy cộng sản, và bây giờ cũng rõ ràng rằng Đông Nam Á là mục tiêu cho một cuộc tấn công phối hợp do điện Kremlin đạo diễn."

Vào thời điểm đó, NSC [Hội Đồng An Ninh Quốc Gia] tin rằng Hoa Kỳ, như một cường quốc phương Tây, trong bất kỳ khu vực nào mà phần lớn dân số đã nghi ngại về ảnh hưởng của phương Tây, thì nên chừng mực càng hạn chế càng tốt việc lấy vai trò dẫn đầu trong khu vực Đông Nam Á. Thay vào đó, Hoa Kỳ nên "khuyến khích các nước Ấn Độ, Pakistan, Philippines và

các nước châu Á khác giữ vai trò lãnh đạo để giải quyết các vấn đề chung của khu vực," công nhận rằng "các chính phủ không cộng sản của Nam Á đã tạo thành một bức tường thành chống lại việc cộng sản mở rộng ở châu Á ". NSC 48/2 đã chỉ ra rằng nên có một sự chú ý đặc biệt trên các vấn đề Đông Dương, nơi mà "người Pháp phải khẩn cấp có những hành động tháo gỡ các rào cản để Bảo Đại hay các nhà lãnh đạo quốc gia không cộng sản có được sự hỗ trợ của một tỷ lệ đáng kể người Việt Nam ".

2. Sự quan trọng của Đông Dương

Đông Dương là đặc biệt quan trọng bởi vì nó là khu vực duy nhất tiếp giáp với Trung Quốc mà ở đó có một đội quân lớn của châu Âu đang xung đột vũ trang với lực lượng "cộng sản". Cộng sản Trung Quốc được cho là đã cung cấp cho Việt Minh một hỗ trợ vật chất đáng kể. Các nguồn tin chính thức của Pháp báo cáo rằng đã có một số binh lính Trung Cộng tại Bắc Kỳ, cũng như số lượng lớn khác đã sẵn sàng hành động chống Pháp đang ở phía bên biên giới trên phần đất của Trung Quốc. Biên bản NSC đầu tiên là biên bản duy nhất lo chuyện Đông Dương (NSC 64) đã được thông qua như một chính sách ngày 27 tháng ba 1950. Tài liệu này đã lưu ý việc Trung Cộng hỗ trợ Việt Minh và ước tính rằng nó nghi ngờ rằng các lực lượng viễn chinh Pháp, kết hợp với quân đội Đông Dương, có thể ngăn chặn thành công các lực lượng của Hồ Chí Minh có thể được tăng cường bởi hoặc quân đội Trung Cộng vượt qua biên giới, hoặc nhận vũ khí và vật liệu từ các nguồn Cộng Sản với số lượng lớn.

Nên lưu ý rằng NSC 64 - bằng văn bản, đã được đưa ra bởi chính quyền Truman và trước cả lúc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ - đã nhận định rằng "mối đe dọa Cộng Sản xâm lược Đông Dương chỉ là một kế hoạch giai đoạn của cộng sản nhằm thống trị tất cả các nước Đông Nam Á.

Văn bản này được kết thúc với một đoạn văn mà sau này đã được biết đến như là "thuyết domino ":

"Điều quan trọng là đối với lợi ích an ninh của Hoa Kỳ, tất cả các biện pháp thực tế phải được thực hiện để ngăn chặn việc cộng sản mở rộng hơn nữa ở Đông Nam Á. Đông Dương là một khu vực quan trọng của khu vực Đông Nam Á và đang bị đe dọa ngay lúc này.

"Các nước láng giềng Thái Lan và Miến Điện dự kiến có thể bị Cộng sản thống trị nếu Đông Dương bị kiểm soát bởi một chính phủ Cộng sản. Sự cân bằng của khu vực Đông Nam Á sau đó sẽ bị nguy hiểm nghiêm trọng. " 2/

3. Tác động của lúc khởi đầu chiến tranh Triều Tiên

Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, và quyết định của Hoa Kỳ chống lại xâm lược Bắc Triều Tiên, chỉ qua đêm đã mài sắc suy nghĩ và hành động của chúng ta đối với khu vực Đông Nam Á. Phản ứng quân sự Hoa Kỳ là biểu hiện một cách cụ thể nhất có thể có với niềm tin cơ bản rằng một chiến tuyến ở khu vực Đông Nam Á là rất cần thiết cho lợi ích an ninh của Mỹ. **Cuộc đấu tranh của Pháp ở Đông Dương đã được nhìn nhiều hơn so với trước kia như là một phần của việc ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản trong vùng này của thế giới.** Theo đó, Hoa Kỳ đã tăng cường và mở rộng các chương trình viện trợ ở Đông Dương. Các lô hàng viện trợ quân sự cho Đông Dương vào năm 1951 chiếm ưu tiên thứ hai cao nhất, chỉ sau các chương trình cho chiến tranh ở Triều Tiên. **3/**

Một hậu quả khác của chiến tranh Triều Tiên, và đặc biệt là sự can thiệp của Trung Cộng, là nhận thức rằng Trung Cộng đã thay thế Liên Xô như là nguồn đe dọa cộng sản chủ yếu trong khu vực Đông Nam Á. Điều này đã được thể hiện rõ ràng trong tài liệu NSC-124/2 (tháng 6 năm 1952) nói rằng "sự nguy hiểm của một cuộc tấn công quân sự công khai chống lại Đông Nam Á vốn đã sẵn có với sự tồn tại của một Trung Quốc Cộng sản thù địch và hung hăng."

"Thuyết domino" ở dạng tinh khiết nhất của nó đã được ghi trong phần "Đánh Giá Tổng Quát" của NSC-124/2. Nó liên kết việc mất bất kỳ một nhà nước nào của Đông Nam Á với sự ổn định của châu Âu và an ninh của Hoa Kỳ:

[chỗ này không thấy phần số 1. – người dịch ghi nhận]

"2. Cộng sản thống trị, bất cứ bằng phương cách nào, tất cả khu vực Đông Nam Á sẽ gây nguy hiểm một cách nghiêm túc trong ngắn hạn, và gây nguy hiểm nghiêm trọng trong dài hạn cho an ninh của Hoa Kỳ.

"a. Sự mất mát của bất kỳ quốc gia Đông Nam Á nào vào vòng kiểm soát của cộng sản như hậu quả của sự xâm lược Cộng sản Trung Quốc, công khai hay bí mật, đều sẽ có hậu quả quan trọng về tâm lý, chính trị và kinh tế. Trong trường hợp không kháng cự có hiệu quả và kịp thời, sự mất mát của một bất kỳ nước nào có thể sẽ dẫn một sự thần phục tương đối nhanh hay một sự liên kết với cộng sản của các nước còn lại. Hơn nữa, một sự liên kết với cộng sản của phần còn lại của khu vực Đông Nam Á và Ấn Độ, và trong dài hạn, Trung Đông (với các trường hợp ngoại lệ có thể xảy ra ít nhất là Pakistan và Thổ Nhĩ Kỳ) sẽ rất có thể dần dần theo sau. Sự liên kết rộng rãi như thế sẽ gây nguy hiểm cho sự ổn định và an ninh của châu Âu.

"b. Việc Cộng sản kiểm soát tất cả các nước Đông Nam Á sẽ làm cho vị trí của Hoa Kỳ trong chuỗi hải đảo Thái Bình Dương trở nên không ổn định và sẽ gây nguy hiểm nghiêm trọng cho lợi ích an ninh cơ bản của Hoa Kỳ ở vùng Viễn Đông.

"c. Đông Nam Á, đặc biệt là Malaysia và Indonesia, là nguồn chính của cao su thiên nhiên và thiếc, và là nơi sản xuất dầu khí và các mặt hàng chiến lược quan trọng khác. Gạo xuất khẩu của Miến Điện và Thái Lan là cực kỳ quan trọng đối với Malaysia, Tích Lan và Hồng Kông và có ý nghĩa đáng kể đến Nhật Bản và Ấn Độ, tất cả các khu quan trọng của châu Á tự do.

d. Mất khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là của Malaysia và Indonesia, có thể dẫn đến áp lực kinh tế và chính trị ở Nhật Bản cũng như làm cho trở nên cực kỳ khó khăn để ngăn chặn việc Nhật Bản cuối cùng rơi vào tay cộng sản." **4/**

Khả năng một sự can thiệp của Trung Cộng quy mô lớn ở Đông Dương, tương tự như sự can thiệp của Trung Cộng tại Hàn Quốc, đã thống trị tư duy của các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ sau khi cuộc chiến tranh Triều Tiên bắt đầu. Sự can thiệp như vậy sẽ không còn bị bất ngờ khi những con số lớn hơn của quân đội Trung Cộng đông đảo dọc theo biên giới Bắc Bộ và sự hỗ trợ trang thiết bị cho Việt Minh. NIE – Ước Tính Tình Báo Quốc Gia [National Intelligence Estimate] tháng 12 năm 1950 xem việc Trung Cộng can thiệp trực tiếp là "sắp xảy ra." **5/** Năm kế tiếp, đã có ước tính rằng sau hiệp ước đình chiến ở Hàn Quốc, Trung Cộng sẽ có khả năng can thiệp với sức mạnh đáng kể, nhưng sẽ kèm chế hành động công khai bởi một số yếu tố, bao gồm cả nguy cơ bị Hoa Kỳ trả đũa và những bất lợi khi tham gia trong một chiến dịch kéo dài. **6/** Đến đầu năm 1952, vị trí của Pháp đã cho thấy có dấu hiệu suy thoái, các cơ quan tình báo tin rằng Trung Cộng sẽ bằng lòng tiếp tục giúp đỡ Việt Minh mà không cần tham gia trực tiếp (ngoại trừ các viện trợ vật chất), trừ khi bị khiêu khích. **7/** Vì vậy, cộng đồng tình báo, sau khi ước tính nguy cơ cao của sự can thiệp của Trung Quốc vào lúc bắt đầu của chiến tranh Triều Tiên, đã từng bước ước tính giảm đi khả năng chiến tranh Đông Dương được mở rộng lớn hơn khi có những dấu hiệu cho thấy Việt Minh ngày càng làm tốt việc của họ [thắng thế].

Tuy nhiên, NSC [Hội Đồng An Ninh Quốc Gia] tiến hành vào năm 1952 lập danh sách một chuỗi hành động "kiên quyết bảo vệ" Đông Dương trong trường hợp có một sự can thiệp của Trung Quốc quy mô lớn. Nó bao gồm việc đưa ra các lực lượng không quân và hải quân, ngăn chặn các trục lộ giao thông của Trung Quốc, kể cả các nơi thích hợp bên trong Trung Quốc; và phong tỏa bờ biển Trung Quốc bằng Hải Quân. Nếu những "các hành động tối thiểu" không chứng minh được đầy đủ [hiệu năng], Hoa Kỳ nên có hành động trên không

và trên biển "chống lại tất cả các mục tiêu quân sự thích đáng ở Trung Quốc", và khi có thể, kết hợp với các lực lượng Anh và Pháp. **8/**

Trong khi đưa ra hành động đề nghị này, NSC tập trung vào dự tính là ít có khả năng Trung Quốc can thiệp chứ không phải là ngẫu nhiên liên quan gì đến việc bản thân vị thế [quân sự] Pháp ở Đông Dương tiếp tục bị suy thoái. Họ đã đề nghị như vậy mặc dù thực tế NSC 124/2 đã thừa nhận rằng "mối đe dọa chính là bản thân tình hình ở Đông Dương (gia tăng những nỗ lực lật đổ của các lực lượng cộng sản bản địa, gia tăng hoạt động du kích, và Việt Minh gia tăng kiểm soát dân sự về dân số và lãnh thổ). Rõ ràng, **NSC muốn làm cho rõ ràng rằng sự tham gia trực tiếp của Hoa Kỳ ở Đông Dương đã được giới hạn để đối phó với sự tham gia trực tiếp của Trung Cộng.** Trong trường hợp không có tình huống này, tuy nhiên, để đáp ứng tình hình hiện tại ở Đông Dương, NSC khuyến cáo rằng Hoa Kỳ nên tăng cường mức độ viện trợ cho các lực lượng Liên hiệp Pháp, nhưng "không làm giảm trách nhiệm quân sự cơ bản của các quan chức Pháp trong việc bảo vệ ba nước Đông Dương. " **9/**

4. Chính quyền Cộng Hòa và Viễn Đông

Hai sự kiện vào năm 1953 đã làm sâu sắc hơn những cam kết của Hoa Kỳ ở Đông Dương. Việc đầu tiên là sự xuất hiện của một chính quyền thuộc đảng Cộng hòa sau một thời gian dài mà đảng Cộng hòa đã liên tục cáo buộc chính quyền Truman là phải chịu trách nhiệm về việc "mất" Trung Quốc vào tay cộng sản. Các bài viết và các bài phát biểu của John Foster Dulles trước khi bầu cử không để lại nghi ngờ gì khi ông coi khu vực Đông Nam Á như một khu vực quan trọng trong cuộc xung đột với chủ nghĩa đế quốc "cộng sản", và rằng đó là điều quan trọng để đặt ra một chiến tuyến ngăn chặn nằm phía Bắc của vựa lúa của châu Á tức bán đảo Đông Dương. **10/** Trong Thông điệp Liên bang đầu tiên vào ngày 03 tháng 2 năm 1953, Tổng thống Eisenhower hứa hẹn một "chính sách ngoại giao mới, tích cực". Ông đã liên kết sự xâm lăng của các thế lực cộng sản ở Hàn Quốc và Malaysia với Đông Dương. Dulles sau đó đã nói về Hàn Quốc và Đông Dương như hai cánh sườn, với kẻ thù chính - Trung Quốc Đỏ - ở trung tâm. Một ủy ban nghiên cứu đặc biệt, đứng đầu là dân biểu Walter Judd, một phát ngôn viên của đảng Cộng hòa nhiều hiều biết về châu Á, đã khảo sát vùng Viễn Đông và báo cáo về quan điểm của các người quan trọng trong cuộc:

"Khu vực Đông Dương là vô cùng giàu có về gạo, cao su, than đá, quặng sắt, vị trí của nó làm cho nó có một chiến lược quan trọng với phần còn lại của Đông Nam Á. Nếu Đông Dương bị mất, Thái Lan và Miến Điện sẽ bị nguy hiểm cao độ, Malaysia, Singapore và thậm

chí cả Indonesia sẽ trở nên mỏng manh đối diện với quyền lực Cộng Sản.... chủ nghĩa cộng sản sau đó sẽ ở một vị trí đặc biệt để hoàn thành sự sai lầm của một cuộc cách mạng chính trị và xã hội, lây lan khắp Châu Á.... sự thành công của chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương phải được ngăn chặn". **11/**

Chính quyền Cộng hòa rõ ràng nhằm mục đích để ngăn chặn sự mất mát của Đông Dương bằng cách đứng lên, thẳng thắn chống cộng sản.

5. Tác động của đình chiến ở Triều Tiên

Thứ hai, hiệp ước đình chiến ở Hàn Quốc đã tạo ra e ngại rằng những người Cộng sản Trung Quốc bây giờ sẽ chuyển sự chú ý của họ tới Đông Dương. Tổng thống Eisenhower đã cảnh báo trong một bài phát biểu vào ngày 16 tháng tư 1953, rằng bất kỳ hiệp ước đình chiến ở Hàn Quốc mà chỉ đơn thuần là để đưa ra lực lượng vũ trang để theo đuổi một cuộc tấn công khác sẽ là một gian lận. Ngoại trưởng Dulles tiếp tục chủ đề này sau khi hiệp ước đình chiến Hàn Quốc trong một bài phát biểu vào ngày 02 tháng chín năm 1953, về cuộc chiến ở Đông Dương. Sau khi ghi nhận rằng "một mặt trận đơn nhất hùng hăng của Cộng sản kéo dài từ Hàn Quốc ở phía bắc đến Đông Dương ở phía Nam", ông nói:

"Cộng sản Trung Quốc đã và đang đào tạo, trang bị và cung cấp các lực lượng Cộng sản ở Đông Dương. Có nguy cơ, như ở Hàn Quốc, Trung Cộng có thể gửi quân đội của mình vào Đông Dương. Các chế độ Cộng sản Trung Quốc nên nhận ra rằng đó là một sự xâm lược thứ hai không thể xảy ra mà không có hậu quả nghiêm trọng mà nó có thể không chỉ giới hạn ở Đông Dương. Tôi nói điều này một cách tỉnh táo... với hy vọng ngăn chặn một tính toán sai lầm khác của kẻ xâm lược. " **12/**

Bên dưới những cảnh báo này tới Trung Quốc là niềm tin rằng sự khác biệt giữa thành công hay thất bại trong việc tránh Hồ Chí Minh tiếp quản toàn bộ Việt Nam có thể phụ thuộc vào mức độ viện trợ hoặc tham gia trực tiếp của Trung Cộng. Tín hiệu cảnh báo Trung Quốc có lẽ đã được thiết kế để ngăn sự tham gia hơn nữa của Trung Quốc. Tiềm ẩn trong các tín hiệu là sự đe dọa rằng nếu Trung Quốc đi vào chiến tranh, Hoa Kỳ có thể buộc phải theo cuộc cho phù hợp, tốt hơn là với sự tham gia của các đồng minh, nhưng nếu cần thiết, một mình. Hơn nữa, Chính quyền Eisenhower ngụ ý rằng phù hợp với chính sách trả đũa khổng lồ, Hoa Kỳ có thể đưa ra một đòn trừng phạt bằng hạt nhân vào Trung Quốc mà không nhất thiết phải dùng đến các lực lượng trên bộ của mình trong một chiến tranh ở châu Á.

6. Hoa Kỳ dẫn thân sâu vào việc ngăn chặn

Tâm trạng mới ở Washington được tạo ra bởi nhận thức chiến lược của chính quyền mới với hiệp ước đình chiến Triều Tiên, việc Việt Minh xâm lược Lào vào mùa xuân năm 1953 và việc dân Pháp mệt mỏi sâu sắc hơn vì cuộc chiến cộng chung giúp tăng sức mạnh cho những người ủng hộ một chính sách quyết đoán hơn ở Đông Dương. Hoa Kỳ vội vàng cung cấp tiếp liệu cho Lào và Thái Lan tháng 5 năm 1953 và gửi sáu chiếc máy bay C-119 với các phi hành đoàn dân sự cho việc không vận vào Lào. **13/** tăng một cách đáng kể khối lượng và tiến độ viện trợ quân sự Hoa Kỳ cho lực lượng Liên minh Pháp. Đối với năm tài chính 1954, 460 triệu USD viện trợ quân sự đã được lên kế hoạch. Quốc hội chỉ chấp thuận \$ 400 triệu USD, nhưng sau bài trình bày của người Pháp về Kế hoạch Navarre \$ 385 triệu đã được quyết định thêm bởi NSC. **14/** Không phản đối nào được đưa ra khi Pháp hỏi quan điểm của chúng ta vào tháng Tám, năm 1953, về việc chuyển một tiểu đoàn [của Pháp] từ Hàn Quốc vào Đông Dương và sau đó việc này đã được thi hành. **15/** Kế hoạch Navarre, bằng cách đưa ra một dạng chiến thắng hứa hẹn một thành công mà không cần có sự tham gia trực tiếp của các lực lượng quân sự Mỹ, bởi vì sức hấp dẫn của nó, hậu quả đã hướng tới việc chúng ta mở rộng cam kết giúp Pháp đạt được một giải pháp quân sự.

Trong tài liệu cuối cùng của NCS được chấp thuận trước khi tình hình Đông Dương đã hoàn toàn thay đổi tiếp theo sự thất bại của Pháp tại Điện Biên Phủ và Hội nghị Geneva, đã ghi rõ là "sự bảo vệ thành công Bắc Kỳ" là "nền tảng quốc phòng của lục địa khu vực Đông Nam Á, có thể ngoại trừ Malaysia" **16/** Tài liệu NSC 5405 đã đưa vào tính toán một vài quan tâm, nhưng có lẽ là không đủ, về việc vị thế của Pháp đã bị suy thoái kể từ khi NSC 124/2 được chấp thuận 18 tháng trước đó. Tuy nhiên, tài liệu này [NSC 5405] lặp đi lặp lại nguyên tắc domino một cách chi tiết, bao gồm các lời khuyên rằng "quan hệ hỗ tương giữa các nước mà những hành động đối kháng có hiệu quả sẽ ngay lập tức cần thiết để ngăn ngừa sự mất mát của bất kỳ một quốc gia nào sẽ bị dẫn đến sự tuân phục, hay liên kết với cộng sản bởi các nước còn lại của Đông Nam Á và Indonesia ". Tài liệu cũng ghi chú rằng:

"Trong cuộc xung đột ở Đông Dương, những người Cộng sản và không cộng sản rõ ràng đối kháng lẫn nhau ở chiến trường. Sự thất bại trong cuộc đấu tranh ở Đông Dương, ngoài những tác động của nó ở Đông Nam Á và Nam Á, nó còn sẽ có những tác động nghiêm trọng nhất lên Hoa Kỳ và thế giới tự do ở châu Âu và các nơi khác.. "

Chủ đề về khả năng có thể đàm phán đã được đề cập trong NSC 5405, tiếp theo những quan sát cho thấy có các áp lực chính trị ở Pháp thúc đẩy chính phủ Pháp tìm một giải pháp qua đàm phán hơn là một giải pháp quân sự. Nó đã được ghi nhận (trước khi Điện Biên Phủ) là Kế hoạch Navarre nếu không thành công hoặc phải cam chịu thất bại, người Pháp sẽ đơn giản tìm cách

thương lượng với các điều khoản tốt nhất có thể [cho họ], cho dù những điều khoản này không bảo đảm giữ được một Đông Dương không cộng sản.

Về vấn đề này, **NSC quyết định Hoa Kỳ sẽ sử dụng mọi phương cách khả thi để ảnh hưởng lên Chính phủ Pháp để ngăn họ kết thúc cuộc chiến với những điều kiện "không phù hợp" với mục tiêu cơ bản của Hoa Kỳ.** Nên cho người Pháp biết: (1) thiếu một cải thiện đáng kể trên tình hình quân sự thì không có cơ sở để đàm phán về các điều khoản chấp nhận được, (2) Hoa Kỳ sẽ "dứt khoát chống lại bất cứ ý tưởng nào" về việc ngưng bắn như là một sơ bộ để đàm phán, bởi vì một sự ngưng bắn như vậy sẽ dẫn đến sự suy giảm vĩnh viễn của vị thế quân Pháp-Việt ở Đông Dương; (3) một chế độ liên minh trên danh nghĩa không cộng sản cuối cùng sẽ giao đất nước vào tay của Hồ Chí Minh với không còn cơ hội nào cho sự thay thế bởi Pháp, Hoa Kỳ hoặc Vương Quốc Anh. *[Nhấn mạnh thêm]*

1. Kết luận

Để kết luận, có hai bình luận có thể được đưa ra:

- a. Với quan điểm ngày càng tăng về mối đe dọa của Trung Quốc đối với Đông Dương, và, vì vậy, với tất cả các nước Đông Nam Á, chính phủ Hoa Kỳ có xu hướng tập trung vào các khía cạnh quân sự hơn là khía cạnh chính trị trong cuộc đấu tranh giữa Việt Minh và Pháp. Kết quả là, Hoa Kỳ tập trung chú ý (1) ngăn chặn sự can thiệp từ bên ngoài của Trung Quốc, và (2) hỗ trợ Pháp tiến hành [để đạt] thành công trong chiến tranh thông qua việc thực hiện Kế hoạch Navarre. Hậu quả của điều này là sự khuyến khích và hỗ trợ các chính phủ quốc gia không cộng sản tại ba nước Đông Dương hầu như bị đẩy vào ưu tiên thấp hơn. Hoa Kỳ miễn cưỡng không ép quá mạnh nhằm đòi hỏi Pháp lấy biện pháp nuôi dưỡng chủ nghĩa quốc gia Việt Nam bởi vì lợi ích có ưu tiên cao hơn là việc ngăn chặn [làn sóng] tàn quét tiềm năng của cộng sản, ở Đông Nam Á. Hơn nữa, phát triển một chính sách để đối phó với mối đe dọa can thiệp từ bên ngoài là dễ dàng hơn để đối phó các mối đe dọa lật đổ từ bên trong, hoặc còn **khó khăn hơn nữa là việc phát hiện và nuôi dưỡng một nhóm quốc gia chân chính để thay thế cho Việt Minh.**
- b. Những gì đằng sau "Thuyết domino" và những "cho rằng" chưa bao giờ bị đặt vấn đề. Sự đồng nhất của các quốc gia Đông Nam Á được xem như là đã có sẵn, cũng như mối liên kết về khả năng giữ được dân chủ của họ, hoặc trong một điều kiện tối thiểu chấp nhận được, như là những quốc gia không cộng sản. Chắc chắn, trong thập kỷ đầu tiên của chiến tranh lạnh, đã có việc đóng khuôn không may tồn tại trong những năm chiến tranh về **một khối** cộng sản bành trướng. Nó được củng cố bằng cách nào đó bằng nhữ cảm xúc củanhiều

người Mỹ đối với cộng sản ở Trung Quốc và Châu Á. "Hội chứng" này, một phần, là do kết quả của sự sụp đổ của Trung Quốc [Quốc Gia] mà một số người [trước đây] đã cảm thấy là có thể ngăn chặn được, và tuy nhiên một số khác vẫn còn hy vọng là sẽ đảo ngược được...

Theo đó, sự hiểu biết về cá tính của các nước và khu vực Đông Nam Á và sự khác biệt xã hội của họ đã không được tìm hiểu đầy đủ. **Có lẽ các nhà hoạch định chính sách của Washington đã thiếu hiểu biết chuyên sâu về khu vực.** Trước Thế chiến II Không ai dự kiến rằng Hoa Kỳ sẽ được yêu cầu giữ một vị trí lãnh đạo một lãnh thổ xa xôi thuộc địa của các đồng minh châu Âu của chúng ta. Trong cái nhìn thiển cận, những thiếu sót này đã dẫn đến niềm tin dối trá là một Đông Dương trung lập hoặc cộng sản chắc chắn sẽ hút các quốc gia khác của châu Á vào khối cộng sản hay khối trung lập chủ nghĩa. Nhưng sự "dối trá" đó cũng không rõ ràng đương nhiên, và sau này, đến bây giờ cũng không thể chứng minh được khi nhìn lại quá khứ.

1. NSC 48/1, "A Report on...The Position of the United States with Respect to Asia," December 23, 1949 (TOP SECRET).
2. NSC 64, "The Position of the United States with Respect to Indochina," February 27, 1950 (TOP SECRET).
3. Historical Office, Dept. of State, Research Project No. 370, "United States Policy on Indochina, 1945-1954," p.6.
4. NSC 124/2, "United States Objectives and Courses of Action with Respect to Southeast Asia," June 25, 1952 (TOP SECRET).
5. NIE-5, "Indochina: Current Situation and Probable Developments," December 29, 1950 (SECRET).
6. NIE-35, "Probable Developments in Indochina during the Remainder of 1951," August 7, 1951 (SECRET).
7. NIE-35/1, "Probable Developments in Indochina through Mid-1952," March 3, 1952 (SECRET).
8. NSC 124/2.
9. Ibid.
10. John Foster Dulles, War or Peace (New York, 1950), p. 231; Melvin Gurtov, The First Vietnam Crisis (New York, Columbia Univ. Press, 1967), pp. 25-26.
11. U.S. Congress, House, Committee on Foreign Affairs, Report of the Special Study Mission to Pakistan, India, Thailand and Indochina, pursuant to H. Res. 113, H. Rpt. No. 412, 83d Cong., 1st Sess., May 6, 1953, p. 53, as quoted in Gurtov, op.cit., p. 26.
12. Speech before the American Legion, St. Louis, Missouri, September 2, 1953.
13. Memorandum to Secretary of State from Asst Secy for Far East, Mr. Walter E. Robertson, April 28, 1953 (SECRET); AmEmbassy Paris telegram to Dept. State, No. 5766, May 3, 1953 (SECRET).
14. Historical Office, State Dept., Research Project No. 354, Summary, pp. 8-9.
15. Memorandum of Conversation, Acting Secretary Walter Bedell Smith and Minister Doridau, French Embassy, August 8, 1953 (SECRET).
16. NSC 5405, "United States Objectives and Courses of Action with Respect to Southeast Asia," January 16, 1954 (TOP SECRET).

II. B.

HƯỚNG VỀ MỘT GIẢI PHÁP THƯƠNG LƯỢNG

TÓM LƯỢC

Trong số những hiểu lầm thường xuyên trích dẫn liên quan đến chính sách của Hoa Kỳ tại Việt Nam là cái nhìn cho rằng chính quyền Eisenhower đã thẳng thừng từ chối can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Những ghi chú để lại cho thấy rõ ràng rằng Hoa Kỳ đã nghiêm túc xem xét việc can thiệp, và đã tranh đấu sự ủng hộ của Anh và các đồng minh khác cho việc này. Cùng với việc chiến tranh Pháp - Việt Minh nổ lớn và sự suy thoái vị trí quân sự của Pháp, Hoa Kỳ đã bị buộc phải lấy một thế đứng: thứ nhất, có thể can thiệp quân sự để ngăn chiến thắng của Việt Minh; thứ hai, dự tính khả năng ngày càng tăng về các cuộc đàm phán giữa Paris và Hồ Chí Minh để kết thúc chiến tranh thông qua một giải pháp chính trị. Để tránh việc người Pháp chạy làng, và tránh sự can thiệp đơn phương của Hoa Kỳ để thế chân vào, Hoa Kỳ đề xuất vào năm 1954 mở rộng chiến tranh bằng cách lôi kéo một số đồng minh trong một nỗ lực phòng thủ tập thể thông qua "**những hành động thống nhất**." Các cuộc tranh luận trong nội bộ chính phủ về vấn đề can thiệp tập trung chủ yếu vào ý muốn và tính khả thi của hành động quân sự của Mỹ. **Tâm quan trọng của Đông Dương đối với lợi ích an ninh của Hoa Kỳ ở vùng Viễn Đông đã được xem như đã được công nhận.** Chính quyền Eisenhower tiếp nối bằng những phát biểu chung sự quan tâm của Hoa Kỳ về Đông Dương là đã được thể hiện bởi chính quyền Truman. Đối với việc can thiệp, tài liệu NSC 124 tháng 2 năm 1952 dưới chính quyền Truman đã công nhận rằng Hoa Kỳ có thể bị bắt buộc có một số hành động quân sự để ngăn chặn các nước Đông Nam Á sụp đổ. Cuối năm 1953 - đầu năm 1954, sự sụp đổ của Đông Dương dường như sắp xảy ra, vấn đề can thiệp lại được đặt ra. Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ bị thúc ép bởi các thẩm quyền cao nhất đã xác định kích thước và tính chất của một lực lượng Hoa Kỳ để sẵn sàng tham dự vào Đông Dương.

Một giới chức trong Bộ Quốc phòng đã đặt câu hỏi cho rằng hoạt động không quân và các lực lượng hải quân Hoa Kỳ lúc đó là đủ để giúp người Pháp. Quân đội đặc biệt quan tâm về kế hoạch dự phòng cho rằng chỉ hành động của không và hải quân của Hoa Kỳ một mình là có thể mang lại chiến thắng quân sự và lập luận rằng các ước tính thực tế về lực lượng bộ binh tính cả mức độ di động có thể là cần thiết. Bộ Ngoại giao cho rằng Đông Dương là rất quan trọng đứng trên quan điểm chính sách đối ngoại, sự can thiệp có thể là cần thiết. Tuy nhiên, Bộ Quốc phòng và Bộ Tham Mưu Hỗn Hợp [JCS – Joint Command Staff], ước tính rằng, hành động hải-quân một mình không thể đẩy lùi con sóng Việt Minh, khuyến cáo rằng **thay vì can thiệp trực tiếp, Hoa Kỳ nên tập trung kêu gọi Paris đào tạo mở rộng một đội quân bản địa**, và nên phát huy tất cả các áp lực có thể ở châu Âu cũng như

ở châu Á - để thúc đẩy người Pháp chiến đấu mạnh mẽ để đạt một chiến thắng quân sự. Nhiều người trong Chính phủ Hoa Kỳ (Báo cáo Ridgway nổi bật trong nhóm này) đã cảnh giác rằng can thiệp của Hoa Kỳ có thể kéo theo sự can thiệp của Cộng sản Trung Quốc. Trong trường hợp này, thậm chí Hoa Kỳ có triển khai một lực lượng bộ binh đáng kể cũng không thể ngăn chặn làn sóng ở Đông Dương. Một số nghiên cứu đặc biệt cao cấp không thể nổi kết rõ ràng về sự khác biệt giữa những người cho rằng lợi ích sống còn của Hoa Kỳ đã được gắn chặt với Đông Dương, và những người không muốn đưa ra quyết định chắc chắn để lực lượng bộ binh Hoa Kỳ can thiệp nhằm đảm bảo những lợi ích [của Mỹ]. Hậu quả là, khi người Pháp bắt đầu thúc ép Hoa Kỳ can thiệp vào Điện Biên Phủ, chính quyền Eisenhower đã lấy vị trí rằng Hoa Kỳ sẽ không can thiệp đơn phương, nhưng chỉ làm cùng với một số đồng minh châu Âu và Viễn Đông như là một phần của một lực lượng tổng hợp. (Tab 1)

Đề nghị "hành động thống nhất" này được Bộ Trưởng Dulles thông báo công khai vào ngày 29 tháng 3 năm 1954, được thiết kế để đưa cho Pháp một giải pháp thay thế cho việc đầu hàng tại bàn đàm phán. Các cuộc đàm phán cho một giải pháp chính trị cho chiến tranh Pháp-Việt Minh, tuy nhiên, được đảm bảo khi Bộ trưởng Ngoại Giao của bốn cường quốc ngoài họp vào tháng Hai tại Berlin đã đưa Đông Dương vào chương trình nghị sự của Hội nghị Geneva sắp đến. Bộ trưởng Ngoại giao Bidault nhất định nhấn mạnh trên vấn đề này, với sự phản đối của Mỹ, bởi vì ở Pháp áp lực gia tăng đòi chấm dứt một cuộc chiến tranh dường như không bao giờ dứt, dai dẳng và tốn kém. "Phe hòa bình" ở Paris trở nên mạnh mẽ hơn so với tỷ lệ tương ứng với phe "thăm dò hòa bình" bởi Hồ Chí Minh, và thiếu sự thành công của Pháp trên chiến trường. Chính sách của Hoa Kỳ là lái người Pháp ra khỏi các cuộc đàm phán vì sợ rằng Đông Dương có thể qua đó sẽ bị [Pháp] giao cho "đế quốc" cộng sản.

Ngoại trưởng Dulles dự kiến một lực lượng phòng vệ tập thể gồm mười quốc gia để lấy "hành động thống nhất" nhằm ngăn chặn một thất bại của Pháp - nếu cần thiết, trước khi Hội nghị Giơ-ne-vơ bắt đầu. Dulles và Đô đốc Radford, lúc đầu, nghiêng về phía can thiệp đơn phương tại Điện Biên Phủ theo yêu cầu của Pháp (cái gọi là "Chiến Dịch Diều Hâu [Operation Vulture]"). Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Quốc hội cho biết họ không muốn hỗ trợ hành động quân sự của Hoa Kỳ mà không có hoạt động liên minh cùng hành động, và Tổng thống Eisenhower đã quyết định sẽ không can thiệp mà không có sự chấp thuận của Quốc hội. Ngoài ra để tham gia liên minh, **sự phê duyệt của Quốc hội được coi là phụ thuộc vào một tuyên bố công khai của Pháp rằng họ đã đẩy nhanh thời gian biểu giao độc lập cho ba nước Đông Dương.**

Hoa Kỳ đã không thể thu thập nhiều hỗ trợ cho "hành động thống nhất", ngoại trừ Thái Lan và Phi Luật Tân. Phản ứng của Anh nói chung là do dự, và thẳng thừng phản đối hành động quân sự trước khi Hội nghị Giơ-ne-vơ mở đầu. Eden sợ rằng nó sẽ dẫn đến việc mở rộng cuộc chiến tranh với nguy cơ cao về sự can thiệp của Trung Quốc. Hơn nữa, người Anh đặt vấn đề về thuyết domino của Mỹ, và tin rằng Đông Dương sẽ bị mất hoàn toàn ở Điện Biên Phủ và qua các cuộc đàm phán ở Geneva. Đối với người Pháp, họ ít quan tâm đến "hành động thống nhất" hơn là việc quân đội Hoa Kỳ một hỗ trợ ngay lập tức ở Điện Biên Phủ. Paris sợ rằng "hành động thống nhất" sẽ dẫn đến việc quốc tế hóa chiến tranh, và lấy đi quyền kiểm soát [Đông Dương] ra khỏi bàn tay của mình. Ngoài ra, nó sẽ cản trở hoặc trì hoãn các cuộc đàm phán ban đầu hướng tới một giải quyết mà Pháp ngày càng mong muốn. Tuy nhiên, yêu cầu lặp đi lặp lại của Pháp đòi Hoa Kỳ can thiệp trực tiếp trong giai đoạn đau đớn cuối cùng của Điện Biên Phủ đã không thể làm thay đổi niềm xác tín của Tổng thống Eisenhower rằng Hoa Kỳ sẽ bị lỗi lầm khi quyết định hành động một mình.

Tiếp sau sự sụp đổ của Điện Biên Phủ trong thời gian Hội nghị Giơ-ne-vơ, "thuyết domino" đã trải qua một đánh giá lại. Trong một hội nghị báo chí tháng 11, Ngoại trưởng Dulles quan sát thấy rằng "khu vực Đông Nam Á có thể được bảo đảm ngay cả khi không có, có lẽ, Việt Nam, Lào và Campuchia.". Trong một nhận xét sau đó, đoạn tuyên bố này đã bị xóa khỏi bài ghi lại chính thức, Dulles nói rằng Lào và Cam-pu-chia "quan trọng nhưng không có nghĩa là cần thiết bởi vì họ là các nước nghèo với số dân ít ỏi. (Tab 2)

THẢO LUẬN

II. B. Tab 1 - Tranh luận giữa các Bộ về việc can thiệp của Hoa Kỳ ở Đông Dương

Tab 2 - Cố gắng để Tổ chức "hành động thống nhất"

TRANH LUẬN GIỮA CÁC BỘ VỀ CAN THIỆP CỦA HOA KỲ VÀO ĐÔNG DƯƠNG

Mục Lục

- | | |
|--|-----|
| 1. Bối cảnh chính sách chung. | B-5 |
| a. Chương trình cuối cùng Truman (NSC 124) | B-5 |
| b. "Chính sách an ninh quốc gia cơ bản" của Chính quyền Eisenhower | B-5 |
| 2. Vấn đề can thiệp bằng bộ binh. | B-5 |

a. Các vấn đề được trình bày	B-5
b. NSC: Quan điểm của Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc phòng	B-6
c. Quan điểm của JCS	B-7
d. Hình thành Nhóm Công Tác đặc biệt về Đông Dương	B-7
e. Báo cáo Erskine, Phần I: Động viên người Pháp	B-8
f. Báo cáo Erskine, Phần II: Can thiệp Chỉ Sau Hội Nghị Geneva?	B-8
g. Phụ lục của NSC 177 nêu câu hỏi về sự can thiệp trong tình hình mới	B-9
h. Quân đội đặt câu hỏi về tính khả thi của can thiệp bằng không-hải quân và đưa ra những nhu cầu cho lực lượng mặt đất	B-10
i. "Giải pháp" của Bộ_Quốc phòng-JCS: khắc phục sự yếu kém của Pháp	B-11
3. Cách tiếp cận mới: "hành động thống nhất"	B-11
a. Quyết định của Tổng thống Chỉ Hỗ trợ "hành động thống nhất "	B-12
b. Từ chối can thiệp đơn phương	B-13

II. B. 1.

TRANH LUẬN GIỮA CÁC BỘ

VỀ SỰ CAN THIỆP CỦA HOA KỲ VÀO ĐÔNG DƯƠNG

1. Bối cảnh chính sách chung.

Cuộc tranh luận về sự khôn ngoan và cách thức can thiệp của Hoa Kỳ vào Đông Dương chủ yếu dựa trên ý muốn tham gia quân sự hay không, chứ không phải là vấn đề liên quan đến giá trị của Đông Dương đối với lợi ích an ninh của Hoa Kỳ ở vùng Viễn Đông. Chính quyền Eisenhower đã đồng ý về các giải thích hợp lý về lợi ích của Hoa Kỳ ở Đông Dương thể hiện bởi chính quyền Truman trước đó. Chính phủ Hoa Kỳ lần đầu tiên nắm bắt đầy đủ về vấn đề can thiệp là vào cuối năm 1953 -- đầu năm 1954 khi sự sụp đổ của Đông Dương dường như sắp xảy ra.

a. Chương trình cuối cùng của Truman (NSC 124)

NSC 124 (tháng 2 năm 1952) cho rằng bắt buộc phải ngăn cộng sản chiếm đóng Đông Dương. Nó thú nhận rằng ngay cả không thể định dạng được sự "xâm lược" của Cộng Sản Trung Hoa, Hoa Kỳ vẫn có thể bị buộc phải có một số hành động để ngăn chặn việc lật đổ các nước Đông Nam Á. Trong trường hợp Trung Cộng can thiệp công khai, theo NSC 124: (1) hỗ trợ hải - không quân và hậu cần cho lực lượng Liên minh Pháp; (2) dùng hải quân phong tỏa Cộng sản Trung Quốc (3) trên bộ và bằng tàu sân bay tấn công các mục tiêu

quân sự ở Trung Quốc đại lục. Nó không đưa ra sự cam kết nào về việc sử dụng lực lượng mặt đất của Hoa Kỳ ở Đông Dương. **1/**

b. "Chính sách an ninh quốc gia cơ bản" của Chính quyền Eisenhower

NSC 162/ 2, được thông qua vào năm 1953, mười tháng sau khi chính quyền của đảng Cộng hòa lên nắm quyền, là tài liệu cơ bản của "cái nhìn mới." Sau khi bình luận về Hoa Kỳ và khả năng phòng thủ của Liên Xô, viễn tượng về cân bằng hạt nhân và sự cần thiết để cân bằng chính sách kinh tế trong nước với chi phí quân sự, kêu gọi một thể trận quân sự dựa trên khả năng " trả đũa gây thiệt hại lớn " cho đối phương. Đông Dương đã được liệt kê như là một khu vực có "tầm quan trọng chiến lược" đối với Mỹ. Một cuộc tấn công vào các lĩnh vực quan trọng như vậy "có thể sẽ buộc Hoa Kỳ phản ứng với lực lượng quân sự kể cả [lực lượng] địa phương tại thời điểm của cuộc tấn công hay nói chung là chống lại sức mạnh quân sự của kẻ xâm lược." Việc sử dụng vũ khí hạt nhân chiến thuật trong các tình huống chiến tranh thông thường đã được đề nghị, nhưng họ không cụ thể đề nghị cho sử dụng ở Đông Dương. **2/**

2. Vấn đề can thiệp bằng bộ binh.

a. Các vấn đề được trình bày

Cuối năm 1953, quân đội đã phổ biến giả định rằng sẽ không cần các lực lượng mặt đất ở Đông Dương là khu vực quan trọng đối với lợi ích an ninh Hoa Kỳ như các tài liệu NSC đã nêu. Quân đội đã kêu gọi rằng vấn đề phải đối phó bằng là chuẩn bị tốt nhất để có thể hành động trong bất cứ điều kiện tình huống nào xảy ra. Phòng Kế hoạch của Tổng Tham Mưu nêu lên rằng trong tình thế hiện tại, quân đội đã không có khả năng cung cấp lực lượng cấp sư đoàn cho các hoạt động ở Đông Dương trong khi vẫn duy trì lực lượng hiện tại của mình ở châu Âu và Viễn Đông. Quân đội cũng đề nghị "đánh giá lại tầm quan trọng của Đông Dương và Đông Nam Á trong mối quan hệ với các chi phí có thể để cứu nó". **3/**

Với tình hình quân sự Pháp bị suy thoái ở Đông Dương, sự chú ý nghiêm túc đầu tiên đến được cho đến cách thức và kích thước của một can thiệp Mỹ. Câu hỏi để phải đối mặt là: cho đến chừng mực nào, Hoa Kỳ phải chuẩn bị lực lượng để đảm bảo rằng Đông Dương không lọt vào bàn tay Cộng sản? Bộ Quốc phòng, mặc dù vấn đề này không phải là mối bận tâm, đã bị thúc ép lấy sớm một quyết định về các lực lượng Hoa Kỳ sẽ được sẵn sàng để gửi [đến Đông Dương] trong tình huống khẩn cấp. Tư lệnh các chiến dịch hải quân, Đô đốc Robert Anderson, đề nghị Bộ trưởng Quốc phòng Wilson ngày 06 tháng 1, 1954, Hoa Kỳ quyết định ngay lập tức sử dụng

lực lượng chiến đấu ở Đông Dương để "đảm bảo hợp lý về việc hỗ trợ mạnh mẽ [các lực lượng] bản địa bằng các lực lượng của chúng tôi", dù được hay không được chính phủ Pháp phê duyệt.

4/ Tuy nhiên, Phó Đô đốc AC Davis, Giám đốc của Văn phòng Quân sự Nước Ngoài trong Văn Phòng Bộ Trưởng Quốc Phòng [OSD - Office of the Secretary of Defense] đã viết:

"Sự tham gia của lực lượng Hoa Kỳ nên tránh cuộc chiến tranh Đông Dương vì tất cả các chi phí thực tế, sau đó, nếu chính sách quốc gia xác định không có thay thế nào khác, Hoa Kỳ không nên tự lừa mình mà tin vào khả năng [Mỹ] chỉ tham gia một phần - chẳng hạn bằng 'các đơn vị Hải và Không quân'. Người ta không thể nhẹ nhàng vượt qua thác Niagara Falls trong một cái thùng".

Đô đốc Davis nói tiếp:

*"Bình luận: Nếu ý muốn được xác định là sẽ sử dụng không quân và các lực lượng hải quân trong cuộc chiến ở Đông Dương, rất khó để hiểu làm thế nào có thể tránh được sự tham gia của lực lượng mặt đất. Sức mạnh của không quân cần ở mức như vậy sẽ đòi hỏi các căn cứ đáng kể ở Đông Dương. Bảo vệ những cơ sở và thiết bị cảng chắc chắn sẽ cần tới lực lượng mặt đất, và các lực lượng mỗi khi dàn trải lại sẽ cần các đơn vị chiến đấu mặt đất để hỗ trợ những lần chuyển quân bị đe dọa. Phải hiểu rằng không có phương cách rẻ tiền nào để tham gia chiến tranh, một khi đã dẫn vào". **5/***

b. NSC: Quan điểm của Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc phòng

Các sự khác biệt rõ ràng giữa, chúng ta một bên, xác định cao giá trị chiến lược của Đông Dương, và một bên, chúng ta không sẵn sàng đi đến một quyết định chắc chắn về các lực lượng cần thiết để bảo vệ khu vực đó đã trở thành chủ đề của cuộc họp 179 của NSC vào ngày 08 tháng 1, 1954. Tại cuộc họp này Hội đồng đã thảo luận NSC 177 về khu vực Đông Nam Á, **6/** nhưng đã quyết định không đi xa đến các Phụ lục đặc biệt của NSC 177, trong đó đặt ra một loạt các lựa chọn mà Hoa Kỳ có thể phải đối mặt nếu tình thế quân đội Pháp ở Đông Dương vẫn tiếp tục xấu đi. Tuy nhiên, tại thời điểm đó NSC đã có một số tiến triển về vấn đề đã đặt ra cho chính nó.

Theo ghi chú tóm tắt của cuộc họp, **7/** Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc Phòng khác biệt đáng kể về những gì phải làm, cả một trong hai dự tính: đầu tiên, tiếng Pháp bỏ cuộc đấu tranh; thứ hai, Pháp sẽ yêu cầu một lực lượng Hoa Kỳ đáng kể (Hải, Lục, Không Quân). Quan điểm Bộ Ngoại Giao cho rằng tình hình [quân sự] của Pháp đã rất trầm trọng [như theo lời của báo cáo viên] đến nỗi "đã buộc Hoa Kỳ phải quyết định sử dụng lực lượng Hoa Kỳ vào cuộc chiến ở Đông Nam

Á." Người đại diện Quốc phòng từ chối bảo lãnh việc Hoa Kỳ tham gia. Báo cáo cho biết ông đã phát biểu rằng Pháp có thể giành chiến thắng vào mùa xuân năm 1955 với viện trợ của Hoa Kỳ và Pháp đã cải thiện quan hệ chính trị với Việt Nam. Đưa quân đội Hoa Kỳ vào một cuộc 'nội chiến' ở Đông Dương sẽ là thừa nhận việc phá sản củachính sách chính trị của chúng ta tại Đông Nam Á và Pháp và chỉ cần đưa ra trong trường hợp cực kỳ cần thiết. " Ông kêu gọi làm mọi cách để tránh cho việc Hoa Kỳ phải tham gia trực tiếp.

Cuộc họp của Hội đồng [An Ninh Quốc Gia] đã đạt được hai kết luận quan trọng, cả hai hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Bộ Quốc phòng. Đầu tiên, nó quyết định rằng một cuộc thảo luận đã bất ngờ cho thấy việc tham gia của Hoa Kỳ đã hụt đi một quan trọng là người Pháp có khả năng chiến thắng khi họ có được sự hợp tác chính trị và quân sự của người bản xứ. Thứ hai, NSC 177, như Quốc phòng đề nghị, đã thiếu sót khi không nghiên cứu đầy đủ, thất bại trong việc nắm bắt thực tế là: *cuối cùng sự thành công ở Đông Dương phụ thuộc vào khả năng Pháp giải quyết vấn đề làm thế nào để có được hỗ trợ của người Việt Nam trong các nỗ lực chiến tranh.*

c. Quan điểm của JCS [Joint Chief Saff- Bộ Tổng Tham Mưu]

Cuộc họp NCS ngày 8 tháng 1 vẫn còn bỏ ngỏ câu hỏi về hành động quân sự của Hoa Kỳ trong sự kiện không thể chối cãi là sự cần thiết ngăn chặn sự "mất mát" của Đông Dương. Về vấn đề này, các tham mưu trưởng chọn thái độ mở. **Người đứng đầu nghĩ rằng kế hoạch Navarre về cơ bản là được, nhưng liên tục bị phá vì cái hố sâu khoảng cách giữa Pháp và người Việt Nam, bởi sự thất bại của tướng Navarre trong việc thực hiện những khuyến nghị của Mỹ, và bởi những do dự tại Paris về các nhượng bộ chính trị cần thiết cho chính phủ Bảo Đại.** Tuy nhiên, JCS [Joint Chief Saff- Bộ Tổng Tham Mưu] cũng chẳng loại trừ việc sử dụng lực lượng chiến đấu Hoa Kỳ hoặc ủng hộ hết mình việc xử dụng nó. **8/**

d. Hình thành Nhóm Công Tác đặc biệt về Đông Dương

Không hài lòng với NSC 177 và thất bại tiếp theo với NSC 5405 **9/** để giải quyết vấn đề cam kết lực lượng mặt đất đã dẫn đến sự hình thành một nhóm làm việc để đánh giá các nỗ lực quân sự Pháp, để đưa ra các khuyến nghị liên quan đến đóng góp tương lai của Hoa Kỳ cho nó, và để cố gắng hướng ý đến các tình huống khác nhau, theo đó Hoa Kỳ có thể được gọi can thiệp trực tiếp vào chiến tranh. Nhóm làm việc, dưới sự chủ trì của Tướng GB Erskine (USMC, Ret. – Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ - đã về hưu), bao gồm đại diện Bộ Ngoại Giao, Bộ Quốc phòng,

các tham mưu trưởng liên quân, và CIA. Nhóm này chịu trách nhiệm trước NSC thông qua Tướng W. Bedell Smith, Phó Bộ Trưởng Ngoại Giao, người đã được Hội Đồng [An Ninh Quốc Gia] chỉ định đứng đầu Ủy Ban Đặc Biệt về Hoa Kỳ và Đông Dương.

e. Báo cáo Erskine, Phần I: Động viên người Pháp

Phần đầu tiên của báo cáo gồm hai phần của Erskine, ngày 06 tháng 2 năm 1954, được dựa trên giả định rằng chính sách của Hoa Kỳ đối với Đông Dương sẽ không yêu cầu các hoạt động chiến đấu công khai của các lực lượng Hoa Kỳ. Trong khuôn khổ đó, các báo cáo là gần gũi chặt chẽ với quan điểm của Bộ Quốc Phòng là Pháp, nếu được động viên đúng cách, có thể giành chiến thắng ở Đông Dương, nhưng thất bại của Pháp trong việc thực hiện các cải cách cần thiết sẽ đòi hỏi Hoa Kỳ phải xem xét việc tham gia tích cực. Báo cáo lưu ý rằng:

"Đã có ở Đông Dương, hoặc đã được sắp xếp cho Đông Dương..., một số lượng đầy đủ về thiết bị, vật tư và khối nhân lực tiềm năng để sau cùng đánh bại hoàn toàn Cộng Sản nếu sử dụng và duy trì chúng đúng cách và nếu tình hình tiếp tục cho phép khối nhân lực này được chuyển đổi thành những hiệu năng quân sự. Thành công cuối cùng sẽ phụ thuộc vào lòng người dân bản xứ về việc đấu tranh cho tự do của họ chống lại sự thống trị của Cộng sản và cả việc Pháp sẵn sàng đưa những biện pháp nhằm kích thích là nguồn cảm hứng [lòng dân] và sử dụng đầy đủ tiềm năng bản địa. "

Báo cáo Erskine (Phần I) đã khuyến cáo: (1) tăng thêm lực lượng không quân Pháp, nhưng không sử dụng các nhân viên Mỹ; (2) tăng \$124 triệu hỗ trợ quân sự của Mỹ (bổ sung cho năm tài chính 1954 đã cam kết 1,115 tỷ USD); (3) nâng tình chất của MAAG thành Tổ Công Tác Quân Sự, với việc mở rộng nhân sự và cơ quan tư vấn về đào tạo và quy hoạch; (4) bổ sung thêm nhân sự Hoa Kỳ có nhiệm vụ làm huấn luyện viên và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng khác trong lực lượng Pháp (5) Tổng thống gửi thư cho người đứng đầu các nước liên kết, tái khẳng định sự hỗ trợ của chúng ta về độc lập của họ và giải thích động cơ của chúng ta trong việc hỗ trợ họ thông qua Pháp; (6) một nỗ lực cần được thực hiện để thuyết phục Bảo Đại có phần tích cực hơn trong cuộc đấu tranh chống lại Việt Minh. Báo cáo kết luận rằng chương trình đề nghị những thay đổi có thể mang lại chiến thắng trên Việt Minh, nếu nó được Pháp phê duyệt và nếu ngăn được sự can thiệp của Trung Quốc.

f. Báo cáo Erskine, Phần II: Can thiệp Chỉ Sau Hội Nghị Geneva?

Phần thứ hai của Báo cáo Erskine đã không xuất hiện cho đến ngày 17 Tháng Ba, 1954, và không giống như phần đầu, là trách nhiệm duy nhất của Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu, với Bộ Ngoại giao giữ vị trí "bảo lưu". Báo cáo khẳng định lại quyết định trước đó cho rằng sự mất mát của Đông Dương sẽ là một thất bại quân sự và chính trị lớn đối với Hoa Kỳ. Khuyến cáo rằng trước khi bắt đầu của Hội nghị Geneva, Hoa Kỳ nên thông báo cho Anh và Pháp rằng là chúng ta chỉ quan tâm đến chiến thắng quân sự ở Đông Dương và sẽ không liên kết chúng ta với bất kỳ cách giải quyết nào làm giảm mục tiêu đó. Báo cáo tiếp tục khuyến cáo rằng trong trường hợp một kết quả không đạt yêu cầu tại Geneva, Hoa Kỳ nên tiếp tục theo đuổi cuộc đấu tranh kết hợp với các nước Đông Dương, Vương quốc Anh, và các đồng minh khác. Do đó NSC đã được yêu cầu xác định mức độ của Hoa Kỳ để sẵn sàng đưa lực lượng chiến đấu tới khu vực, có hoặc không có sự hợp tác của Pháp. Nhưng cuộc bao vây Điện Biên Phủ vừa mới bắt đầu, và Hội nghị Giơ-ne-vơ sẽ bắt đầu trong sáu tuần, báo cáo của Erskine đề nghị rằng Hoa Kỳ nên gây ảnh hưởng và quan sát diễn tiến của Hội nghị Giơ-ne-vơ trước khi quyết định tích cực tham gia.

g. Phụ lục của NSC 177 nêu lên câu hỏi can thiệp trong tình hình mới

Sau phần thứ hai của Báo cáo Erskine, Tổng Thống rõ ràng đã quyết định rằng Phụ Lục Đặc Biệt NSC 177, đã được thu hồi trong tháng 1 năm 1954, nên được phân phối lại để xem xét bởi Ban Kế Hoạch của Hội Đồng. **10/** Phụ lục của NSC 177 đưa ra sự lựa chọn cơ bản, giữa (a) chấp nhận mất Đông Dương, tiếp theo là những nỗ lực của Hoa Kỳ để ngăn chặn suy giảm hơn nữa của các vị trí an ninh của chúng ta ở Đông Nam Á, hoặc (b) trực tiếp hành động quân sự để cứu Đông Dương trước khi Pháp và Việt Nam thỏa thuận một giải pháp chính trị không thể chấp nhận được tại Geneva.

Trong số các chuỗi hành động thay thế được nêu trong Phụ lục, đặc biệt là có hai hướng chỉ đạo hành động của Hoa Kỳ trước khi Giơ-ne-vơ kết luận một giải pháp. Theo hướng đầu tiên, dựa trên việc Pháp đồng ý tiếp tục chiến đấu, Hoa Kỳ đã kêu gọi (1) tìm kiếm một giải Pháp-Việt về vấn đề độc lập [của Việt Nam], (2) nhấn mạnh vào việc xây dựng một lực lượng bản địa với tư vấn và hỗ trợ vật chất của Mỹ, (3) yêu cầu Pháp duy trì các lực lượng của họ trên lãnh thổ như mức hiện tại, và (4) chuẩn bị để cung cấp đầy đủ lực lượng Hoa Kỳ để có thể thành công trong một nỗ lực chung. Quốc tế hóa chiến tranh sẽ được thảo luận với Pháp sau, do đó nên bỏ qua ngay lập tức những hành động phối hợp với Anh hay các quốc gia Châu Á.

Giải pháp thay thế thứ hai giả định Pháp sẽ rút ra. Trong trường hợp này Hoa Kỳ có thể hoặc chấp nhận mất Đông Dương, hoặc thông qua một chính sách tích cực trong khi Pháp dần dần rút quân. Nếu chúng ta chấp nhận bước thứ hai, đó là bước "tích cực nhất" sẽ đưa đến "đảm bảo thành công lớn nhất", theo NSC ước tính, sẽ phải tham gia với các lực lượng bản địa trong

việc chống lại Việt Minh cho đến khi họ rơi vào "tình trạng các nhóm du kích phân tán." Hải, Lục, Không Quân của Hoa Kỳ sẽ được cần đến.

Phụ lục được dựa trên giả định rằng sự tham gia của Hoa Kỳ chống lại Việt Minh sẽ không kéo theo một can thiệp ồ ạt của Trung Quốc, sẽ không dẫn đến việc tham gia trực tiếp của Liên Xô, và rằng chiến sự tại Hàn Quốc sẽ không bị nổ lại. Nó thừa nhận rằng bất kỳ sự thay đổi nào trong các giả định nghiêm túc sẽ gây nguy hiểm cho sự thành công của các phương án đề xuất. Đặc biệt, lưu ý rằng sự tham gia của Hoa Kỳ sẽ làm tăng cao nguy cơ can thiệp của Trung Quốc, và Trung Quốc nhập cuộc sẽ làm thay đổi hoàn toàn ngay lập tức tình hình quân sự và các yêu cầu về các lực lượng Mỹ.

h. Quân đội đặt câu hỏi về tính khả thi của việc can thiệp bằng không-hải quân và đưa ra những nhu cầu cho lực lượng mặt đất

Kết quả chính của các cuộc thảo luận trong Phụ lục Đặc Biệt của NSC 177 là đã đưa vấn đề chi phí về nhân lực và trang thiết bị trường hợp có sự tham gia của Hoa Kỳ vào thảo luận. Quân đội rất căng về quy hoạch dự phòng dựa trên giả định rằng Không quân và các lực lượng hải quân Hoa Kỳ có thể được sử dụng ở Đông Dương mà không có các lực lượng chiến đấu mặt đất. Tướng Matthew B. Ridgway, Tổng Tham Mưu Trưởng quân đội, sau này đã viết trong Hồi Ký của ông, rằng ông đã khá băn khoăn khi nói chuyện trong giới quan chức cao cấp về việc chỉ sử dụng sức mạnh hải quân, không quân ở Đông Dương. Văn thư cho ý kiến của quân đội nộp cho NSC trong tuần đầu tiên của tháng tư năm 1954, lập luận như sau:

"1 - can thiệp của Hoa Kỳ chung với các lực lượng chiến đấu ở Đông Dương không phải là điều mong muốn trong quân sự...

2 - Một chiến thắng ở Đông Dương không có thể được đảm bảo chỉ bằng sự can thiệp với lực lượng không và hải quân của Mỹ.

"3 - Việc sử dụng vũ khí nguyên tử ở Đông Dương sẽ không làm giảm số lượng lực lượng mặt đất cần thiết để đạt được một chiến thắng ở Đông Dương.

"4 - Bày sư đoàn Hoa Kỳ hoặc tương đương, với sự hỗ trợ hải và không quân thích hợp, sẽ được cần đến để giành một chiến thắng ở Đông Dương nếu Pháp rút và cộng sản Trung Quốc không can thiệp. Tuy nhiên, kế hoạch can thiệp của Hoa Kỳ không thể dựa trên giả định rằng Cộng sản Trung Quốc sẽ không can thiệp.

"5 - Tương đương với 12 sư đoàn Hoa Kỳ sẽ được yêu cầu để giành một chiến thắng ở Đông Dương nếu Pháp rút và Cộng sản Trung Quốc can thiệp.

"6 - Tương đương với 7 sư đoàn Hoa Kỳ sẽ được yêu cầu để giành một chiến thắng ở Đông Dương, nếu người Pháp ở lại và cộng sản Trung Quốc can thiệp.

"7 - Nhu cầu về không quân và hỗ trợ hải quân cho các hoạt động lực lượng mặt đất là:

- a. Năm trăm phi vụ máy bay chiến đấu - ném bom mỗi ngày chỉ dành riêng cho việc chặn đứng và ngăn chặn các phản kích của không lực địch.
- b. Khả năng không vận một sư đoàn.
- c. Hải vận đổ bộ một sư đoàn.

"8. Hai sư đoàn Hoa Kỳ có thể có mặt ở Đông Dương trong 30 ngày, và 5 sư đoàn bổ sung trong 120 ngày sau có thể được thực hiện mà không làm giảm sức mạnh mặt đất của Hoa Kỳ ở vùng Viễn Đông đến một mức độ không thể chấp nhận được, nhưng khả năng đáp ứng cam kết của Hoa Kỳ với NATO sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong một thời gian đáng kể. Thời gian cần thiết để đặt 12 sư đoàn ở Đông Dương sẽ phụ thuộc vào các biện pháp chuyển vận vật liệu và nhân sự của chính phủ... " **11**/

i. "Giải pháp" của Bộ Quốc phòng-JCS: khắc phục sự yếu kém của Pháp

Đối mặt với ước tính rằng các hành động không, hải quân không thể đảo ngược được tình thế, và một lực lượng mặt đất với kích thước thích hợp sẽ tác động đến các cam kết khác, Bộ Quốc phòng và JCS cho rằng giải pháp quân sự thay thế đã có sẵn trong tầm với của Pháp mà không cần yêu cầu Hoa Kỳ can thiệp. Bộ Quốc phòng lập luận rằng ba lý do cho tình hình của Pháp bị xấu đi là **(1)** thiếu ý chí giành chiến thắng, **(2)** miễn cưỡng đáp ứng nhu cầu độc lập thật sự của Đông Dương, (3) từ chối đào tạo nhân sự bản địa để lãnh đạo quân sự. Do đó Bộ Quốc phòng tin rằng sự tham gia sớm của Hoa Kỳ sẽ đưa ra những câu hỏi cơ bản liệu Hoa Kỳ đã chuẩn bị để gây những áp lực mạnh nhất lên Pháp, chủ yếu là trong bối cảnh châu Âu, để Pháp tại Paris và ở Đông Dương có biện pháp thích hợp để khắc phục những thiếu sót. Chỉ khi nào các biện pháp này đã được thi hành, Bộ Quốc phòng sẽ nghiêm túc xem xét việc cam kết đưa các lực lượng mặt đất của Hoa Kỳ để bảo vệ lợi ích của Pháp và ba nước Đông Dương. Tác động của quan điểm của Bộ Quốc phòng-JCS là thách thức quan điểm cho rằng một hành động quân sự nhanh chóng của Hoa Kỳ ở Đông Dương sẽ là khả thi hoặc cần thiết.

3. Cách tiếp cận mới: "hành động thống nhất"

Tại thời điểm này chính quyền Eisenhower bắt đầu xem xét nghiêm túc việc mở rộng bất kỳ sự can thiệp quân sự Hoa Kỳ ở Đông Dương bằng cách làm cho nó thành một phần của một liên minh tập thể cùng với các đồng minh châu Âu và châu Á. Bộ trưởng Ngoại Giao Dulles trong một bài phát biểu vào ngày 29 tháng 3 đã cảnh báo công chúng về tình hình đáng báo động ở Đông Dương và được gọi là "hành động thống nhất" mà không cần định nghĩa nó hơn nữa - những lời này:

*"Theo các điều kiện của ngày hôm nay, việc áp đặt vào khu vực Đông Nam Á hệ thống chính trị của Cộng sản Nga và đồng minh Cộng sản Trung Quốc, bất cứ dưới hình thức nào, sẽ là một mối đe dọa nghiêm trọng cho toàn bộ cộng đồng tự do. Hoa Kỳ cảm thấy rằng không nên chấp nhận khả năng đó một cách thụ động mà cần phải được đáp ứng bởi một hành động thống nhất dù nó có thể kéo theo các rủi ro nghiêm trọng, nhưng những rủi ro này sẽ là ít hơn so với những gì chúng ta sẽ phải đối mặt trong vòng một vài năm tới nếu chúng ta không dám kiên quyết giải quyết nó ngày hôm nay." **12/***

Ủy Ban Đặc Biệt về Hoa Kỳ và Đông Dương của Phó Bộ Trưởng Ngoại Giao W. Bedell Smith, mà nhóm làm việc Erskine đã báo cáo, đã ban hành một nghiên cứu ngày 02 Tháng tư. Báo cáo này đi xa hơn vấn đề giữ Đông Dương và đồng ý rằng bất cứ điều gì xảy ra cho số phận của khu vực, Hoa Kỳ nên bắt đầu phát triển một hệ thống phòng thủ chung cho khu vực Đông Nam Á. Trong ngắn hạn, Ủy ban Smith ủng hộ Hoa Kỳ tài trợ một hiệp ước phòng thủ chung chống lại sự xâm lược của cộng sản ở Đông Dương và Thái Lan. Về lâu dài, đề nghị thúc đẩy "sắp xếp việc phòng thủ khu vực và chung ở châu Á được các cường quốc châu Âu có lợi ích ở Thái Bình Dương tham gia và bảo đảm." **13/**

Suy nghĩ của Bộ Ngoại giao vào đầu tháng 4 năm 1954 là không sai biệt đáng kể với Bộ Quốc phòng và Ủy ban Smith. Có lẽ nhiều sai biệt hơn so với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao quan tâm về phản ứng của Trung Quốc về việc can thiệp quân sự của Mỹ. Nó kêu gọi sự thận trọng và đề nghị rằng trong bất kỳ loại "hành động thống nhất" nào, Hoa Kỳ phải đưa ra rõ ràng đối với cả Trung Quốc và các đồng minh rằng can thiệp sẽ không nhằm mục đích lật đổ, tiêu hủy của chế độ Bắc Kinh. Bộ Ngoại giao đề nghị: (1) không có quân đội Hoa Kỳ can thiệp cho thời điểm này, cũng không nên hứa gì với người Pháp, (2) tiếp tục lập kế hoạch can thiệp quân sự, (3) thảo luận với các đồng minh tiềm năng

về khả năng hình thành một nhóm khu vực trong trường hợp giải quyết tại Geneva là không thể chấp nhận được. **14/**

a. Quyết định của Tổng Thống chỉ ủng hộ "hành động thống nhất "

Trong khi đó, Tổng thống quyết định, sau một cuộc họp với Bộ trưởng Dulles và Đô Đốc Radford, Chủ Tịch Tham Mưu Trưởng Liên Quân, với các lãnh đạo Quốc hội vào ngày 03 Tháng Tư, rằng Hoa Kỳ sẽ không thực hiện một can thiệp đơn phương. Bất kỳ sự tham gia của quân đội Hoa Kỳ ở Đông Dương sẽ tùy thuộc (1) hình thành một lực lượng liên minh với các đồng minh của Hoa Kỳ để " hành động thống nhất ", (2) Pháp tuyên bố ý định tăng tốc độ giao trả độc lập cho ba nước Đông Dương; (3) Quốc hội phê duyệt việc tham gia của Hoa Kỳ (được cho là phụ thuộc điểm (1) và (2)).

Những hướng dẫn về chính sách này chắc chắn đã ảnh hưởng NSC, tại một cuộc họp vào ngày 06 tháng 4, đã đưa ra các mục tiêu phần nào không tương thích rằng Hoa Kỳ (a) "can thiệp nếu cần thiết để tránh mất Đông Dương, nhưng lại ủng hộ rằng không bỏ bước đi nào để giúp người Pháp tự mình đạt được một kết thúc thành công của cuộc chiến", và (b) ủng hộ như một giải pháp thay thế tốt nhất cho sự can thiệp của Hoa Kỳ bằng một nhóm khu vực với sự tham gia tối đa của châu Á. **15/**

Tổng thống chấp nhận các khuyến nghị của NSC nhưng quyết định rằng từ nay trở đi của những nỗ lực chính sẽ được dành cho các việc: (1) Bộ Quốc phòng tổ chức tập thể [an ninh] khu vực chống lại Cộng sản mở rộng; (2) có được hỗ trợ của Anh cho Hoa Kỳ về các mục tiêu ở Đông Nam Á; (3) thúc đẩy Pháp tăng tốc thời gian biểu của mình cho độc lập của Đông Dương. Tổng thống sẽ tìm kiếm sự chấp thuận của Quốc hội Hoa Kỳ tham gia vào một thỏa thuận khu vực, nếu nó có thể được đặt lại với nhau, và trong khi đó kế hoạch dự phòng về huy động [nguồn lực cho chiến tranh] sẽ bắt đầu. **16/**

b. Từ chối can thiệp đơn phương

Vì vậy, bức tường thành [chống cộng] chính là nỗ lực của Pháp ở Điện Biên Phủ, và câu hỏi 'Hoa Kỳ sẽ phải làm gì' nay trở thành quan trọng khi chính phủ Hoa Kỳ không ủng hộ sự can thiệp đơn phương. Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ không muốn can thiệp tiếp theo phần trình bày của quân đội là chỉ dùng hải và không quân sẽ không thành công và lực lượng mặt đất sẽ là cần thiết. Kinh nghiệm gần đây của chiến tranh Hàn Quốc đã giảm nhẹ mạnh mẽ những chống đối về sự tham gia của Hoa Kỳ trong một cuộc chiến tranh trên đất liền ở châu Á. Hơn nữa, Tổng thống đã không sẵn sàng tham gia vào một việc mạo hiểm như vậy, trừ khi nó được bao che với phê

duyet của Quốc hội. Một phê duyệt như thế, tới phiên nó, lại phụ thuộc vào sự tham gia của các nước đồng minh. Do đó, Ngoại trưởng Dulles thực hiện nhiệm vụ thuyết phục các nước Anh, Pháp và các đồng minh châu Á tham gia vào một liên minh "hành động thống nhất" ở Đông Dương.

II. B. 1.

FOOTNOTES

1. NSC 124, A Report to the National Security Council on U.S. Objectives and Courses of Action with Respect to Communist Aggression in Southeast Asia, February 13, 1952 (TOP SECRET).
2. A Report to the National Security Council by the Executive Secretary on Basic National Security Policy (NSC 162/2), October 30, 1953 (TOP SECRET - SENSITIVE). The Report was adopted October 29, 1953, at the 168th Council meeting.
3. Memorandum from Col. George W. Coolidge (GS, Acting Chief, Plans Division) to Defense Member, NSC Planning Board (att: Col Bonesteel), December 8, 1953 (TOP SECRET).
4. Anderson to Wilson, January 6, 1954 (TOP SECRET).
5. Davis letter to Bonesteel, January 5, 1954 (TOP SECRET).
6. NSC Planning Board, A Report to the National Security Council on U.S. Objectives and Courses of Action with Respect to Southeast Asia (NSC 177), December 30, 1953 (TOP SECRET).
7. Summary and Comments of the 179th NSC meeting, January 8, 1954.
8. See memorandum from Lt. Gen. F. F. Everest (USAF), for the JCS, to the Secretary of Defense, January 15, 1954 (TOP SECRET); also, the comments of Radford as reported in a memorandum from Capt. G. W. Anderson, Jr. (USN) to Lt. Gen. Jean Valluy, French Military Mission to the U.S., January 30, 1954 (TOP SECRET).
9. United States Objectives and Courses of Action with Respect to Southeast Asia (NSC 5405), January 16, 1954 (TOP SECRET). NSC 5405 differs from NSC 177 in only two respects: a paragraph on the U.S. response to a Chinese move into Thailand, and a deleted reference in the earlier paper to France's decline as a world power, with repercussions on her position in Europe and North Africa, if Indochina should be lost.
10. The Annex was recirculated on March 29, 1954.
11. Army Position on NSC Action No. 1074A, undated (early April 1954).
12. Department of State Press Release No. 165, March 29, 1954.
13. Draft: Special Committee Report on Southeast Asia - Part II, April 2, 1954 (TOP SECRET).
14. See the undated State Department position paper apparently written between April 2 and 5, just prior to the French request made through

Dillon for direct U.S. air intervention at Dien Bien Phu. The State paper, with minor changes, became NSC Action No. 1074A, April 5, 1954 (TOP SECRET).

15. Summary and Content of 192nd NSC Meeting, April 6, 1954 (TOP SECRET).
16. Secretary Wilson memorandum to the JCS and the Army, Navy, and Air Force Secretaries, April 15, 1954 (TOP SECRET).

II. B. 1.

CỐ GẮNG TỔ CHỨC MỘT "HÀNH ĐỘNG THỐNG NHẤT"

MỤC LỤC VÀ NỘI DUNG

1. Hội nghị Berlin năm 1954 B-17
 - a. Việt Minh của Việt Minh và thái độ của Pháp B-17
 - b. Đầu tiên Hoa Kỳ chống việc đàm phán B-18
2. Đoàn công tác Ely (20-24 tháng ba) B-19
 - a. Điện Biên Phủ bắt đầu B-19
 - b. Chiến dịch Diều Hâu B-19
3. "Hành động thống nhất" là một giải pháp thay thế hay đàm phán hay để Hoa Kỳ can thiệp đơn phương B-20
 - a. Sự hình thành của chính sách Mỹ B-20
 - b. Phản ứng đầu tiên của Đồng Minh trước việc "hành động thống nhất" B-22
 - c. Pháp kêu gọi Hoa Kỳ can thiệp ở Điện Biên Phủ (ngày 4, 5 tháng Tư) B-23
 - d. Hoa Kỳ quyết định không can thiệp đơn phương B-24
 - e. Anh phản đối "hành động thống nhất" B-25
 - f. Pháp phản đối "hành động thống nhất" B-27
 - g. Hủy bỏ Nhóm làm việc về Phòng Thủ Tập Thể Trong khu vực Đông Nam Á (20 tháng 4) B-27
 - h. Pháp tiếp tục thúc giục Hoa Kỳ can thiệp (21 – 25 tháng Tư)
4. Thế đứng cuối cùng Hoa Kỳ trước khi Hội Nghị Geneva bắt đầu B-28
 - a. Trao đổi với Pháp B-28
 - b. Trao đổi với Anh B-29

B-30

II. B. 2. CỐ GẮNG TỔ CHỨC MỘT "HÀNH ĐỘNG THỐNG NHẤT"

1. Hội nghị Berlin năm 1954

Các cuộc đàm phán cho một giải pháp chính trị cho chiến tranh Pháp-Việt Minh thực tế đã được đảm bảo khi nó đã được quyết định tại cuộc họp của bốn cường quốc [Mỹ, Anh, Pháp, Trung Cộng] ở Berlin vào tháng 2 năm 1954 rằng vấn đề Đông Dương sẽ được thêm vào chương trình nghị sự của hội nghị quốc tế sắp tới tại Geneva để thảo luận chủ yếu là để giải quyết chiến tranh Triều Tiên. Thời gian giữa hội nghị Berlin và Giơ-ne-vơ (tức là giữa tháng hai và tháng 5 năm 1954) bắt gặp chứng kiến một đoạn kết của bộ phim Đông Dương với cuộc vây hãm và sụp đổ của Điện Biên Phủ, quyết định của Hoa Kỳ không can thiệp, và nỗ lực không thành công của Hoa Kỳ để tập hợp đồng minh với nhau để tạo thành một lực lượng chung để theo đuổi việc "thống nhất hành động" ở Đông Dương.

a. Chiến lược của Việt Minh và thái độ của Pháp

Nửa năm trước khi hội nghị Các Bộ trưởng Ngoại giao tại Berlin vào tháng 2 năm 1954 đã chứng kiến hai chuyện: một đánh dấu bằng hoạt động quân sự của Việt Minh và một là những đề nghị thăm dò hòa bình của Hồ Chí Minh. Quân đội nhân dân Việt Nam (VPA) đã bắt đầu thay đổi chiến lược chống Pháp từ hoạt động du kích tới việc triển khai chiến đấu chính quy. Điều này đi kèm với viện trợ quân sự gia tăng của Trung Quốc, chắc chắn là nhờ điều kiện thuận lợi do cuộc xung đột vũ trang ở Hàn Quốc chấm dứt. Do đó, Việt Minh đã xuất hiện với một sức mạnh và sự tự tin mới, mặc dù tại thời điểm đó Pháp đã từ chối nhìn nhận điều này, hoặc công khai hoặc tự chính bản thân họ.

Trong khi đó, Hồ Chí Minh đưa ra một thăm dò hòa bình vào cuối tháng 11 năm 1953 trả lời những câu hỏi của một phóng viên cho tờ báo Thụy Điển Expressen. Một trong những điều kiện tiên quyết do Hồ đưa ra cho các cuộc đàm phán là Pháp phải công nhận độc lập Việt Nam. Trong những tuần tiếp theo, việc thăm dò hòa bình đã được lặp đi lặp lại nhiều lần, nhưng mỗi lần đều thất bại để chỉ ra nơi có thể được tổ chức cuộc đàm phán, phạm vi cho các cuộc đàm phán cũng không định ra được. **1/**

Không có kết quả gì trực tiếp từ những thăm dò hòa bình, nhưng gián tiếp, nó đã làm cho khối lượng dân chúng và tình cảm chính trị ở Pháp ngày càng tang đòi chấm dứt cuộc chiến tranh dai dẳng và tốn kém. Các thỏa thuận đàm phán trong hiệp ước đình chiến tại Panmunjom trong tháng 7 năm 1953 phục vụ như một ví dụ mà nhiều người Pháp hy vọng có thể được theo sau với việc đàm phán ngừng bắn với VNDCCH. Một làn sóng thất vọng về chiến tranh Đông Dương đã tràn ngập Pháp. Điều này được phản ánh trong báo cáo trước công chúng của Thủ tướng Laniel rằng Paris sẽ hài lòng với một "giải pháp danh dự" cho chiến tranh.

Người Pháp sau đó đã thông qua một chính sách chiến tranh "vừa đánh vừa đàm". Đã có gia tăng trong hoạt động quân sự và sự tự tin của Pháp kích thích bởi kế hoạch Navarre, nhưng những điều này đã bị xóa đi bởi sự lớn mạnh về kích thước và ảnh hưởng của phe chủ hòa ở Pháp, như các phiếu biểu quyết của phe "bỏ câu" trong Quốc hội muốn sớm giải quyết cuộc chiến tranh đã quá lâu. Thủ tướng Laniel và các quan chức Pháp nói với Đại sứ quán Hoa Kỳ rằng họ cho là những gì Hồ Chí Minh đề nghị chỉ là thuần tuyên truyền, nhưng cũng cho biết những động tác của Hồ Chí Minh đã tạo ra các tác động có chủ ý lên các nhóm công chúng và quân sự tại Pháp và Đông Dương. Laniel đã đề cập rằng Tổng thống Vincent Auriol đã hồ hởi bởi đề nghị của Hồ và ông đã nói với Laniel rằng "tham khảo ý kiến đại diện của ba nước liên hiệp ngay lập tức theo hướng là tìm cách mở càng sớm càng tốt các cuộc đàm phán với đại diện của Hồ Chí Minh. Laniel đã từ chối thẳng thừng". Tuy nhiên, quan chức Hoa Kỳ tỏ ra nghi ngờ. Đại sứ quán Hoa Kỳ thông báo rằng một bài phát biểu Laniel ngày 24 tháng 11 năm 1953, "đã đề một biên độ đáng kể cho các cuộc đàm phán", và những đề nghị của Hồ Chí Minh đã làm tăng áp lực để giải quyết. 2/

b. Đầu tiên Hoa Kỳ chống việc đàm phán

Chính sách nhất quán của Hoa Kỳ là cố gắng để lôi lái Pháp chỉ đàm phán khi có lợi thể quân sự đáng kể trên chiến trường. Trong các cuộc đàm phán song phương Mỹ-Pháp vào tháng Bảy, năm 1953, trong lúc hiệp ước đình chiến ở Hàn Quốc đang được thảo luận tại Panmunjom, Bộ trưởng Ngoại giao Bidault [Pháp] nói với Bộ Trưởng Ngoại Giao [Mỹ] Dulles rằng các cuộc đàm phán về Đông Dương cần được theo đuổi song song. Bidault giải thích rằng công chúng Pháp sẽ không bao giờ hiểu lý do tại sao các cuộc đàm phán phù hợp và danh dự cho Hàn Quốc nhưng lại không được cho Đông Dương. Một lệnh ngừng bắn tại Hàn Quốc, với không có gì tương tự trong viễn ảnh của Đông Dương, sẽ làm cho chính phủ của ông đứng vào vị trí "hoàn toàn không thể."

Bộ trưởng Dulles, khi trả lời, nhấn mạnh rằng "cuộc đàm phán không giải pháp thay thế khác thường kết thúc trong sự đầu hàng." Trong trường hợp Hàn Quốc, Dulles cho biết, giải pháp

thay thế là mối đe dọa của Hoa Kỳ sẽ dùng "các biện pháp khác và khó chịu" mà những người Cộng sản biết rằng chúng ta đang sở hữu. Ông kêu gọi người Pháp thông qua Kế hoạch Navarre, không chỉ vì lý do quân sự, nhưng bởi vì nó sẽ cải thiện vị trí đàm phán của Pháp. Dulles nói rõ ràng rằng Hoa Kỳ cảm thấy họ không nên ghi chiến tranh Đông Dương vào chương trình nghị sự của hội nghị chính trị sau hiệp ước đình chiến ở Hàn Quốc. 3/ Vị trí của Hoa Kỳ vào thời điểm này là đóng khung không đàm phán về Đông Dương cho đến sau khi có một quyết định của Trung Quốc cắt đứt hoặc cắt giảm viện trợ cho Việt Minh. 4/ Nói chung, Hoa Kỳ tìm cách thuyết phục người Pháp rằng chiến thắng quân sự là bảo đảm duy nhất cho sự thành công ngoại giao.

Dulles muốn Pháp tiếp tục cuộc chiến vì niềm tin sâu sắc của ông rằng Đông Dương là một điểm nổi chính trong tuyến ngăn chặn cộng sản. Ngoài ra, Washington đã chắc chắn bị ảnh hưởng bởi các báo cáo lạc quan về tiến độ chiến tranh của Tướng O'Daniel báo cáo từ Sài Gòn rằng một chiến thắng Pháp có thể xảy ra nếu hỗ trợ vật chất của Hoa Kỳ được đưa tới. Ngày 06 Tháng hai năm 1954, một công bố cho biết bốn mươi máy bay ném bom B-26 và 200 kỹ thuật viên bảo trì Hoa Kỳ sẽ được gửi đến Đông Dương. Đô đốc Radford nói với Tiểu ban Quan Hệ Nước Ngoài của Quốc Hội, một tháng trước khi cuộc bao vây Điện Biên Phủ bắt đầu (tháng năm 1954), rằng Kế hoạch Navarre là "một khái niệm chiến lược rộng lớn" mà chỉ trong vòng một vài tháng có thể đảm bảo một biến chuyển thuận lợi trong diễn tiến của chiến tranh. 5/

Tại hội nghị bốn Bộ trưởng Ngoại giao họp vào tháng Hai ở Berlin, tuy nhiên, Bộ trưởng Dulles đã buộc phải thỏa mãn yêu cầu của Pháp là đưa Đông Dương vào chương trình nghị sự ở Geneva. Bidault áp lực Hoa Kỳ bằng cách đe dọa làm chìm dự án cộng đồng Quốc phòng châu Âu lúc ấy là ưu tiên hàng đầu của Mỹ. Dulles không thể ngăn chặn Paris quyết tâm để thảo luận về Đông Dương tại Geneva, trong phân tích cuối cùng, là chiến tranh của Pháp. Ông phải nhận ra rằng Chính phủ Laniel không thể hoàn toàn tránh các cuộc đàm phán mà không bị mất lòng dân và mang lại sự sụp đổ của chính phủ ông vào tay các đảng đối lập chống chiến tranh.

Mỹ đã phản đối thành công những nỗ lực của Liên Xô tại Berlin để đạt được cho Cộng sản Trung Cộng, quy chế một cường quốc tài trợ, và đã sắp xếp thành công, hơn nữa, đưa vào trong thông cáo Berlin một tuyên bố không công nhận ngoại giao, đã chưa được công nhận [ngoại giao], kể cả ngụ ý trong lời mời tham gia, hay tổ chức, Hội nghị Giơ-ne-vơ. 6/

2. Phái đoàn Ely (ngày 20-24 tháng Ba)

a. Trận Điện Biên Phủ bắt đầu

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, Quân Đội Nhân Dân, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Tướng Giáp, bắt đầu cuộc tấn công vào Điện Biên Phủ. Đây là pháo đài ở miền Bắc Việt Nam có một tầm quan trọng về chính trị và tâm lý thực tế đã vượt xa tỷ lệ tương ứng về giá trị chiến lược của nó vì Hội nghị Geneva sắp tới. Việt Minh đã dự kiến một cách chính xác khi đưa ra một lực lượng quyết định, không đề cập đến một chiến thắng, sẽ tăng cường đáng kể sức mạnh của họ tại hội nghị. Hơn nữa, một thất bại của các lực lượng Liên hiệp Pháp sẽ tàn hại ý chí tiếp tục cuộc chiến của Pháp. Việt Minh đã được rất nhiều viện trợ quân sự của Trung Quốc, gia tăng đáng kể đến mức độ bao gồm cả pháo binh và radar. **7/** Khi trận chiến xảy ra, niềm lạc quan tràn ngập các báo cáo của Washington, của công quyền và tư nhân, về chiến tranh nay đã được thay thế với niềm xác tín rằng trừ khi các bước mới cần được thực hiện để đối phó với sự trợ giúp của Trung Quốc, Pháp đã bị ràng buộc để đi theo [chiến tranh].

Tướng Paul Ely, Tham Mưu Trưởng Pháp, đã đến Washington vào ngày 20 tháng Ba để hội ý với các quan chức Hoa Kỳ về tình hình chiến tranh. Mục đích chủ yếu của Ely là nhằm có được sự đảm bảo của Hoa Kỳ can thiệp không quân trong trường hợp có cuộc tấn công trên không của Trung Quốc, và để có được hỗ trợ thêm vật liệu Mỹ, đặc biệt là máy bay ném bom B-26. Sau đó, Dulles nói với Ely rằng ông không thể có câu trả lời về phản ứng với sự can thiệp của không quân Trung Quốc. **8/** Ely cãi lại trong cuốn Ký Ưc của mình rằng ông đã nhận được một lời hứa từ Đô đốc Radford, Chủ tịch tham mưu trưởng liên quân, thúc đẩy Hoa Kỳ kịp thời phê duyệt [kế hoạch] ngăn chặn phòng ngừa nếu sự việc phát sinh. **9/** Đối với việc cung cấp máy bay ném bom, thêm 25 máy bay B-26 đã được hứa.

b. Chiến dịch Điều Hâu

Theo các báo cáo tiếp theo của Pháp, Tướng Ely yêu cầu ở lại Washington thêm 24 giờ so với kế hoạch; trong thời gian đó, Đô đốc Radford đã đưa ra một đề nghị không chính thức nhưng chính yếu cho ông ta. Radford được cho rằng là đã đề nghị một cuộc đột kích ban đêm vào chu vi Điện Biên Phủ bằng máy bay của không quân và Hải quân Mỹ. Kế hoạch, có tên là Chiến dịch Điều Hâu (Operation Vulture), đưa ra sáu mươi B-29 từ phi trường Clark gần Manila, với 150 máy bay chiến đấu của Hạm đội 7 Hoa Kỳ theo hộ tống, tiến hành một cuộc tấn công lớn vào các vị trí của QĐND chung quanh vòng đai Điện Biên Phủ. **10/**

Chiến dịch Điều Hâu, theo các nguồn tin Pháp, đã được hình thành bởi một đội ngũ chung gồm các nhân viên quân sự Mỹ-Pháp ở Sài Gòn. Được thừa nhận đây chỉ là một đề nghị không chính thức chưa nhận được đầy đủ sự ủng hộ của Chính phủ Hoa Kỳ như là một chính sách. Không có hồ sơ nào về Chiến dịch Điều Hâu được tìm thấy trong các tài liệu được nghiên cứu. Trong một cuộc phỏng vấn vào năm 1965, Đô đốc Radford nói rằng không có kế hoạch "Chiến dịch Điều

Hầu " nào tồn tại, từ khi lập kế hoạch để hỗ trợ Điện Biên Phủ bằng một cuộc không kích, nó đã không bao giờ vượt qua giai đoạn khái niệm. **11/** Tuy nhiên, một kế hoạch như vậy có thể là một chủ đề thảo luận không chính thức cả ở Việt Nam, và giữa Radford và Ely.

3. "hành động thống nhất" như một giải pháp thay thế cho hoặc cả cho đàm phán hay việc Hoa Kỳ đơn phương can thiệp

a. Sự thành hình của chính sách Hoa Kỳ

Cuối tháng ba, một cuộc tranh luận nội bộ trong chính quyền Eisenhower đã đạt đến điểm để công nhận rằng: (a) can thiệp đơn phương của Hoa Kỳ trong chiến tranh Đông Dương sẽ không có hiệu quả nếu không có lực lượng mặt đất, (b) sự tham gia của lực lượng mặt đất của Hoa Kỳ về hậu cần và chính trị là không mong muốn, (c) tốt nhất, một can thiệp của "thế giới tự do" vào Đông Dương để cứu khu vực khỏi chủ nghĩa cộng sản sẽ có hình thức một hoạt động tập thể của các lực lượng đồng minh. Đây những ý kiến đến từ những cuộc thảo luận của NSC, từ báo cáo Ridgway, từ báo cáo của Ủy Ban Đặc Biệt Về Hoa Kỳ và Đông Dương do phó Bộ Trưởng Ngoại Giao W. Bedell Smith, và từ nhữ suy nghĩ chung của Tổng thống Eisenhower (xem Tab 1).

Theo đó, Bộ Trưởng Dulles trong cuộc thảo luận với tướng Ely đã vượt ra ngoài vấn đề hỗ trợ ngay lập tức cho Pháp đồn trú tại Điện Biên Phủ và đề cập việc có thể thành lập một khu vực quốc phòng bố trí cho khu vực Đông Nam Á. Đề xuất này đã được đưa ra trước công chúng trong bài phát biểu ngày 29 tháng 3 của Bộ Trưởng Dulles trước Câu lạc bộ Báo chí nước ngoài. Dulles đã mô tả tầm quan trọng của việc chống lại sự xâm lược của cộng sản ở Đông Dương trong những từ này:

"Nếu các lực lượng Cộng sản đã giành quyền kiểm soát không phản bác trên Đông Dương hoặc bất kỳ phần đáng kể nào, họ chắc chắn sẽ tiếp tục dùng cùng một khuôn mẫu xâm lược để chống lại các dân tộc khác trong khu vực đó.

"[giọng điệu] Tuyên truyền của Cộng Sản Trung Quốc và Liên Xô cho thấy hoàn toàn rõ ràng rằng mục đích của họ là thống trị tất cả các khu vực Đông Nam Á.

"Hiện nay khu vực Đông Nam Á là một phần quan trọng của thế giới, là cái gọi là "vựa lúa"... Đây là một khu vực phong phú về nhiều nguyên liệu thô.

"Và ngoài những giá trị kinh tế to lớn, khu vực này có rất nhiều giá trị chiến lược... Cộng sản kiểm soát Đông Nam Á sẽ thực hiện một mối đe dọa nghiêm trọng đối cho

Philippines, Úc và New Zealand... Toàn bộ các khu vực phía tây Thái Bình Dương, bao gồm cả cái gọi là "chuỗi đảo ngoài khơi," về mặt chiến lược là bị nguy hiểm. "

Sau đó ông đã kêu gọi "hành động thống nhất" và sau khi ghi nhận rằng việc Trung Quốc hỗ trợ cho Việt Minh, ông tiên đoán rằng xâm lược này sẽ "dẫn đến những hành động ở những nơi mà kế sách là do các quốc gia tự do lựa chọn, từ đó việc xâm lược chắc chắn sẽ chịu chi phí nhiều hơn những gì nó sẽ đạt được". **12/**

Trong những tuần lễ tiếp theo, mục tiêu ngoại giao của Hoa Kỳ là bảo đảm một thỏa thuận liên minh bằng một hiệp ước phòng thủ tập thể bao gồm mười quốc gia: Mỹ, Pháp, Anh, Úc, New Zealand, Philippines, Thái Lan, và ba nước liên hiệp. Ngoại trưởng Dulles trình bày đề xuất của ông trong các cuộc thảo luận với Đại sứ Anh Sir Roger Makins và Đại sứ Pháp Henri Bonnet. Tổng thống Eisenhower gửi một tin nhắn cá nhân cho Thủ tướng Churchill giải thích về đề xuất một liên minh. Tổng thống lưu ý rằng:

"Còn ít hơn bốn tuần nữa là [khởi sự Hội Nghị] Geneva. Khả năng là những người Cộng sản sẽ thọc một mũi nhọn vào giữa các mong muốn của chúng ta, cho rằng trạng thái tinh thần của Pháp, lớn hơn lúc tại Berlin.. Tôi có thể hiểu được những mong muốn rất tự nhiên của Pháp nhằm tìm kiếm một chấm dứt cho cuộc chiến mà họ đã bị đổ máu trong tám năm. Nhưng những tìm kiếm siêng năng của chúng tôi để có được một phương cách ra khỏi cái bế tắc này đã buộc chúng tôi phải miễn cưỡng kết luận rằng không có giải pháp đàm phán về vấn đề Đông Dương mà tự trong bản thân của nó phải có hoặc một phương cách đầu hàng mà không mất mặt cho Pháp, hoặc một sự rút lui không mất mặt cho cộng sản. Giải pháp đầu là quá nghiêm trọng vì những tác động chiến lược rộng lớn mà chúng tôi và ông không thể chấp nhận được...

"Bằng cách nào đó, chúng ta phải xoay sở để có lựa chọn thứ hai."

Tổng thống Eisenhower đã phác thảo sự cần thiết cho một liên minh để sẵn sàng chống lại Cộng sản, nếu điều này chứng tỏ cần thiết. Ông kết luận bằng một câu hỏi lịch sử nhất định để kêu gọi Churchill:

*"Nếu tôi có thể tham khảo lại lịch sử, chúng ta đã thất bại trong việc ngăn chặn Hirohito, Mussolini và Hitler bằng cách không hoạt động thống nhất chung và kịp thời. Điều đó đã đánh dấu sự khởi đầu của nhiều năm thảm kịch khốc liệt và nguy hiểm tuyệt vọng. Quốc gia của chúng ta đã không học được một cái gì từ bài học đó sao? " **13/***

Trong các cuộc thảo luận, nói chung Hoa Kỳ đã tìm cách làm vững chắc ý muốn của các quốc gia tự do trong cuộc khủng hoảng Đông Dương. Nó nhấn mạnh vào cả hai (1) ý định công khai

của Pháp về việc trao độc lập thực sự cho ba nước Đông Dương, và (2) điều kiện đã được Pháp chấp nhận tại Berlin để được Hoa Kỳ đồng ý thảo luận về Đông Dương tại Geneva. Điều kiện đó là nước Pháp sẽ không đồng ý với bất kỳ sự sắp xếp nào mà kết quả trực tiếp hay gián tiếp dẫn đến việc Đông Dương được giao vào tay Cộng sản. Hoa Kỳ tìm kiếm sự hỗ trợ vững chắc cho vị trí này, đặc biệt là từ Vương quốc Anh, Australia, và New Zealand. Mặc dù có khả năng là sẽ có những tham gia của Liên Hợp Quốc về vấn đề Đông Dương trong tương lai, nhưng chưa có suy nghĩ nào về hành động ngay lập tức của Liên Hợp Quốc. **14/**

a. Phản ứng đầu tiên của Đồng Minh về "hành động thống nhất"

Thái Lan và Philippines đã đưa ra một phản ứng thuận lợi để kêu gọi thống nhất hành động. Phản ứng của Anh là thận trọng và do dự. Churchill chấp nhận đề nghị của Eisenhower gửi Bộ Trưởng Ngoại Giao Dulles tới London để hội đàm thêm, nhưng người Anh đã nhìn thấy mối nguy hiểm bức xúc cho một liên minh phòng thủ trước khi hội nghị Giơ-ne-vơ. Eden đã xác định là không được "hối hả đi vào các quyết định quân sự thiếu cân nhắc". Eden sau đó đã viết:

"Tôi hoan nghênh đề xuất của Hoa Kỳ về việc tổ chức phòng thủ Đông Nam Á, vì điều này sẽ góp phần vào sự an toàn của Malaysia và Hồng Kông và sẽ loại bỏ sự bất thường về việc chúng tôi không có mặt trong Hiệp ước ANZUS mà Hoa Kỳ, Úc và New Zealand là thành viên. Nhưng tôi cảm thấy rằng để hình thành và công bố một liên minh phòng thủ, trước khi chúng ta đến bàn hội nghị, sẽ không giúp chúng ta về quân sự và sẽ gây tổn hại cho chúng ta về chính trị, bởi [việc ấy] làm sợ các đồng minh quan trọng tiềm năng... đến đầu tháng Năm, những cơn mưa bắt đầu ở Đông Dương và những chiến dịch lớn của hai bên sẽ không thể có trong vài tháng. Khi mà sự sụp đổ hoàn toàn của các nỗ lực quân sự Pháp trước đó là không thể xảy ra, tôi không nghĩ rằng mối quan tâm ngay bây giờ về tình hình quân sự là yếu tố dẫn dắt chính sách của chúng ta. " **15/**

b. Pháp yêu cầu Hoa Kỳ can thiệp quân sự vào Điện Biên Phủ (4-5 tháng Tư)

Trả lời của Pháp là đề nghị thống nhất hành động đã bị vượt qua bởi các biến chuyển quân sự ở Điện Biên Phủ. Bộ trưởng Ngoại giao Bidault tranh luận vào ngày 05 tháng 4 cho rằng thời gian tính cho phương cách liên minh là đã qua và số phận của Điện Biên Phủ sẽ được quyết định trong mười ngày tới. **16/** Một ngày trước đó, Đại sứ Douglas Dillon được gọi đến dự một cuộc họp nội các khẩn cấp vào ngày chủ nhật và đã được thông báo bởi Bidault, đi chung với Laniel, rằng "can thiệp vũ trang ngay lập tức của tàu sân bay Hoa Kỳ vào Điện Biên Phủ bây giờ là cần thiết để cứu vãn tình hình". Bidault, sau báo cáo của Navarre về tình trạng tuyệt vọng trên trận địa này và mức độ can thiệp của Trung Quốc hỗ trợ cho các lực lượng của tướng Giáp, đã yêu

cầu Đại sứ thẳng thường đòi Hoa Kỳ hành động, nói rằng "số phận của khu vực Đông Nam Á hiện nay nằm ở Điện Biên Phủ", và rằng "Geneva sẽ chiến thắng hoặc bị mất tùy thuộc vào kết quả" của trận chiến. **17/** Hoa Kỳ lúc này được kêu gọi hành động nhanh chóng và đơn phương để cứu vãn một tình hình địa phương, chứ không phải là, như Dulles mong muốn, cùng phối hợp với các đồng minh châu Á và phương Tây.

c. Mỹ quyết định không can thiệp đơn phương

Trong tuần đầu tiên của tháng tư, điều trở nên rõ ràng là vấn đề can thiệp của Hoa Kỳ là rất quan trọng. Trận chiến ở Điện Biên Phủ đã đạt một biên độ lớn khi pháo binh [VN] do Trung Quốc cung cấp đã đập người Pháp và đẩy họ về phía sau. Nếu không có một can thiệp sớm bởi một sức mạnh bên ngoài, hoặc nhóm các cường quốc, vị trí của Pháp tại Điện Biên Phủ là có khả năng bị tràn ngập. Trong dự đoán trước về yêu cầu can thiệp của Pháp, chính quyền Eisenhower đã quyết định tham khảo ý kiến với lãnh đạo Quốc hội. Tổng thống dường như đã nghĩ rằng hỗ trợ của Quốc hội là rất quan trọng cho bất cứ vai trò tích cực nào của Hoa Kỳ có thể đưa vào Đông Dương.

Tài liệu của Chính phủ hiện có không đưa ra những chi tiết của hai cuộc họp được mô tả dưới đây. Tuy nhiên, trên cơ sở của các nguồn tin được công bố, có vẻ đáng tin cậy, ngày 03 Tháng Tư, Bộ trưởng Ngoại giao Dulles và Đô đốc Radford đã gặp gỡ tám đại biểu Quốc hội (ba Cộng hòa và năm Dân chủ) tại Bộ Ngoại giao. **18/** Radford dường như đã vạch ra một kế hoạch cho một cuộc không kích vào quân đội nhân dân Việt Nam (VPA) tại Điện Biên Phủ, sử dụng 200 máy bay từ các tàu sân bay Essex và Boxer, đang diễn tập ở biển Nam Trung Hoa. Một cuộc không kích không thành công có thể cần phải được theo sau bởi một cuộc không kích thứ hai, nhưng lực lượng mặt đất không được dự kiến ở giai đoạn này. Nó đã được xác nhận rằng bom nguyên tử trên tàu sân bay có thể được thả bởi các máy bay, nhưng không có dấu hiệu nào cho thấy có bất kỳ xem xét nghiêm túc để sử dụng vũ khí hạt nhân tại Điện Biên Phủ hoặc ở những nơi khác ở Đông Dương. Trong trường hợp của một sự can thiệp quân sự lớn của Trung Quốc, tuy nhiên, hoàn toàn có thể rằng Hoa Kỳ sẽ trả đũa bằng vũ khí hạt nhân chiến lược chống lại các mục tiêu ở Trung Quốc.

Các nhà lãnh đạo Quốc hội nêu ra câu hỏi về (1) tầm cỡ hỗ trợ của đồng minh cho hành động như vậy, (2) ý kiến của các tham mưu trưởng liên quân khác, (3) sự cần thiết một lực lượng mặt đất nếu một cuộc không kích thứ hai cũng thất bại, và (4) sự nguy hiểm của một sự can thiệp khổng lồ của Trung Quốc có thể biến Đông Dương thành một cuộc chiến tranh loại như Hàn Quốc khác. Radford dường như đã buộc phải thừa nhận rằng chỉ có một tham mưu trưởng liên quân ủng hộ kế hoạch can thiệp. Dulles thừa nhận rằng các đồng minh đã không được tham khảo ý kiến. Kết quả là, Dulles, người đã từng suy nghĩ về một nghị quyết chung của

Quốc hội cho phép Tổng thống Hoa Kỳ sử dụng sức mạnh không và hải quân ở Đông Dương (bị cáo buộc là ông đã có sẵn [nghị quyết] trong túi của mình) đã rời cuộc họp mà không có sự hỗ trợ quan trọng nào mà ông cần. Các nhà lãnh đạo Quốc hội đặt ra ba điều kiện cần thiết để có hỗ trợ của họ: (a) hình thành một lực lượng "liên minh" loại đồng minh; (b) tuyên bố của Pháp cho thấy một ý định thúc đẩy độc lập cho ba nước Đông Dương; (c) Pháp thỏa thuận tiếp tục để đoàn viễn chinh của họ ở Đông Dương. Vì vậy Quốc hội đối lập đã đưa phan nhào vào việc Hoa Kỳ có thể can thiệp đơn phương. **12/** Theo Tóm tắt thông tin của Bộ Ngoại giao sau đó:

"Đó là ý nghĩa của hội nghị rằng Hoa Kỳ không nên can thiệp một mình, nhưng nên cố gắng để bảo đảm sự hợp tác của các quốc gia tự do khác có liên quan trong khu vực Đông Nam Á, và nếu hợp tác như vậy có thể được đảm bảo, có thể xảy ra rằng Quốc hội Hoa Kỳ sẽ ủy quyền cho Hoa Kỳ tham gia trong "hành động thống nhất" như vậy" **20/**

Hôm sau, ngày 04 Tháng 4, Dulles và Radford đã gặp Tổng thống tại Nhà Trắng. Tổng thống đạt quyết định chỉ can thiệp khi hội đủ ba điều kiện cần thiết đối với Hoa Kỳ "để cam kết hành động chiến tranh" ở Đông Dương. Sẽ có một liên minh "với sự tham gia hành động của Khối Thịnh vượng Chung Anh", một "sự hiểu biết chính trị đầy đủ" với Pháp và các nước khác, "và được Quốc hội phê duyệt. **21/**

Tổng thống Eisenhower rõ ràng là không muốn Hoa Kỳ can thiệp một mình. Ông cũng rất quan tâm làm sao có được hỗ trợ rộng rãi của Quốc hội cho bất cứ bước đi nào khi Hoa Kỳ có thể dính vào chiến tranh. Như Sherman Adams sau đó đã quan sát thấy:

"Tránh được một cuộc chiến tranh toàn diện với Trung Cộng trong năm trước khi ông được Liên Hiệp Quốc hỗ trợ ở [chiến tranh] Hàn Quốc, ông [Eisenhower] không có chút hăng hái nào để đi mở một cuộc chiến khác ở Đông Dương bằng hành động quân sự một mình mà không có Anh và Đồng Minh phương Tây. Ông cũng xác định là sẽ không tham gia quân sự trong bất kỳ cuộc xung đột nước ngoài nào mà không có sự chấp thuận của Quốc hội. Ông đã gặp quá đủ khó khăn khi đi thuyết phục một số thượng nghị sĩ, thậm chí cần thiết chỉ để gửi các nhóm nhỏ kỹ thuật viên không chiến đấu của Không quân tới Đông Dương." **22/**

d. Anh Quốc chống "hành động thống nhất"

Từ ngày 11 đến ngày 14 tháng 4, Ngoại trưởng Dulles đã đến thăm London và Paris để cố gắng có được các cam kết của Anh và Pháp hỗ trợ đề xuất của ông cho "hành động thống nhất." Theo Tổng thống Eisenhower, Dulles cảm thấy rằng ông sẽ được Quốc hội bảo đảm hỗ trợ cho "hành động thống nhất" nếu các đồng minh phê duyệt kế hoạch này của mình. **23/**

Dulles khám phá ra người Anh phản đối bất kỳ loại hành động quân sự tập thể nào trước Hội nghị Giơ-ne-vơ. Dulles giải thích, theo Eden kể lại, rằng Hoa Kỳ đã kết luận rằng Pháp có thể đã không còn đối phó được với tình hình ở Đông Dương, dù quân sự hay chính trị, một mình. Nếu vị trí Pháp ở Đông Dương sụp đổ, hậu quả trong phần còn lại của Đông Nam Á sẽ nghiêm trọng. Không quân Hoa Kỳ và lực lượng hải quân đã sẵn sàng can thiệp và một số tàu sân bay đã được di chuyển từ Manila tới bờ biển Đông Dương. Phản ánh, Dulles nói, ông đã nghĩ rằng Hoa Kỳ không nên hành động một mình trong vấn đề này và rằng một liên minh cấp tốc đặc biệt có thể được hình thành để về sau có thể phát triển thành một tổ chức quốc phòng khu vực Đông Nam Á. Điều này tự nó sẽ ngăn cản Trung Quốc can thiệp hơn nữa ở Đông Dương và sẽ củng cố vị trí phương Tây tại Geneva bằng cách đưa ra bằng chứng của tình đoàn kết. **24/**

Eden đã không bị thuyết phục. Ông đã vẽ ra một sự phân biệt giữa vấn đề dài hạn của an ninh tập thể ở khu vực Đông Nam Á – nó cũng có thể được đảm bảo bằng hiệp ước sau khi Geneva - - và vấn đề "hành động thống nhất" ngay lập tức ở Đông Dương. Ông đã phản đối bất kỳ hành động quân sự hoặc đưa ra cảnh báo như thế trước Hội nghị Geneva. Người Anh đã sẵn sàng cung cấp cho Pháp những hỗ trợ đầy đủ về ngoại giao tại Geneva, hoặc như là người bảo lãnh của kết luận cuối cùng hoặc là một người tham gia trong các cuộc đàm phán đa phương nếu việc giải quyết không thành hiện thực. Trong trường hợp sau, người Anh sẽ sẵn sàng để thảo luận về một công thức phòng thủ tập thể bao gồm bất kỳ phần đất nào không Cộng sản ở Đông Dương, sẽ hình thành như là kết quả của những cuộc thảo luận ở Geneva. **Nhưng trước khi đến Geneva, họ sẽ không cam kết thống nhất hành động.**

Anh Quốc phân biệt giữa tính phù hợp của phương án [hành động] thống nhất sau, trái ngược với [phương án do Mỹ đưa ra] là trước ngày Hội nghị [Geneva] được thành lập là dựa trên những nghi ngờ nghiêm trọng về nội dung thực sự của hành động thống nhất. Như Dulles đánh giá một cách chính xác, đằng sau Anh để giải quyết là một "lo sợ rằng nếu chiến đấu tiếp tục, chúng ta cách này hay cách khác sẽ phải tham gia, qua đó nâng cao nguy cơ can thiệp của Trung Cộng và khả năng mở rộng chiến tranh hơn nữa." **25/** Eden tính rằng hành động trước khi Hội nghị sẽ không chỉ phá hủy cơ hội cho một giải pháp hòa bình, nhưng sẽ làm trầm trọng hơn nguy cơ mở rộng chiến tranh. Hoa Kỳ khi lập kế hoạch thừa nhận khả năng lớn là Trung Quốc sẽ can thiệp trực tiếp, và nhân sự tình báo của ông đã kết luận rằng việc phương Tây

tham gia sẽ kéo các lực lượng trên bộ và trên không của Trung Cộng vào một khi nỗ lực của Việt Minh trở thành "ngghiêm trọng có nguy cơ bị diệt." **26/**

Như vậy, trong khi Dulles tức giận ở cách ông cảm thấy người Anh đang tránh né Đông Dương, Eden lại rất bi quan về chất quân sự của Dulles trong một khu vực không chắc có giá trị mà kế hoạch Hoa Kỳ lại không rõ ràng, có nguy cơ cao. Có sự khác biệt đáng kể, trong tâm trí của Eden, giữa việc cảnh báo Cộng sản Trung Quốc không được can thiệp trực tiếp trước khi thực tế xảy ra ([chính sách] mà Anh đã theo đuổi vào giữa năm 1953) và hành động thống nhất, có thể, dù bất kỳ sự đảm bảo nào của liên minh với Bắc Kinh, vẫn sẽ được Trung Cộng cho là khiêu khích **27/**

Nghi ngờ của Anh, hơn nữa, là đẩy thêm niềm tin rằng Đông Dương không nhất thiết hoàn toàn bị mất tại Geneva trong trường hợp không có hành động thống nhất. London rõ ràng là rối trí khi nghe người Hoa Kỳ nói về chuyện "mất" Đông Dương, khi mà ở số 10 Downing Street [địa chỉ của văn phòng Thủ Tướng Anh ở Luân Đôn] cho rằng Pháp không thể thua cuộc chiến vào giữa lúc này [tháng 4 năm 1954] và mùa mưa sắp tới tuy nhiên họ có thể bị xiềng liếng." **28/** Trong khi Dulles luôn nói với người Anh rằng chỉ có hành động thống nhất với sự hình thành của một liên minh là có thể đảm bảo chống lại một chiến thắng ngoại giao hoàn toàn của Cộng sản tại Geneva, Eden cũng không kém phần thuyết phục rằng cách tốt nhất để đảm bảo sự tiếp tục của chiến tranh sẽ là hành động thống nhất, và Pháp, ngay cả sau Điện Biên Phủ, vẫn còn đủ mạnh để ngăn chặn Cộng sản chiếm toàn bộ Đông Dương.

Ngay cả trước khi Dulles bay tới London để lên tiếng với người Anh về hành động thống nhất, chính phủ Churchill đặt câu hỏi chặt chẽ về việc Hoa Kỳ đánh giá Đông Dương. Trong một điện tín ngày 01 Tháng tư, ví dụ, Dulles đã làm thông thoáng những khó chịu của mình về việc Anh từ chối chấp nhận quan điểm cho rằng mất Đông Dương cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến lợi ích an ninh của họ [Anh] tại Malaysia, Australia, và New Zealand. **29/** Điều này lại chính là sự thực, như Dulles đã tự mình phát hiện khi ông nói chuyện với Eden ở London và sau đó tại Geneva. Eden kiên định từ chối chấp nhận ý kiến của Dulles cho rằng có sự tương đồng giữa Đông Dương và Malaysia, trả lời lại rằng tình hình ở Malaysia là "nằm trong tay", trong khi ở Đông Dương là rõ ràng không phải như thế. **30/** Đô đốc Radford kết luận vào cuối tháng Tư từ cuộc hội đàm với các Tham Mưu Trưởng của Anh rằng chính sách của Vương quốc Anh dường như "là dựa trên một cơ sở rất hẹp hoàn toàn tuân theo điều kiện riêng của Vương quốc Anh mà không quan tâm đến các khu vực khác của vùng Viễn Đông như Nhật Bản ". **31/**

Người Anh chỉ đơn giản là không thể chấp nhận thuyết domino ngay cả khi họ thừa nhận giá trị an ninh của khu vực Đông Nam Á đối với thế giới tự do. Khi khai mạc của Hội nghị Geneva, mỗi

quan hệ Hoa Kỳ và Anh đã đạt đến một điểm thấp: Dulles khẳng định rằng người Anh là rào cản lớn để thực hiện hành động thống nhất, trong khi Eden lại bám vào quan điểm cho rằng đàm phán giải quyết hàng đầu để phân vùng sẽ được kết quả tốt nhất cho một tình hình chính trị-quân sự cực kỳ phức tạp ở Đông Dương.

f. Người Pháp chống hành động thống nhất

Ngoại trưởng Dulles ở tình trạng khá hơn trong việc thuyết phục Paris về "thống nhất hành động" hơn là ông đã làm tại London, nhưng vì lý do hơi khác nhau. Người Pháp đang tìm kiếm một hành động nhanh chóng để tránh một thất bại quân sự không thể tránh khỏi ở Điện Biên Phủ. Dulles, tuy nhiên, từ chối bị phân tán bởi cách tiếp cận tập thể liên quan đến chiến tranh Đông Dương. Pháp lo ngại rằng một thỏa thuận liên minh sẽ dẫn đến việc quốc tế hóa cuộc chiến và lấy sự kiểm soát [Đông Dương] ra khỏi bàn tay của họ. Do đó, họ chỉ mong muốn hỗ trợ cục bộ tại Điện Biên Phủ theo đường hướng của chiến dịch Điều Hậu

Hơn nữa, một phản đối "hành động thống nhất" theo quan điểm của Pháp là nó chỉ trì hoãn hoặc cản trở các cuộc đàm phán rất hàng đầu hướng tới một giải quyết mà Pháp ngày càng mong muốn. Mục tiêu của Hoa Kỳ là duy trì việc Pháp xác định tiếp tục chiến tranh. Dulles lo ngại rằng Pháp sẽ sử dụng Geneva để tìm thấy công thức một đầu hàng không mất thể diện cho Pháp. Thủ tướng Laniel tái khẳng định với Dulles ở Paris rằng chính phủ của ông sẽ không có hành động trực tiếp hoặc gián tiếp chuyển Đông Dương sang cho Cộng sản. Tuy nhiên, ông cũng kêu gọi sự chú ý đến mong muốn ngày càng tăng của nhiều người ở Pháp là ra khỏi Đông Dương bất cứ giá nào. Pháp nhấn mạnh rằng việc cần thiết phải chờ đợi kết quả của Hội nghị Geneva và họ không thể đưa ra trước ấn tượng rằng họ tin Geneva có thể thất bại. **32/**

g. Sự sụp đổ của nhóm làm việc về một Tổ Chức Phòng Thủ Chung Đông Nam Á (Ngày 20 Tháng Tư)

Ngay sau khi trở về Washington vào ngày 15 tháng 4, Bộ trưởng Dulles đã mời đại diện của Vương quốc Anh, Pháp, ba nước Đông Dương, Úc, New Zealand, Philippines, và Thái Lan tham dự một cuộc họp vào ngày 20 để thành lập một nhóm quốc phòng chung tại chỗ cho khu vực Đông Nam Á. Các đại biểu đã làm việc trên một bản thảo cho tổ chức tương lai. Bộ trưởng đã có ấn tượng từ buổi nói chuyện tại London với Eden là Vương quốc Anh, mặc dù ngay tức thì đã từ chối "hành động thống nhất" ở Đông Dương, sẽ không có phản đối một cuộc họp sơ bộ.

Ngày 18 tháng 4, chỉ hai ngày trước khi cuộc họp theo lịch trình, Đại sứ Vương quốc Anh thông báo với Dulles rằng sẽ không có sự tham gia của Anh. Lý do: không có sự hiểu biết về phần của Bộ trưởng Ngoại giao Anh là các nhóm cùng làm việc ngay tức thì, và không có thỏa thuận nào liên quan đến vấn đề thành viên. Bộ trưởng bày tỏ sự ngạc nhiên, nhưng trên cái nhìn về thái độ của Anh, cuộc họp ngày 20 tháng tư đã chuyển thành một cuộc họp ngăn chận cho các quốc gia gồm các bên đồng minh tại Hội nghị Giơ-ne-vơ. Trong một lời giải thích sau này về sự thay đổi trong thái độ của Anh, Ngoại trưởng Eden cho biết là khi đồng ý để các nhóm không chính thức làm việc, ông đã bỏ quên Hội nghị Colombo đang chờ và rằng ông cảm thấy không nên đưa ra bất kỳ chỉ dấu nào công khai nào về [tư cách] thành viên trong chương trình hành động thống nhất trước khi các cuộc thảo luận ở Colombo kết thúc. **33/** Bây giờ rõ ràng là người Anh đã bị hạn chế bởi Ấn Độ và bởi sự lo sợ rằng việc Anh tham dự cuộc họp sẽ được hiểu như một sự đồng ý về "thống nhất hành động." **34/** Hơn nữa, London không thể được trấn an bởi một bài phát biểu "trái banh thăm dò" của Phó Tổng thống Nixon vào ngày 17 tháng 4, trong đó ông đề nghị rằng Hoa Kỳ có thể "chấp nhận rủi ro khi đưa con em chúng ta vào..." để tránh "Cộng sản tiếp tục mở rộng ở châu Á và Đông Dương". **35/**

h. Pháp tiếp tục yêu cầu Hoa Kỳ can thiệp (21-25 tháng Tư)

Để chuẩn bị cho giai đoạn Đông Dương của Hội nghị Geneva, thảo luận ba bên (Mỹ, Anh, Pháp) đã diễn ra tại Paris vào giữa tháng Tư. Trong các cuộc thảo luận, người Pháp cho rằng một Geneva giải quyết thành công là phụ thuộc vào một kết quả thuận lợi của trận chiến ở Điện Biên Phủ và sự tham gia của họ trong một liên minh Đông Nam Á không thể có được nếu Điện Biên Phủ sụp đổ. Chẳng có gì có thể đảm bảo một vị trí của Pháp trong trường hợp Điện Biên Phủ bị sụp đổ. Pháp cho rằng chỉ có một can thiệp quy mô lớn bằng không lực và hải quân Hoa Kỳ mới có thể cứu vãn tình hình Đông Dương. Họ không yêu cầu chính thức can thiệp trong các cuộc thảo luận ba bên, nhưng trên một số lần đề nghị hoặc ám chỉ cho người Hoa Kỳ rằng những hành động đó là cần thiết. **36/**

Ngày 21 tháng 4, Marc Jacquet, Thứ trưởng Ngoại Giao Đặc Trách Liên Lạc Các Nước Trong Liên Hiệp, sau đó ở Paris đã nói với Đại sứ Hoa Kỳ ở Đông Dương, Donald Heath, rằng không có thẩm quyền quân sự Pháp nào tin rằng một chiến thắng có thể ở Đông Dương mà không có can thiệp bằng không quân và hải quân của Hoa Kỳ, và rằng hành động như vậy cần được đưa ra sau khi sắp xảy ra thất bại của giai đoạn Đông Dương trong Hội nghị Geneva. **37/**

Ngày 22 Tháng Tư, Bộ trưởng Ngoại giao Bidault, với tướng Ely, đề nghị với Bộ trưởng Dulles rằng cần có sự tham khảo ý kiến khẩn cấp giữa Tướng Navarre và các tư lệnh quân sự Hoa Kỳ ở Đông Dương. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao [Pháp] nói rằng, mặc dù [trước đây] ông đã phản đối việc quốc tế hóa chiến tranh [Đông Dương], giờ đây ông ủng hộ nó với sự tham gia của Hoa Kỳ nếu việc này có thể cứu được Điện Biên Phủ. **38/**

Ngày 23 Tháng Tư, Thứ trưởng Ngoại Giao Pháp Andre Bougenot, trước sự hiện diện của Thủ tướng Laniel, đã đề nghị với Douglas MacArthur II, Tham tán của Bộ Ngoại giao, rằng Hoa Kỳ có thể đưa máy bay của hải quân vào trận chiến Điện Biên Phủ mà không làm rủi ro cho uy tín của Mỹ, hay một hành động giao chiến bằng cách dùng các máy bay đó nhưng sơn phù hiệu Pháp và được hiểu như một phần của quân viễn chinh Pháp, một hành động dưới danh nghĩa Pháp, đơn lẻ gồm các cuộc không kích kéo dài hai hoặc ba ngày. **39/**

Cùng ngày, Bộ trưởng Ngoại giao [Pháp] Bidault cho Bộ Trưởng [Mỹ] thấy một điện tín từ Tướng Navarre trong đó các chỉ huy Pháp nói rằng tình hình ở Điện Biên Phủ đã tuyệt vọng và ông tin rằng lựa chọn duy nhất là (1) chiến dịch Diều Hâu, ném bom mạnh mẽ bằng B-29 (mà Ngoại trưởng Dulles hiểu rằng hoạt động của Hoa Kỳ từ các căn cứ bên ngoài Đông Dương), hoặc (2) Liên Hiệp Pháp sẽ một yêu cầu một cuộc ngừng bắn (mà Bộ trưởng Ngoại giao [Pháp] đảm bảo là chỉ cho Điện Biên Phủ, nhưng Tướng Navarre, hóa ra muốn nói là áp dụng cho cả Đông Dương). **40/**

4. Vị thế chót của Hoa Kỳ trước Hội Nghị Geneva

a. Trao Đổi với Pháp

Phản ứng của người Hoa Kỳ về các đề xuất khác nhau là nhắc lại cho Pháp những điều kiện tiên quyết cần thiết cho sự can thiệp của Mỹ: (1) hoàn tất độc lập cho các nước Đông Dương (2) được Quốc hội ủy quyền, (3) một liên minh bao gồm Vương Quốc Anh. **41/** Liên quan đến sự cần thiết phải liên minh, Bộ trưởng Dulles ở Paris và Thứ Trưởng W. Bedell Smith ở Washington đã đề nghị với các quan chức Pháp rằng Pháp, trong cùng cách thức mà họ đã yêu cầu không quân Hoa Kỳ can thiệp ở Đông Dương, họ nên yêu cầu Anh can thiệp vào đây. **42/**

Trước khi rời Paris để đi Geneva, Ngoại trưởng Dulles gửi cho Bộ trưởng Ngoại giao Bidault một lá thư trả lời cho gợi ý của Tướng Navarre rằng Hoa Kỳ can thiệp bằng không quân vào Điện Biên Phủ là thay thế duy nhất cho một lệnh ngừng bắn. Trong thư này, Ngoại trưởng một lần nữa tuyên bố những điều kiện tiên quyết cần thiết cho sự can thiệp của Hoa Kỳ, và tranh luận rằng nếu Điện Biên Phủ sụp đổ thì không còn lý do gì cần thiết để bào chữa cho một lệnh ngừng

bản.. **43/** Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp, trong một thư đã hạn chế [vấn đề] trong những hậu quả quân sự với sự can thiệp của Hoa Kỳ, trả lời theo ý kiến của các chuyên gia quân sự Pháp "một sự can thiệp ồ ạt của không quân Hoa Kỳ vẫn có thể cứu các đơn vị đồn trú", **44/**

b. Trao Đổi với Anh

Trong các cuộc thảo luận với người Anh, trong khi đó, Hoa Kỳ đã thử cả hai: (1) đưa Anh tham gia vào một chiến dịch không và hải quân chung Anh-Mỹ vào Điện Biên Phủ và (2) thuyết phục Vương quốc Anh rằng việc nhanh chóng tổ chức một tập thể quốc phòng ở Đông Nam Á là cần thiết để giúp người Pháp ở Đông Dương. **45/**

Anh đã sẵn sàng, tuy nhiên, để tham gia các cuộc thảo luận sớm về quân sự để xem xét các biện pháp có thể được thực hiện trong khu vực Đông Nam Á nếu Đông Dương bị mất. Cùng những đường hướng này, Ngoại trưởng Eden và Ngoại trưởng Dulles đã ướm thử những ý kiến vào ngày 22 tháng 4 về khả năng về một thẩm định quân sự bí mật của Hoa Kỳ, Anh, Úc, New Zealand, và Thái Lan - những gì có thể được thực hiện để thúc đẩy Thái Lan trong trường hợp Pháp sụp đổ ở Đông Dương. Bộ trưởng Ngoại giao Anh đã trở lại đề xuất này trong một cuộc trò chuyện với Ngoại trưởng Dulles vào ngày hôm sau. **49/**

Ngày 30 Tháng Tư, trong khi cho thấy rằng người Anh đã được chuẩn bị để bảo vệ khu vực ngoài Đông Dương, và có thể là phần tự do của một Đông Dương bị chia cắt, Eden đề nghị Bộ trưởng Dulles " cùng khảo sát ngay tức khắc và bí mật các vấn đề chính trị và quân sự trong việc tạo ra một phòng thủ tập thể Đông Nam Á, cụ thể là: (a) bản chất và mục đích, (b) thành viên; (c) các cam kết ". Ông nói thêm rằng việc khảo sát này cũng nên bao gồm các biện pháp ngay lập tức để tăng cường cho Thái Lan. **50/**

Ngoại trưởng Dulles nêu ra câu hỏi rằng các cuộc thảo luận sớm về quân sự có thể củng cố vị trí của Pháp tại Hội nghị Giơ-ne-vơ trong một cuộc họp ở Geneva vào ngày 02 tháng 5 với Bộ trưởng Ngoại giao Úc và New Zealand, các đối tác của Hoa Kỳ trong tổ chức ANZUS. Cả ba đã đồng ý tại cuộc họp này là cần có cuộc đàm phán giữa năm cường quốc quân sự tại Washington trong số các nước trong ANZUS, Anh, và Pháp, có thể với sự tham gia của Thái Lan. **51/**

c. Cái nhìn của Washington

Ở Washington, trong lúc đó, Tổng thống vào ngày 26 tháng 4, ngày khai mạc của Hội nghị Geneva, đã nói với một nhóm các nhà lãnh đạo đảng Cộng hòa là nó sẽ là một " lỗi lầm bi đát "

cho Hoa Kỳ khi can thiệp đơn phương như là một đối tác của Pháp trong chiến tranh Đông Dương. **52/** Hai ngày sau, trong một cuộc thảo luận với Phó Bộ trưởng W. Bedell Smith, Trợ lý Tổng thống Robert Cutler, và Đô đốc Radford (người đã từng đến London và đã nói chuyện với các Tổng Tham Mưu Trưởng của Anh và Thủ tướng Churchill), **53/** Tổng thống bày tỏ thất vọng về thái độ của Anh đã không tham gia tích cực trong cuộc thảo luận về một thỏa thuận an ninh tập thể Đông Nam Á trước khi Hội nghị Geneva kết thúc. Tổng thống Eisenhower, trong cuộc thảo luận này, nhắc lại quyết định không thay đổi của ông là sẽ có không có sự can thiệp quân sự Hoa Kỳ ở Đông Dương bằng quyết định của hành pháp. Ông kêu gọi những người phụ tá của mình trợ giúp cho người Pháp trong việc sửa chữa ba sân bay ở Đông Dương, nhưng tránh bất kỳ rủi ro không đáng liên quan đến Hoa Kỳ trong các chiến dịch chiến đấu. **54/**

Tính khả thi về một can thiệp của Hoa Kỳ tại Điện Biên Phủ cuối cùng đã được gỡ bỏ với sự sụp đổ của căn cứ địa [Điện Biên Phủ] đó vào ngày 07 Tháng Năm [1954]. Tổng thống Eisenhower đã gửi điện tín cho tổng thống Pháp, René Coty, và người đứng đầu Nhà nước Việt Nam, Bảo Đại, ca ngợi những người đã bảo vệ Điện Biên Phủ và nhấn mạnh quyết tâm của thế giới tự do là vẫn "trung thành với những mục đích vì đó mà họ chiến đấu ". **55/**

5. Đánh giá lại thuyết Domino sau Điện Biên Phủ

Sự sụp đổ của Điện Biên Phủ, và việc thất bại không tổ chức được một can thiệp thông qua "hành động thống nhất" trước khi Hội nghị Geneva khai mạc vào cuối tháng Tư, năm 1954, đã dẫn đến một đánh giá lại về "học thuyết domino" là trung tâm của chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á kể từ cuối năm 1940. Sự mất mát của Bắc Bộ, Việt Nam, hoặc có lẽ thậm chí tất cả Đông Dương, không còn được coi là điều chắc chắn sẽ dẫn việc mất tất cả các nước Đông Nam Á vào tay chủ nghĩa cộng sản.

Theo đó, Bộ trưởng Dulles trong một cuộc họp báo ngày 11 tháng 5 (bốn ngày sau khi Pháp đầu hàng tại Điện Biên Phủ) quan sát thấy rằng "khu vực Đông Nam châu Á có thể được bảo đảm có lẽ ngay cả khi không Việt Nam, Lào và Campuchia." Cần lưu ý rằng mặc dù ông sẽ không muốn đánh giá thấp tầm quan trọng của các nước này, ông sẽ không muốn hoặc đưa ra ấn tượng rằng nếu chúng ta không thể kiểm soát được, và chúng ta không dự đoán được những biến cố, sẽ dẫn đến những mất mát rồi từ đó chúng ta cho rằng tình hình chung là vô vọng và chúng ta sẽ bỏ cuộc trong tuyệt vọng...**56/** Trong một nhận xét tại buổi họp báo mà sau đó đã được xóa khỏi bản gốc chính thức, Dulles nói rằng Lào và Cam-pu-chia "quan trọng nhưng không có nghĩa là cần thiết bởi vì họ là các nước nghèo với số dân ít ỏi. **57/**

Sau đó, Hoa Kỳ đã dành cam chịu với giải pháp chính trị tại Geneva giao miền Bắc Việt Nam cho chế độ Hồ Chí Minh, khái niệm "hành động thống nhất" đã nhận một sự biến đổi mới. Nó bây giờ trở thành một nỗ lực nhằm tổ chức một liên minh quốc phòng tập thể lâu dài để bù vào thất bại ở Đông Dương và ngăn ngừa sự thiệt hại hơn nữa. Đó là thất bại lâu nay bị sợ hãi nay được coi là ít nghiêm trọng hơn đã từng dự kiến. Việc mất Bắc Bộ không còn được coi là sẽ nhất thiết dẫn việc cộng sản chiếm các lãnh thổ giữa Trung Quốc và bờ biển của Mỹ. Cuối cùng, trong Tổ Chức Liên Phòng Đông Nam Á [SEATO – South East Asia Treaty Organization], Hoa Kỳ tìm cách để tạo ra một liên minh đủ mạnh để chịu được sự sụp đổ domino như vậy.

1. Ho Chi Minh, Selected Works, Vol. III, (Hanoi: Foreign Languages Publishing House, 1961), pp. 408-9; Peter V. Curl, ed. Documents on American Foreign Relations 1953, (New York, 1954), p. 162; both as cited in Melvin Gurtov, The First Vietnam Crisis (New York: Columbia Univ. Press, 1967), pp. 18, 48, 171-2.
2. Telegram from Theodore C. Achilles, deputy chief of mission, Paris, to Dulles No. 2110, November 30, 1953 (CONFIDENTIAL).
3. Dulles telegram No. 180 to American Embassy - Paris, July 15, 1953, (TOP SECRET) following bilateral talks of July 12. This position was reaffirmed in NSC 177 of December 30, 1953.
4. See Dulles' September 2, 1953, address to the American Legion, in which he said: "We want peace in Indochina, as well as in Korea. The political conference about to be held relates in the first instance to Korea. But growing out of that conference could come, if Red China wants it, an end of aggression and restoration of peace in Indochina. The United States would welcome such a development." Cf. a French memorandum, undated, following tripartite (U.S.-U.K.-France) talks in Washington in July 1953. Here, it is urged that the Chinese representative to the Korean political conference be sounded out on China's intentions toward Indochina. China must be made to conclude "that her best interest is to cut down her support of the Viet Minh, in order to enjoy the benefits which she might expect to derive from a prolonged or final cessation of hostilities on the 38th parallel." (CONFIDENTIAL).
5. New York Herald Tribune, February 19, 1954, p. 3, as quoted in Gurtov, op.cit., p. 76.
6. Department of State, U.S. Policy on Indochina, 1945 - May 8, 1954, Research Project No. 370, July 1955, p. 11.
7. According to the Defense Department, Chinese aid was constant at 1000 tons a month from March 1953 to March 1954, with the exceptions of June 1953 (2200 tons) and March 1954 (2500 tons). See memorandum of Robert H. B. Wade (OASD) to Brig. Gen. Bonesteel (OASD, ISA), April 13, 1954 (SECRET).
8. Dulles reminded Ely that once the U.S. committed any of its armed forces to the war, we would want to have a success, which in turn meant "a greater degree of partnership than had prevailed up to present time, notably in relation to independence for Associated States and training of indigenous forces." Dulles priority telegram to American Embassy - Paris (eyes only for Ambassador Dillon) No. 3277, March 23, 1954 (TOP SECRET).

9. Paul Ely, Mémoires: L'Indochina dans la Tourmente, (Paris: Plon, 1964), p. 64.
10. Ibid., pp. 76-77, 82-83; Jean Laconture and Philippe Devillers, La Fin d'une Guerre (Paris, 1960), p. 73; Joseph Laniel, Le Drame Indochinois: De Dien Bien Phu au Pari de Geneve, (Paris: Plon, 1957), p. 88. Laniel writes of a raid by 300 Philippine-based fighter bombers.
11. Melvin Gurtov, The First Vietnam Crisis (New York: Columbia Univ. Press, 1967), pp. 79-80; 188; 217.
12. John Foster Dulles, "The Threat of a Red Asia," Department of State Bulletin, April 12, 1954.
13. Dwight D. Eisenhower, Mandate for Change, 1953-1956 (New York: Doubleday & Co., 1963), pp. 346-7.
14. Memorandum by Bonbright (EUR) of conversation among Dulles, Ambassador Spender (Australia) and Ambassador Munro (New Zealand), April 4; memorandum by Bonbright of conversation between Dulles and Munro, April 6, 1954, TOP SECRET - as given in Department of State Research Project No. 370, op.cit., p. 16.
15. Anthony Eden, Full Circle (Boston: Houghton Mifflin Co., 1960), p. 104.
16. Telegram 3729 from American Embassy, Paris, April 5, 1954 (TOP SECRET).
17. Telegram 3710 from American Embassy, Paris, April 5, 1954 (TOP SECRET).
18. The account of the April 3 meeting is taken primarily from Gurtov, op.cit., pp. 94-96. Gurtov's book draws heavily from Chalmers M. Roberts, "The Day We Didn't Go to War," The Reporter, XI, September 14, 1954. Corroborative material is to be found in John Robinson Beal, John Foster Dulles, (New York, 1957), pp. 207-8; Eisenhower, Mandate for Change, pp. 346-7.
19. Gurtov, op.cit., pp. 96-97.
20. Deptel 689 to American Embassy, London, August 3, 1954 (TOP SECRET).
21. Deptel 3482 to American Embassy, Paris, April 5, 1954 (TOP SECRET).
22. Sherman Adams, Firsthand Report: The Story of the Eisenhower Administration, (New York: Harper and Bros., 1961), p. 121.
23. Eisenhower, op.cit., p. 347.
24. Eden, op.cit., pp. 106-7.

25. Dulles "eyes only" telegram DULTE 9 from Geneva for Smith, Dillon, and Aldrich, April 26, 1954 (TOP SECRET).
26. "View of British JIC [Joint Intelligence Center] on Indochina," April 16, 1954 (SECRET). JIC estimated that the Chinese could deploy about 128,000 men in three field armies to the Indochina frontier within twelve days. In the air, the CCAF would probably provide "only minimum air support," JIC calculated, inasmuch as the Chinese would doubtless want to reserve their air power for defense of the mainland.
27. See Aldrich priority cable "eyes only" No. 4382 from London to Dulles, April 6, 1954 (TOP SECRET).
28. See Dulles "eyes only" cable NIACT 5177 and 3478 (TOP SECRET), written after a conversation with the British Ambassador, Sir Roger Makins, on April 2, 1954.
29. Dulles telegram No. 5090 to American Embassy - London, April 1, 1954 (TOP SECRET).
30. Dulles "eyes only" telegram from Geneva DULTE 5 for Smith, April 25, 1954 (TOP SECRET).
31. In U.S. Ambassador Aldrich's "eyes only" telegram No. 4725 from London for Dulles, Smith, Wilson, and JCS, April 26, 1954 (TOP SECRET).
32. Memorandum by MacArthur of conversation with Prime Minister Laniel, in Paris, April 13; memorandum of conversation among Dulles, Ambassador Dillon, MacArthur, Lt. Col. Walter, Laniel, and Foreign Minister Bidault, in Paris, April 14; memorandum by MacArthur of conversation between Dulles and Bidault, April 14; TOP SECRET, from Paris, tel. 3888, April 14, 1954, SECRET. In State Department Research Project No. 370, July, 1955.
33. Memorandum by Merchant (EUR) of conversations between Ambassador Makins and Smith (U) and between Makins and Dulles, April 18, 1954, SECRET; from Paris, tel. DULTE 3, April 22, 1954, TOP SECRET. In Department of State Research Project No. 370, July, 1955. Hereafter cited as "R.P. No. 370."
34. Eden, op.cit., pp. 109-111.
35. Eisenhower, op.cit., p. 353.
36. From Paris, tels. DULTE 2, April 22, and DULTE 15, April 24, 1954, TOP SECRET, R.P. No. 370.
37. From Paris, tel. 3972, April 21, 1954, SECRET. R.P. No. 370.

38. From Paris, tel. DULTE 2, April 22, 1954, TOP SECRET. (See also from Saigon tel. 2096, April 23, 1954, and tel. 2098, April 24, 1954, both TOP SECRET.) From Saigon the Chief of the U.S. Military Assistance Advisory Group reported that the French Commander lacked the ability to wage war on a scale necessary to win, and he suggested that the United States assume operational and training control in southern Indochina. From Saigon, Army tel. MG 1122 A 220400Z and tel. 2072, April 22, 1954, SECRET and TOP SECRET, respectively. R. P. No. 370.
39. Memorandum by MacArthur of conversation among Laniel, Vidal, Bougenot, and himself, in Paris, April 23, 1954, TOP SECRET; from Paris, tel. DULTE 9, April 26, 1954, TOP SECRET. R.P. No. 370.
40. From Paris, tels. DULTE 7 and 10, April 23; DULTE 15, April 24, 1954, all TOP SECRET. R.P. No. 370.
41. From Paris, tels. DULTE 2, April 22; DULTE 7 and 10, April 23; DULTE 17, April 24; memorandum by MacArthur of conversation among Laniel, Vidal, Bougenot, and himself, in Paris, April 23, 1954, all TOP SECRET. R.P. No. 370.
42. From Paris, tel. DULTE 17, April 24, 1954, TOP SECRET; to Geneva, tel. TEDUL 4, April 25, 1954, TOP SECRET. R.P. No. 370.
43. From Paris, tel. DULTE 13, April 24; to Paris, tel. TEDUL 8, April 24, 1954, TOP SECRET. For comments on American policy by Secretary Dulles at a background meeting with correspondents in Geneva on April 25, see from Geneva tel. SECTO 6, April 25, 1954, CONFIDENTIAL. R.P. No. 370.
44. From Paris, tel. 4058, April 25; from Geneva, tel. DULTE 8, April 26, 1954, TOP SECRET. R.P. No. 370.
45. From Paris, tels. DULTE 3, April 22; DULTE 10, April 23, DULTE 18, April 24, 1954, all TOP SECRET. R.P. No. 370.
46. From Paris, tel. DULTE 15, April 24, 1954, TOP SECRET. R.P. No. 370.
47. From Paris, tel. DULTE 17, April 24; from Geneva, tel. DULTE 7, April 26, 1954, both TOP SECRET. House of Commons, Parliamentary Debates, Fifth Series, April 27, 1954, p. 1456. R.P. No. 370.
48. From London, tel. 4750, April 27, 1954, SECRET. R.P. No. 370.
49. From Paris, tel. DULTE 10, April 23, 1954, TOP SECRET. Concerning the reactions of Under Secretary Smith and Secretary Dulles to Eden's proposal, see Geneva, tel. TEDUL 2, April 24, 1954, TOP SECRET, and from Geneva, tel. DULTE 25, April 29, 1954, TOP SECRET. R.P. No. 370.

50. From Geneva, tels. DULTE 7, April 26; DULTE 30, and DULTE 34, April 30, 1954, all TOP SECRET. Secretary Dulles told Mr. Eden that the initial nucleus in the proposed Southeast Asian defense plan should comprise Thailand, the Philippines, Australia, and New Zealand, as well as the United States, the United Kingdom, France, and the Associated States of Indochina (from Geneva, tel. DULTE 33, April 30, 1954, TOP SECRET). R.P. No. 370.
51. Memorandum by McBride (WE) of conversation among Dulles, Smith (U), R. G. Casey (Australia), and T. C. Webb (New Zealand), in Geneva, May 2, 1954, SECRET; see also from Canberra, tel. 257, May 7, 1954, SECRET. R.P. No. 370.
52. To Geneva, tel. TEDUL 16, April 28, 1954 (containing summary by Robert Cutler of the White House staff, of principal points made by the President), TOP SECRET. R.P. No. 370.
53. For an account of Admiral Radford's conversations with British leaders in London, see from London, tel. 4725, April 26, 1954, TOP SECRET; to Geneva, tel. JCS 960578, April 27, 1954, TOP SECRET. R.P. No. 370.
54. To Geneva, tel. TEDUL 16, April 28, 1954, TOP SECRET; memorandum by Cutler (White House staff) of conversation in the President's office among the President, General Smith (U), Admiral Radford, and himself, April 28, 1954, TOP SECRET. R.P. No. 370.
55. From Geneva, tel. DULTE 2, April 25, 1954, TOP SECRET; from Paris, tel. 4266, May 7, 1954, CONFIDENTIAL; White House Press Releases (2), May 7, 1954.
56. Department of State Press Release No. 4, May 11, 1954.
57. For the official conference transcript see Department of State Bulletin, XXX, No. 778, May 24, 1954.

===== Hết Phần II =====

Nguyễn Quốc Vĩ dịch